

Tác Giả và Tác Phẩm

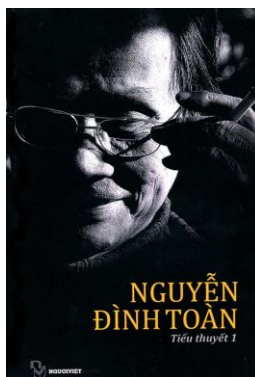
Nguyễn Đình Toàn (II)

Tiểu sử

Hiện đang ở Long Beach, Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Giờ ra chơi, Đêm hè, Áo mơ phai, Đêm lãng quên
Không một ai, Đám cháy, Bông Hồng Tạ ơn I & II



Mục Lục

Tro tàn rụng rơi – 2

Ngày tháng – 2

Nguyễn Đình Toàn: tình yêu & tuổi trẻ... - Nguyễn Mạnh Trinh - 12

Tro tàn – 17

Sương mù và lá – 18

Nguyễn Đình Toàn: Riêng chữ với người - Lưu Na – 21

Phụ đính :

Vũ Hữu Định – Thơ Phùng Cung

30- 4 đọc thơ Đất Khách của Thanh Nam

Nguyễn Đình Toàn và nỗi buồn trước mặt

Tạp chí văn nghệ của Nguyễn Mạnh Trinh

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”).

Tro tàn rụng rơi

Ta có thờ khói thương nhau
Tình cũng như nhang tàn
Ta còn nường nấu trong đời không bao lâu
Lòng có đau thì cũng như là nắng qua chiều
Thôi cũng nhẹ

Ta yêu nhau trong nghèo khó
Khi quê hương tàn phá
Được mấy ngày vui trong đời
Tóc biếc ngoảnh đi đã đỏ màu phai

Ta xa nhau vào lúc xa đời
Bóng bỏ theo người
Đổ một lần cho hết cuộc rủi may
Cứ coi là mất coi là hết
Lật ngửa bàn tay mà cắt dây
Dấu cho còn có khi nào nữa
Gặp lại được nhau cũng muộn rồi

Đừng hỏi tình xa bao lâu tình sẽ lạ
Và hỏi người chia xa nhau lòng có sợ
Gương lạnh bóng mờ
Còn một phần ba cây nhang đời cháy vội
Đội một hòn than chôn chân sào đứng đợi
Tro tàn rụng rơi./.

Ngày tháng

Những tháng mưa làm cho ngày ngắn đi. Buổi chiều tan sở ra đến cửa đã thấy bóng tối chạng vạng lẫn trong sương mù và hơi nước, tôi đi dọc theo các khu phố trở về nhà dưới trời mưa, nghe gió lạnh thổi vào thấm qua quần áo, hôm nào có Vinh còn đỡ, bữa nào phải về một mình, vừa rét vừa buồn. Xe hơi bật đèn chạy khi còn ánh sáng làm cho buổi chiều hình như mất hết vẻ của nó. Đó là một khoảng thời gian không tên gọi, như tuổi ba mươi của một người đàn bà, ngày tháng và hy vọng đã bắt đầu thoi thóp. Vinh đối với tôi như ngọn đèn xanh đỏ ở ngã tư đường, giam hãm, giữ lại trong giây lát trước khi tôi vượt biên qua bên kia. Đó là lúc nghĩ chân nhưng cũng nhiều khi làm mình bực bội. Anh ở trên cao đó không liên quan gì đến tôi, nhưng tôi phải nghe theo anh, nếu không tôi không thể tránh được cảm tưởng là mình phạm lỗi. Tôi phải tuân theo hiệu đèn trước khi qua đường. Hẳn rằng ở đây không có người biên phạt. Nhưng ít ra tôi cũng phải tuân theo một luật lệ nào đó trong khi đến tuổi già, nếu không tôi chỉ là kẻ trôi xuôi trong dòng ngày tháng. Tôi phải được giữ lại trong cánh tay anh. Phải được sống với anh để nhận ra thân thể mình. Không thể ù lì như buổi chiều bị đêm nuốt không còn lại một dấu vết gì. Dù việc ấy ích lợi hay không tôi không cần biết, nhưng nếu còn có thể ngoi đầu lên khỏi mặt nước để thở, tôi phải ngoi lên để thở. Thở để sống. Và sống có nghĩa là sống với anh, sống với một người nào đó. Sống một mình là ngoác ngoải, là chiều không ra chiều, đêm không ra đêm. Tự sở mó thân thể mình là một điều nhục nhã, và tự làm ung thối mình. Không có nắng ấm làm cho chín. Phải có một người chông chết đi trên tay tôi mới biết ra điều ấy. Tôi có yêu anh không có lẽ đây là việc tôi cũng chẳng cần đặt ra với mình nữa, bởi vì anh ấy đã chết. Còn Vinh? Lần thứ nhất gặp Vinh khi vừa từ một tỉnh xa trở về Sài Gòn, cái nóng bức của thành phố cũ còn vấy hăm lấy tôi làm cho tôi khiếp sợ. Ở đó đêm không thể ngủ thẳng giấc vì trời nóng và

vì tiếng phi cơ bay lượn suốt hai mươi bốn giờ một ngày. Gió từ những bãi cát trắng chói mắt ngoài bờ biển và các dãy núi đá, về mùa hè, thổi tới như hơi nước sôi. Những cây thông trong vùng phi trường cháy đen vì gió. Hoa phượng vĩ trên các hè đường giống như những tia lửa nhìn thấy đằng sau các chiếc phi cơ phản lực đình tại nhúc nhúc lên xuống mỗi phút. Đòi sống cũng bằng hoàng như tin tức về cuộc chiến tranh mỗi ngày đè nặng lên đất nước, tiếng bom đạn và động cơ rung chuyển nhà cửa, người nói chuyện không nghe thấy tiếng nhau. Người lớn ngày tắm hai ba lần vẫn nóng, trẻ con rôm sảy đầy mình. Tôi có thể nói một điều gì về Vinh trong tình trạng này chăng? Hơi lửa mặt trời còn chạy rần rần trong máu chưa thoát khỏi các lỗ chân lông cùng với cái chết của chồng tôi còn ở bên cạnh những đêm ngủ một mình. Vinh mời tôi uống một tách trà trong ngày đầu tiên ấy và tôi nghĩ anh còn trẻ hơn tôi nhiều. Buổi chiều đó cơn mưa thổi bụi và lá vàng bay xao xác trong công viên ở phía bên kia đường. Tôi nghĩ giá được sang ngồi trên chiếc ghế đá ở góc vườn hoa lúc đó cũng thích. Vinh bỏ đường, vắt chanh vào tách trà cho tôi. Chén trà ấy sẽ là phai đi phần nào lượng mặt trời đang muốn biến tôi thành cây thông cháy trong phi trường. Khi Vinh hôn tôi cái hôn đầu tiên, tôi nghĩ, cuộc hỏa hoạn đã được dập tắt, tôi bắt đầu phải thở hết thán khí ra khỏi ngực. Mấy ngón tay Vinh thơm mùi vỏ chanh. Mùi thơm ấy báo hiệu rằng tôi phải làm người làm vườn trở lại. Phải trồng trọt lại những tình cảm của mình. Trên mảnh đất tôi không nhìn rõ mặt. Trên mảnh đất tôi đã khóc than và đã chôn một quãng đời của mình. Chiếc taxi chạy đến, tôi mờ mắt, nhìn vàng trán Vinh che kín trước mặt tôi chỉ biết lúc ấy trời đã tối, đèn lộ đã được thắp lên, Vinh đưa tôi đến một quán ăn. Chúng tôi ngồi trên gác và nhìn xuống phố, phía xa là đường xe lửa. Vinh hỏi tôi, Hà ăn gì? Tôi nói, em không đói. Không đói cũng phải ăn chứ. Đĩa thức ăn bốc khói trước mặt, máy điều hòa không khí chạy ù ù, dao nĩa và những chiếc thìa mạ kền sáng bóng, môi tôi bị bỏng rẫy, Vinh nhìn tôi, tôi biết anh đang làm quen với tôi và làm quen với cuộc tình anh vừa bắt gặp. Bữa ăn chẳng có gì ngon lành vì tôi không để ý đến các món. Tách cà phê cuối cùng cho tôi lấy lại bình tĩnh. Nhưng những giây phút bình tĩnh đối với tôi chỉ là những giây phút buồn bã. Chát nước đen ám và ngọt làm tôi nhớ tới những buổi sớm làm lấy bữa ăn sáng của mình trước khi đến sở. Nói là bữa ăn sáng nhưng thường thường tôi chỉ uống một tách cà phê nhỏ mà thôi. Ngồi một mình trong chiếc ghế nhìn căn phòng vắng vẻ, chiếc quạt máy quay đều, tôi tưởng tượng hình dáng của chính mình sáng ngày hôm sau sẽ làm những cử động tương tự ra sao, và ngày tới có lúc bất chợt thấy mình có những dáng điệu giống như đã làm một lần rồi, khiến tôi hoảng sợ, không biết có phải mình bị dẫn dắt bởi tưởng tượng ngày hôm trước hay thực ra đã có những lần tôi đi lại, cử động như thế. Khi chúng tôi còn sống, có những sáng thức giấc, chợt nhìn thân thể mình trần trên giường, giống như nhiều sáng khác, nhưng chính nó lại cho tôi cảm giác thoải mái, cảm giác nôn nao của thứ hạnh phúc đầm đềm dưới da thịt, ngây ngất như giấc ngủ chưa đi hết, những sự lặp lại này cho tới ý nghĩa rõ ràng rằng mình đã sống qua một đêm và mình đang tiếp tục sống. Tôi đang sống, đó là tiếng reo vui thì thầm thường làm tôi cười trong lúc nửa thức nửa ngủ đó, và giật mình vì bị ngạt hơi tình hân dậy vì anh hôn tôi, anh đã mặc quần áo bay, sửa soạn ra phi trường, còn tôi, anh bắt em ngủ thế chứ bộ tại em sao, tôi làm nũng với anh, và giữ chặt anh với quần áo của anh để thấy rõ da thịt mình, hôm nay anh bay đâu, thôi đừng có cắn em đau nghe, tôi sẽ khép hai chân lại, nhưng làm thế nào giữ nổi anh, em ngủ lại nhé, anh đi nhớ khóa trái cửa rồi ném chìa khóa vào cho em, không ngộ nhớ có ai đến thì chết. Những buổi sáng như thế tiếp diễn không biết được bao lâu, rồi có một buổi tôi chờ không thấy anh trở về nữa. Vị chỉ huy trưởng của anh đến tận nhà nói rõ hơn cho tôi hay là thôi, có lẽ anh không còn bao giờ trở về nữa. Buổi sáng đó là buổi sáng tôi tỉnh một lượt giấc ngủ của mình chứ không tỉnh làm hai ba lần như xưa nữa. Tôi rửa mặt soi bóng mình trong gương, nhìn chân tay người ngọm chỗ nào cũng làm tôi muốn khóc hết. Tôi khóc cả giờ trong buồng tắm, khóc cả giờ khi trở ra nằm xuống giường. Lúc anh đi anh không đánh thức tôi dậy. Thành thử tôi đã không nhớ được mặt anh trong ngày cuối cùng. Sự im lặng trong một góc phòng, dưới gầm giường, trên trần nhà, trong bồn nước, đề cứng lấy chân tay, tôi ăn uống và sống bằng một ý thức trong suốt, không lúc nào nín khóc, anh đã bị rơi máy bay đâu đó trong một khu rừng, tất cả chỉ còn lại một chút tro than, người ta đã phủ cho anh một lá cờ, thổi hiệu

kèn vĩnh biệt, bỗng súng chào người chết cho Tổ quốc. Tôi trả lại căn nhà cho căn cứ, ra phố thuê nhà ở, kiếm việc làm, những sáng thức dậy quen dần với sự vắng mặt của anh, tự làm bữa ăn lót dạ, và những cử chỉ đáng điệu lặp lại từ đó đã cho tôi ý nghĩa của cái chết chứ không phải sự sống nữa. Khi anh còn sống tôi sống với anh và hưởng những giây phút êm đềm hay gay gắt cùng với anh, sự hiện diện của anh lẫn lộn với những xúc động đó trong tôi, và tôi không một lần để ý phân biệt. Bây giờ anh không còn nữa, tôi không ngờ sự trống trải anh để lại, lại rộng lớn đến thế. Tôi đã bơi đến muốn kiệt sức mà không ra khỏi, tôi đã ngụp lặn, ngoi ngóp, thở những hơi tanh nồng, buổi sáng trở dậy đánh răng rửa mặt tôi ngửi rõ mùi rỉ sắt trong nước, buổi tối nằm ngủ trên chiếc giường mệnh mông chỉ có chỗ người chạm xuống nệm là đủ cho tôi tin được một mình không ngã, đôi lúc trở mình tôi hốt hoảng tưởng như mất đà và đang lao đầu xuống vực, choàng thức dậy, tôi muốn gọi anh, muốn gọi tôi, nhưng không cất được thành lời, bởi vì lời kêu gọi ấy cũng như cái chết của anh, tôi làm sao lấy lại được, hai mắt khô cứng và cay xót vì thiếu ngủ và đã mở hoài trong tôi. Mọi sự đối với tôi bỗng trở nên bưng bít, hơi thở đau trong ngực tim đập từng hồi thôi thúc, lúc thoi thóp như không còn theo được nhịp máu, tôi mê thiếp trong giấc ngủ một nửa, phải lấy tay bóp dưới ngực giúp máu chạy đều sau khi vùng thoát được cơn thoi thóp, nắm vú căng dưới bàn tay sẫm sấp mồ hôi, có những sự chuyển động như các gân máu chẳng kéo bên trong và đang xiết lại. Những trận thức dậy không giờ giấc nhất định như thế, đã tập cho tôi thói quen hút thuốc lá. Buổi tối trước khi đi ngủ việc đầu tiên của tôi là phải kiểm bao thuốc và chiếc hộp quẹt để trên mặt bàn ngủ để lúc cần thì lấy châm hút. Ngồi một mình trong màn, lưng tựa vào thành giường, đốt thuốc nhìn ngó căn phòng với ánh sáng mờ của ngọn đèn ngủ, tôi tập thở khói ra đằng mũi, ngó những ngón tay mình, ngửi mùi thuốc bắt đầu bám khét trên đó, ngó nhìn chiếc tủ áo nơi góc phòng, khung cửa sổ đóng kín, nghe ngóng tiếng những con chuột lục lọi nơi phía nhà sau, có lần ngủ quên để điếu thuốc rơi xuống nệm suýt cháy nhà, tỉnh dậy thấy khói bay mù mịt ho sặc sụa phải chạy xuống bếp lấy nước dội bữa lên dập tắt, sau đó giường ướt sũng phải ngủ dưới đất nơi tấm cói trải sàn chỗ bàn khách, sáng dậy phải lau lại nhà cửa, gói chiếc khăn trải giường và chiếc chăn mỏng bị cháy vào một bóc giấy bỏ thùng rác trước khi đi làm, tự nghĩ giá đừng thức dậy đêm qua. Mùi cháy khét làm cho căn phòng thêm mờ ám, buổi trưa về thay quần áo tôi tự ngửi mùi trên vai và trên hai cánh tay mình. Chỉ là những mùi vị ảo tưởng mà thôi. Một chút gì đó nơi mình đã bị cháy thiêu cùng với chăn nệm.

Người bạn ngày còn con gái đến chơi sáng Chủ nhật cho một bức tượng phù thủy dựng trong chiếc hộp gỗ sơn, dưới chân hộp có chiếc ngăn kéo nhỏ, mở ra sẽ nghe một điệu nhạc từ trong phát ra, giống như tiếng dương cầm đồ chơi của trẻ con, hay chuông đồng hồ. Anh dạy học có vợ và đã có một đứa con trai, tôi chưa bao giờ gặp mặt vợ anh, đêm nghe điệu nhạc trong chiếc hộp nghe đi nghe lại trong vô thức, tưởng nhớ lại lúc còn nhỏ, một tỉnh lý nào buổi sáng có sương mù, có ga xe lửa, có chiếc cầu bắc qua một con sông nhỏ giữa hai triền núi, trong vườn có những cây đào trái chín đỏ cắn ngập răng, mùa đông co ro trong những tấm áo dày, hình dáng người bạn nói cười sâu trong trí nhớ không rõ nét, anh uống rượu và hút thuốc từ khi còn là sinh viên, anh mời tôi dự một buổi khiêu vũ gia đình do một người bạn tổ chức nhân dịp lễ đính hôn, đêm đó sáng trăng, khách rất đông, người ta nhảy từ trong nhà ra ngoài thềm, từ ngoài thềm xuống sân, rồi từ sân ra các lối đi lát xi măng xuống vườn, những điều anh nói cho tôi cười bây giờ cũng chỉ còn giống như thứ ánh sáng xanh biếc lợt qua kẽ lá xuống khu vườn.

Tôi hỏi anh bản nhạc trong chiếc hộp là bản gì thế? Cần gì biết. Chị cứ nghe cho đỡ buồn là được. Tôi bảo, có lẽ tôi không ở đây nữa đâu. Anh nói, chị gầy quá sức. Tôi bảo, tôi mất bình tĩnh quá. Tôi cũng hỏi anh, tại sao bức tượng trong chiếc hộp lại là một phù thủy? Anh cười bảo, chắc người làm ra họ cho thế là đẹp. Có thể nó đã được giảng nghĩa bằng bản nhạc và cả chị lẫn tôi đều không hiểu. Tôi nói, anh đi dạy triết mà vẫn có cách trả lời như một sinh viên vậy. Anh vẫn cười bảo, giáo sư làm thế nào giỏi bằng phù thủy được. Chị muốn Sài Gòn à? Vâng. Cứ kể chị đôi chỗ ở đi cũng phải. Tôi nói, làm gì cũng được nhưng tôi không muốn ở đây nữa.

Anh tử mẫn ngồi cho chạy lại bản đàn. Tiếng linh tinh bỗng làm tôi buốt óc. Chịu đựng một cái chết trong đời mình quả là một việc khó khăn quá. Anh bảo tôi, thôi chị làm thế nào thì làm, miễn chị bỏ được sự ám ảnh cũ. Vì cũng chẳng còn cách nào hơn. Tôi nói, vâng, và cũng không còn biết phải bắt đầu, có lẽ tôi đã bắt đầu rồi, từ hôm anh ấy bay đi, từ ngay cái phút anh ấy mới bước ra khỏi cửa, vâng, và từ phút này dù muốn hay không tôi cũng bắt buộc phải để lại tất cả những gì thuộc nửa quãng đời về trước, để tiếp tục phần còn lại, dẫu với ý nghĩa như thế nào. Tiếng phản lực cơ xé trời giúp tôi khỏi phải nói với người bạn những lời tôi nghĩ ra được.

Tôi đáp phi cơ vào Sài Gòn, tàu bay nghiêng cánh cho nhìn thấy cái thành phố đầy cát trắng và mặt trời lần cuối. Vĩnh biệt những cây thông đen trong phi trường nơi tôi cũng đã cùng bốc cháy nhưng với ngọn lửa hạnh phúc nên chẳng thành tro than. Vĩnh biệt những chiếc buồng tắm mỗi ngày phải dùng tới hai ba lần. Vĩnh biệt anh yêu dấu, em sẽ phải quên anh. Mặt biển xanh trong suốt nhìn thấy cát dưới đáy sâu, dâng lên rồi xoáy hút xuống bên dưới, lấp kín cả ngôi mộ tôi không tìm thấy phương hướng, là lời đáp già từ. Từng đám mây trắng xóa ngoài khung cửa phi cơ lướt qua không kịp nhận biết hình thù hút theo trí nhớ, tôi bịt mũi thổi hơi ra ngoài lỗ tai cho khỏi bị ù. Thân xác nhẹ tênh trong một cảm giác choáng váng, tôi cố bỏ sợi dây an toàn, nhắm mắt thờ nhẹ để cố giữ cho những hình ảnh còn sót lại trong óc đừng tan biến đi nốt, tưởng lại khu nghĩa trang trên cát và những lần tôi vào viếng thăm với bó hoa nhỏ trên tay, nhìn những cây thông đen đũi nứt nẻ reo trong hơi nóng, tôi phải tháo giày ra cầm tay để đi chân không vào, giẫm trên những xác trái khô chìm lẩn dưới cát bỏng đến nỗi tôi lại phải bỏ giày xuống đi, trở về nhà hai ngón chân cái thường bị xước da phía trên vì cát bám cọ vào mũi giày. Lòng tôi cũng mang những xót xa tương tự, những nỗi xót xa nhỏ bé, vô ích, tôi biết một cách se thắt rằng giữa anh và tôi, dù thế nào, cũng chỉ còn một sự liên lạc mà thôi, đó là tấm bia mộ vô tri tôi phải bụi mỗi lần.

Người bạn đã giới thiệu Vinh cho tôi, để “nếu có gì trục trặc về nơi ăn chốn ở mới, chị có thể nhờ anh ấy”, Vinh làm thông tấn ngoại quốc ở đây. Tôi không biết Vinh làm công việc đó với một ý hướng như thế nào, nhưng đối với tôi chỉ có một ý nghĩa đáng kể trước nhất là, cả anh nữa, anh cũng hàng ngày ở gần với cái chết. Anh nói với tôi về những trận đánh trên núi, người ta đã thả bom lửa khiến cả mấy ngọn núi cháy dữ dội như hỏa diệm sơn. Anh cũng nói với tôi về những quãng đường hành quân nghe tiếng nổ và nhìn thấy khói ở dưới đất bay lên, lính chết, và người ta có khi mất cả tháng không đi hết những đường hầm tìm thấy, một toán đi trên, một toán đi dưới hầm, liên lạc bằng máy vô tuyến, đánh nhau với địch cả trên và dưới đất suốt đêm ngày, không biết lúc nào và ở đâu. Anh đã ở những đồn quân tiền tuyến không nhớ nổi bao nhiêu ngày đã không ngoi ra khỏi hào lũy, không lộ đầu lên khỏi mặt đất, trời mưa cũng như trời nắng.

Tôi cũng chẳng muốn nhắc với Vinh về cái chết của chồng tôi. Vinh đưa tôi đi ăn ở những tiệm ngoài thành phố, có khi anh ở lại Sài Gòn một vài ngày, nhiều là một hai tuần, rồi lại tiếp tục đi, cả tháng tôi mới gặp lại anh, anh trở lại với bụi bặm, mồ hôi và tính tình mỗi ngày một thay đổi, anh vừa thân vừa lạ với tôi như khắp mọi nơi, tôi chẳng tham dự nhưng hình như đã phải đơn phương vào đó bằng cái chết của chồng tôi, tôi hỏi Vinh có yêu tôi không, đó là câu hỏi hết sức tránh phải trả lời, anh chiều chuộng và mua tặng tôi những món quà không phải tôi không thích nhưng không cần thiết.

Nhưng có cần gì, đối với tôi, chỉ có anh, chỉ có sự gần gũi thực sự của anh bên cạnh là đáng kể. Tôi không thể chịu nổi nữa cái cảnh nói không ai nghe tiếng mình, có lẽ tất cả những người đàn bà không có ai yêu, hay người yêu đã chết đều hiểu rõ điều này, mặc dù tôi biết, tôi hiểu rằng, những điều tôi nói ra không có gì đáng nói, nhưng ý nghĩa của nó là được nói với người khác không phải nói một mình.

Căn phòng tôi thuê ở tầng thứ tư một building gần bờ sông có thang máy để lên xuống. Tôi mở chiếc cửa sắt bước vào, đóng cửa tìm cái nút số 4 ấn một cái. Chiếc thang máy chuyển động rồi chạy lên. Trời còn mưa ào ạt bên ngoài. Ngọn đèn nhỏ trong hộp thang chiếu trên đầu, tôi nhìn chiếc bóng mình áp trên tấm vách gỗ. Tầng thứ nhất rồi tầng thứ hai, bao giờ đứng trong thang máy tôi cũng cảm thấy nôn nao, chóng mặt. Tôi nghĩ giá lâu tôi ở cao hơn nữa, tầng thứ mười lăm hay hai mươi có lẽ tôi sẽ không chịu nổi. Chiếc thang dừng lại, tôi mở cửa bước ra, đi lại phía phòng mình, vừa đi vừa cởi bỏ áo mưa, tai vẫn còn nghe tiếng mưa đổ bên ngoài. Tôi nghĩ trước và sợ đêm nay sẽ phải ngủ một mình, mở cửa sổ ngó xuống chiếc sân bên dưới, sâu thẳm, ở đó những người ở cùng building đã lấy sơn trắng kẻ ô làm một chiếc sân đánh vũ cầu mỗi buổi chiều, bây giờ mưa chắc những phòng ở bên dưới không ai mở cửa sổ ánh sáng lọt qua các khe cửa không đủ sáng sẽ làm cho khoảng sân tối hơn và trở thành sâu hơn. Có lần đứng với Vinh nhìn xuống mảnh sân đó, tôi đã nghe Vinh nói đến cái vẻ quỳ rũ của cái chiều sâu đó. Tiếng nói của anh đột ngột thổi suốt linh hồn, tôi cảm thấy rõ ràng như có một con vật gì như một con sâu nhỏ, có lông mềm, bò ở trong ống xương hai đầu gối. Tôi ngược mắt nhìn anh, mặt anh không có vẻ gì khác lạ khi anh nói một cái gì làm cho tôi sợ hãi, anh bỗng cao lớn và nặng nề như cái bóng đè trong lúc mê sáng, lúc đó tôi không hiểu anh, không thể nào thông cảm được điều anh nói, đối với tôi cái chết không thể nào có được vẻ quỳ rũ, tôi không muốn chết, tôi không thích chết, cái chết của chồng tôi đã dạy cho tôi sự tuyệt vọng. Thế nhưng rồi một vài lần, mười mười lăm lần, vào buổi trưa, buổi chiều, lúc sẩm tối, đứng một mình nhìn xuống cái chiều sâu thăm thẳm dựng đứng bên dưới đó, cái mặt sân láng xi măng cứng rắn bên dưới đó, đủ cao và đủ rắn cho một cái đầu bể nát, tôi tưởng tượng ra sự bắn vỡ tung tóe của máu óc, của một thân xác mềm nhũn, trút bỏ được hết ưu phiền, tôi cũng nhận ra sự khoan khoái rạo rức được lao xuống cái vực sâu đó, một cảm giác sung sướng thật sự như cơn khoái lạc của dục tình, nhưng to lớn hơn, rộng rãi hơn, nó mở thoát ra khỏi chân tay, chà xát được bằng cả sự ân ái trong mơ, tôi đã đứng nhìn như thế, và sự xúc động chỉ chấm dứt như chiếc đĩa hát quay hết một vòng cuối cùng ở đằng sau lưng.

Thế nhưng không phải lúc nào cái chiều sâu quỷ quái đó cũng hiển hiện. Có nhiều lúc nó chỉ còn là một cái hố trơ trẽn làm chóng mặt, cuốn rút lấy thân thể như muốn nhấc bổng chân đứng khiến tôi muốn mưa cả bữa ăn vừa nuốt vào dạ dày.

Đó có lẽ là lúc này đây, tôi đương cảm thấy, tôi sẽ phải bật đèn, mở cửa sổ và không thể không ném một cái nhìn xuống cái chiều sâu đó. Tôi tra chiếc chìa khóa vào ổ, mở cửa và làm y như những điều đã nghĩ. Ngọn đèn vừa bật cháy chưa đủ làm ấm căn phòng, trời mưa suốt buổi chiều và vẫn còn đang mưa làm cho tường với, giường nệm, quần áo treo trên móc đều có vẻ thấm ẩm hơi nước, cũng có thể sự ẩm ướt có trước nhất ở trong trí tưởng tượng của tôi. Khi tôi đứng dựa đầu vào thành chiếc cửa sổ sơn màu xám nhìn ra ngoài, tôi có cảm tưởng đã áp mặt trên một tảng nước đá, một vết lạnh in hằn trên má và trán, đường sơn trắng không còn thể nhận thấy, đêm đã hoàn toàn đen, ánh đèn soi rõ những hạt mưa rơi như không tới nỗi chiều sâu bên dưới. Cảm giác, hình ảnh nhảm lẫn tôi chẳng thiết phân biệt, mưa trên dòng sông đen phía xa, mặt nước lẫn với bãi đất, những căn nhà thấp phía bên kia bờ thấp đèn, tựa như không có nóc, ánh lửa cháy trong không, bóng đen đã bôi xóa tất cả những gì ở trên và dưới. Tôi quay vào thay quần áo và nhìn thấy gói thuốc lá để trên bàn, chiếc bàn nhỏ, bao thuốc đã được khai, tôi nhớ hình như tôi không bóc, bao thuốc đã được hút, các điếu xộc xệch, một hai điếu đã được rút ra, vậy nếu tôi không phải là người đã bóc gói thuốc, thì bữa nay Vinh về, anh đã vào đây, và vì tôi chưa về anh bỏ đi ăn, đi quanh quần ở đâu đó, tôi cảm thấy bị xúc động mạnh, tôi bóc bao thuốc lấy một điếu bật diêm quẹt châm thuốc hút, quay lại khép bớt một cánh cửa thay quần áo, bao giờ được mặc thứ quần áo bằng vải mềm ở nhà, bỏ được quần áo lót, tôi vẫn cảm thấy dễ chịu, chỉ có lúc đó người tôi mới cảm thấy được nghỉ ngơi thật sự. Tôi trở lại đẩy cánh cửa sổ vừa khép lại ra, một trận gió đầy hơi nước ủa vào trong phòng thổi lọt qua lằn vải truyền đi khắp người. Tôi ngồi xuống chiếc ghế có nệm và tựa bằng mousse bọc vải hoa

màu da mặt dày. Tôi thử sờ những mẩu thuốc còn lại trong gạt tàn. Không còn một chút hơi ấm nào. Có lẽ chính là những điều thuốc tôi đã hút, không phải Vinh. Tôi đứng dậy đi lại phía chiếc tủ lạnh kiếm đồ ăn. Mấy trái mận, một ly sữa, vài chiếc bánh biscuits trong hộp để trên nóc tủ lạnh. Thôi cũng được. Sớm mai nếu tiện tôi sẽ ăn bù bữa cơm thiếu này. Tôi mang mọi thứ trở lại bàn, bày biện, ngồi xuống, dụ điều thuốc và bắt đầu ăn. Vừa ăn tôi lại nghĩ bữa nay mưa lạnh, ăn xong không có nước uống, phải uống nước lạnh cũng khổ, tôi lại đứng dậy đi lấy cái ấm đun nước bằng điện, vào phòng rửa mặt mở vòi máy lấy nước, nước chảy xối trong ấm, tôi ngó bóng mình trong gương, miếng bánh cắn giữa hàm răng, tôi ghé sát mặt vào nhìn cho rõ hai con mắt, dấu vết những đêm thiếu ngủ chưa hết, hai cái quầng trũng thâm, hẳn rõ những đường nhăn nhỏ, hơi thở từ mũi làm mờ mặt kính, ấm nước đầy tràn, tôi phải tắt máy, đổ bớt ra, tôi thở thật mạnh làm như thở khói ra, hơi nước bám mờ loang lớn thêm, tôi lấy lược đưa nốt miếng bánh vào miệng, gặm gừ với bóng mình rồi trở ra cắm điện đun nước, tôi muốn được uống một ngụm nước trà sau bữa ăn. Bữa ăn chẳng ra bữa ăn, đời chẳng ra đời... Nghĩ thế tôi lấy lòng càng chua chát. Tôi lắng tai nghe các phòng bên cạnh, xem người ta đang làm gì.

Ở tầng trên cùng này là những người độc thân. Đàn ông thì viết văn, làm báo, công tư chức già, thương gia giàu có thuê phòng riêng để hưởng lạc, đàn bà thì làm gái nhảy, vợ lẽ, sống bao lương tháng và những thứ lờ thì, lờ tuổi, lờ đời như tôi. Tôi lắng nghe và tôi chẳng nghe tiếng gì hết, ngoài tiếng mưa và gió thổi bên ngoài. Tôi mới ở building tôi không rõ đời sống nơi này lắm, nhưng có điều những tiếng động ở đây thường là những tiếng động gây tưởng tượng, cả sự yên lặng nữa. Mỗi phòng như một nhà giam nhỏ người ta đi về đều đóng cửa, tự giam, tự giấu mình trong đó. Tôi không thích đời sống ở đây nhưng không dễ thuê được một căn nhà ngoài phố bây giờ. Vả chăng, dầu sao cũng còn một sự dễ chịu là người ta không phải chú ý đến những người chung quanh cho lắm. Đi về gặp nhau mỉm cười gật đầu chào một cái cũng được, không cũng chẳng sao. Ở ngoài phố thì không làm thế được. Quanh quẩn đã gần chín giờ. Tôi lấy ấm pha trà và thấy cần đi ra nhà sau. Làm việc này thật ngại. Cần lắm tôi mới đi. Thế nhưng có nhiều hôm ra đến nơi thấy người ta đứng xem báo đợi đến lượt mình, tôi đi thẳng xuống tầng dưới mắt công đi ngược cái hành lang suốt dọc building leo một cầu thang lên lại lầu mình ở đầu tầng này. Tôi đi ra sau, trở về rửa ráy xong, ấm trà vừa ngấm. Hương sen thơm và nước nóng thấm qua tách ra tay, tôi uống từng ngụm nhỏ, ngồi ngửa mặt nhìn lên trần nhà, tựa đầu trên thành ghế. Uống hết hai tách nước, tôi lại châm thuốc hút và ngoẹo đầu ngủ, vừa ngủ vừa thức vừa hút thuốc tôi không biết mình ngủ lúc nào, thức lúc nào, nhưng tôi còn nhớ được là tôi đã tiếp thêm một điều thuốc mới nữa. Nhớ lại buổi tối bị cháy nệm ở nơi cũ. Anh ấy đã chết thật ở trong tôi và ở ngoài tôi. Không còn một tí hy vọng nào, không còn một ý nghĩa nào thiết thực cho đời sống tôi. Đàn bà mau quên hay đích thực người ta không còn thể nào tìm thấy được sự liên lạc với người đã chết?

Vinh về thật, anh vào lúc nào tôi không hay, anh lại gần nhắc điều thuốc ra khỏi tay tôi, anh gọi, đánh thức tôi bằng cách hôn tôi. Tôi giật mình mở choàng mắt chống đỡ. Vinh hỏi Hà về bao giờ. Tôi nói em đoán anh về mà. Đoán thế nào? Tôi mỉm cười nhìn xuống bao thuốc. Vinh cũng cười bảo, đợi em buồn quá, nên anh xuống phố. Em ăn gì chưa? Tôi nhìn anh gật đầu. Anh đã cạo râu, rửa mặt, thay quần áo sạch sẽ. Tôi nói, chưa bao giờ em thấy anh sạch sẽ đến thế. Vinh vẫn cười, vì lâu lâu phải chung bảnh với em một lần chứ. Tôi nói, mưa buồn quá, lúc tan sờ em ngóng anh ở cửa không thấy. Anh phải lại đăng hăng gửi cho họ ít hình và tin tức mới. Vinh bế tôi lên lòng. Anh ngồi vào chiếc ghế tôi đang ngồi. Bàn tay anh lùa vào lưng áo tôi. Anh hôn môi tôi, say đắm và âu yếm. Cái hôn của anh làm thức dậy trong tôi một nỗi sung sướng bất hoại. Tôi thốt nghĩ đến con sông mù mù dưới trời mưa khi nãy, làn nước đen bốc khói hay bụi nước bay hơi, tôi nhớ lại những sợi chỉ nhẵn trên quầng mắt và dáng điệu mình tìm cách ăn miếng bánh ngậm trên răng. Vinh cắn trên cổ, trên ngực làm tôi buồn, tôi nói buồn em anh. Vinh bảo chiều đi máy bay bị bão bết quá, hành khách đều mưa hết. Tôi hỏi anh từ đâu về. Vinh nói, ngoài Trung, kể cũng chán, tôi nói, anh đi đâu em cũng chẳng biết, anh về em cũng chẳng hay.

Bàn tay Vinh bóp chặt trên vai tôi, anh về thì anh tới đây, thế nào anh cũng tới mà. Tôi cũng hỏi, công việc của anh ra làm sao? Việc gì cơ? Ồ, việc này việc khác. Vinh nói, được đến đâu hay đến đó. Đó là những câu hỏi, trả lời, không định rõ, nhưng nó liên quan tới chúng tôi chẳng khác nào bàn tay anh vuốt ve ôm giữ tôi, một chuyện nào đó xảy ra, một chuyện không may dĩ nhiên, có thể chia lìa khỏi tôi bàn tay ấy, cái không may và cái may mắn đều ngang hàng không biết trước. Vinh rủ tôi đi ăn. Tôi nói tôi không đói nhưng nếu anh muốn ăn thì tôi sẽ đi. Anh nói, em lười quá, không đói cũng phải đi chứ. Anh vừa lãnh một cặp tiền không tiêu cũng uống.

Câu nói giỡn của Vinh bỗng làm cho những cảm giác ngây ngất êm đềm anh đang gây cho tôi bằng hai bàn tay anh vuốt ve dưới lưng áo, bằng môi và những chân râu vừa cạo của anh sát trên cổ, vụt tắt, tắt như ngọn đèn chổi lóa chợt chiếu thẳng vào mắt, làm lẫn lộn ánh sáng và bóng tối, tắt mà vẫn sáng rực trong tâm hồn tôi vừa trững xuống như đêm, tôi bỗng cảm thấy trí óc sáng suốt một cách tuyệt vọng, sáng suốt mà không suy nghĩ được gì. Dòng sông đầy khói sương bên ngoài, vạch sơn trắng sâu dưới sân bay lên, quán quít trong đầu tôi. Quảng đường đi qua lúc buổi chiều, khoảng trời đục mù trên cao không phân biệt được giới hạn chiều cao chỗ nào, mưa và bóng tối đã nối liền trời và quảng không trên các nóc nhà và đỉnh cây. Một cái gì đã thoát ra khỏi tay chân tôi, mất như một ngày vừa hết, tôi không thể làm dừng lại những xúc động, không thể vui buồn như ý muốn, hai hàng nước mắt chảy trên má, Vinh hỏi tôi, em khóc đấy à? Tôi nói kỳ quá, em không nhịn được. Anh thay quần áo cho tôi như trẻ con. Một cơn gió ủa mạnh vào trong phòng làm rớt chiếc ly không trên mặt bàn xuống sàn vỡ tan tành, mắt công nhật mảnh vụn, Vinh hôn tôi nồng nàn trên môi, để em thoa lại chút phấn đi anh, mình đi đâu bây giờ, đâu cũng được, tôi lấy chiếc phát trần quơ những mảnh thủy tinh vụn gói vào một gói giấy, để rồi vứt ra ngoài, trời vẫn mưa đều, gió lùng bùng quanh quán trong mấy bức tường bay lất phất những quần áo treo trên móc, vạch sơn trắng và ngọn đèn cháy trên dòng sông sương mù còn lớn vờn, mưa rào rạo trên mặt gỗ mấy cánh cửa sổ, đêm đã sâu, những ngọn đèn đường nhìn thấy thấp thoáng sau những hàng cây đen ngang tầm mắt. Thang máy có người dùng nên chúng tôi đi bằng lối cầu thang xuống phố. Vinh đưa tôi tới chiếc xe nhỏ kiểu thể thao có chụp mui, mở cửa xe cho tôi vào, xe của ai thế, anh mượn của một người bạn, anh mở máy xe ngả đầu hôn phớt trên má tôi trước khi cho xe chạy, mưa xối trên nóc, hai chiếc que gạt nước chạy đi chạy lại trên mặt kính trước mặt, tiếng nước bắn nghe rõ hai bên thành xe, mặt đường mưa rơi vỡ thành bụi trắng, hai người cảnh sát đội mũ mặc áo mưa tùm hụp đứng khuất vào căn nhà góc ngã tư nơi trụ đèn giao thông. Minh ra bờ sông ăn nhé, Vinh nói. Tôi nhắm mắt ngả đầu vào thành ghế và vai Vinh, em thèm ngủ quá, bờ sông hả anh, ở phải đó ra ngoài đó ngồi một lúc cho thoáng. Vinh bảo, em coi chừng ăn uống thất thường mắt hết sức khỏe. Tôi nói, mỗi bữa phải đi ăn ngại quá. Đưa trẻ cầm một cái tàn lớn che cho chúng tôi đi vào trong quán. Trời mưa quán vắng, nhiều bàn bỏ trống, chúng tôi ngồi một bàn ở phía sát lan can, Vinh đề nghị tôi uống rượu, tôi nói phải đấy, tôi muốn được thoát khỏi mình, chiếc ly thủy tinh nhỏ trong suốt nước rượu đỏ và viên đá thả bên trong, mưa lấp kín mặt sông, chỗ này chúng tôi đã ngồi nhiều lần vào giờ nước lên và rút đi, những buổi chiều trời đẹp nước trong xanh hay lều bều rác rưởi, vỏ dừa, những con chuột chết bụng trương phình trôi dập dềnh mắc kẹt trong những sợi dây neo mấy chiếc thuyền làm quán ăn nổi bên cạnh, bãi bùn bắn thiu đầy những nút chai, vỏ hộp, những mảnh gạch vụn, đồ thừa thải những thứ người ta không thể nào biết được nó là cái gì nữa, hớp rượu lúc đó có vị ngọt khác thường, hơi men bùng lên mặt và làm đói, tôi cầm chiếc thìa nhỏ vớt qua khe chiếc lan can sát xuống dòng sông, mưa vùi kín không còn một dấu tích, một sự thỗn thức không thành từ lúc nghe câu nói đùa của Vinh vẫn còn muốn thức dậy, trí óc lảng đãng một điều gì muốn quên, muốn nhớ, đường sơn trắng bay lên, uốn mềm như một dải khăn, Vinh nói, ăn đi chứ em, dòng sông đen mờ hơi nước và ngọn đèn cháy sáng giữa khoảng không, em uống rượu nữa không, em muốn uống nhưng sợ lát say, cứ uống đi, anh đưa về, không đòi nào đâu, em sẽ đi một mình, bữa cơm ngon, tôi ăn được nhiều hơn tôi tưởng nữa, Vinh nói có ngày vì lười em ăn cả chiếc ly uống nước của em nữa, tôi bảo em đói thật, buổi chiều em đã ăn mấy chiếc bánh rồi mà sao vẫn còn đói, một

trận gió lớn thổi từ dưới sông lên làm bát đĩa rơi vỡ loảng xoảng, những người bồi cuống quýt chạy đi chạy lại để giữ, sự thay đổi bất chợt của thời tiết và tiếng rơi vỡ làm tôi thích thú, tôi muốn hát luôn ly rượu xuống đất, nhưng nghĩ đã vớt chiếc thìa xuống sông, nên không làm nữa. Vinh nói bảo rót. Có lẽ cơn bão này đã làm mọi người nôn mửa trên chuyến máy bay anh vừa đi lúc chiều. Còn chiếc máy bay đâm xuống một khu rừng không tên, viên đá tan trong nước rượu lạnh buốt, còn chuyến phi cơ tôi đã ngồi nhìn xuống vùng biển xanh trong suốt, một cây thông đen mọc sừng trong đầu, tôi nói với Vinh, bữa nay em không nghĩ được gì rõ cả. Vinh bảo tôi, em nên nghỉ ít lâu đừng đi làm nữa, độ này em gầy quá đó. Tôi gầy quá đó là điều tôi cứ nghe nhắc hoài, tôi cứ gầy đi mãi sao, hai con mắt nhìn thấy trong gương buổi chiều bây giờ tôi thử nhớ lại, cái gạt tàn với những mẩu thuốc lạnh ngắt, tôi nói, sẽ có ngày em nhảy thử xuống cái sân sau của anh, em sẽ nhảy trúng cái vạch sơn làm đích. Vinh nhìn tôi cười bảo nhưng coi chừng vỡ mắt cái đầu xinh đẹp em sẽ không còn cái gì để mà nghĩ bậy. Tôi nhìn sang bên kia sông, những tấm bảng quảng cáo lớn giờ trông thấy cũng mờ mờ, tôi hỏi Vinh, anh đã sang bên ấy chơi lần nào chưa? Vinh bảo chưa và anh bảo nếu em muốn sang chơi hôm nào anh đưa sang. Tôi nói em có việc gì đâu. Nghe nói ở bên đó có một nữ tu viện. Mưa vẫn không ngớt. Một chiếc đèn pha từ căn cứ hải quân chiếu sáng từng mảnh khu vườn căn nhà lớn phía hải cảng. Một chiếc tàu lớn đậu ở bến thấp đèn trên các cột và sau các cửa sổ, không nhìn thấy bóng người, những lá cờ nhỏ treo dọc theo các sợi dây vừa bị gió thổi vừa vì mưa lớn không còn thể phân biệt được màu sắc nên tôi trông như tất cả đều đen. Lúc ra xe tôi hơi choáng váng. Vinh bảo coi chừng em say thật đa. Tôi phải nói sẽ với Vinh, cái đầu em, anh dắt em đi. Ngồi trong xe quay kính kín như một chiếc hộp, tôi thèm được ngủ quá sức. Vinh vỗ vai tôi, về nhà hãy hay chứ. Tôi bảo Vinh, anh cho em điếu thuốc đi. Vinh mở hộp xe kiểm thuốc và tôi tự làm lấy việc này, anh còn lái xe, tôi lấy thuốc, bật quẹt châm hút. Phó chỉ còn lại xe cộ và những quán cóc thấp thoáng người đứng ngồi.

Tôi chợt nhớ có lần Vinh bảo anh chỉ có một chỗ thôi, đó là đời sống, không có chỗ ấy thì không còn chỗ nào khác nữa. Thế còn chỗ của tôi, chỗ của tôi là chỗ nào đây, hai mi mắt nặng trĩu, nhưng tôi biết đêm nay tôi sẽ không ngủ được, anh có hút không em châm cho, Vinh nói ừ châm cho anh một điếu. Tôi mời lửa cho anh, nghĩ đến những buổi chiều ở một mình trên căn gác. Chúng tôi trở về phòng, Vinh bảo, thôi đừng bật đèn, anh bước lại mở cửa sổ và chúng tôi bỏ quần áo trong thứ ánh sáng lờ mờ đó. Vinh nói cứ để cửa đêm ngủ cho mát, gió hất theo những hạt nước nhỏ vào người nhưng cũng đủ làm tôi nổi gai vì rét, tôi nhào xuống giường cuốn tấm chăn len nhẹ lên mình, em lạnh quá. Vinh vẫn còn điếu thuốc trên môi nằm xuống bên cạnh, khung cửa sổ nhìn ngược hình như đảo lộn, nhưng có lẽ tại tôi say, những giọt nước lạnh rớt trên mặt, gió thổi mạnh, tôi nhìn thấy tấm vải dày phủ ngoài hốc tường làm tú treo quần áo bay tung hắt lên và reo phần phật, tôi nói gió quá anh, Vinh dụi tắt điếu thuốc, anh phủ kín tôi và bàn tay anh dịu dàng sờ lên môi, trên cổ tôi, anh nói, xương vai em nhô cả ra đây này, chiều sâu, ngọn đèn, dòng sông, ly rượu, cùng một lúc nổi lên bênh cùng với thân thể tôi, rồi mất tầm từng thứ và hiển hiện trở lại, vui buồn lẫn khuất trong đám sương, tôi nhảm lẫn tên gọi, một mặt trời nhỏ bây giờ sáng giữa thân thể, đốt cháy, phân chia mặt mũi và chân tay, tôi phải tách rời một cái tôi không thể tách rời, như thân thể, phần nào em dâng hiến cho anh, phần nào cho em, phần nào cho người đã chết? Mưa làm thành những tiếng rì rầm đều đều chìm sâu thêm trí giác, sợi khói trắng bay ra khỏi đầu, tôi thử hút từng hơi.

Trí não và chân tay duỗi ra sau cơn co rút, mùi tanh hăng ngửi thấy cùng với sự buồn chán bất đầu, đời sống ứa nhựa hay cái chết tự vắt mình, Vinh lau cho tôi, bụi mưa bám lấm tẩm trên cánh tay bỏ ngoài chăn và trên mặt, cảm giác còn tê cứng, những hạt nước lạnh buốt tôi đã nhận thấy từ lúc nãy nhưng trong một ý thức mù tịt tựa bị tràn qua một lớp mặt trắng. Mưa mau nhưng nhỏ hạt hơn, phố không còn tiếng động, Vinh ngủ dễ dàng có lẽ anh bị mệt vì chuyến bay buổi chiều. Anh ngủ để lát sẽ trở dậy, tôi biết, tôi lần nhẹ ra khỏi chăn, lấy thuốc hút. Gió lạnh quá, tôi phải ra khép cửa sổ lại. Đốm lửa và khói thuốc làm tôi đỡ rét. Đêm đen chẳng còn

nhìn thấy gì bên dưới cái chiếu sâu bên ngoài. Mọi xúc cảm, ý nghĩ trong tôi bây giờ cũng đã tắt cùng với ngọn đèn mơ tưởng nào. Tôi nhìn xuống da thịt mình trắng rợn trong đêm, ánh sáng đã thoát ra, hay đó chính là cái anh gọi là đời sống? Đời sống có từ thân thể của chính mình hay là những người ngồi lê la trong mấy cái quán cóc. Tôi lấy áo mặc, ngồi xuống ghé hút hết điếu thuốc rồi trở lại giường nằm. Miệng khô mới nhớ thêm uống nước, nhưng lười tôi không muốn bò dậy nữa. Vinh nuốt nước miếng tớp tớp, tôi bắt chước làm như anh cho đỡ khát. Tôi nghĩ, không gì buồn thảm bằng làm những công việc nhỏ nhặt trong tối và nghĩ về điều đó. Tìm một bao diêm, nhặt một cái áo treo lên móc, quơ tay tìm một cái tách để uống nước, những cử động đó có khi làm xong rồi ngồi xuống ghé hay lên giường nằm tôi lại tưởng như còn thấy chính mình đang mò mẫm đi tìm những thứ khác nữa. Tưởng tượng mạnh và rõ ràng đến nỗi có nhiều khi đã làm tôi hoảng sợ. Những lúc đó tôi muốn chết, cái chết nhẹ nhàng như tiếng chết tôi muốn la lên một mình, nhưng nó chỉ lí nhí, lúng búng trong cổ họng, tôi trở dậy đóng cửa sổ hay mở ra, làm một cử chỉ gì đó, kiếm một viên thuốc uống, đi lại trong phòng và chính lúc đó, tôi lại nhìn thấy tôi nằm trần trọc trên giường. Dĩ nhiên đó chỉ là những ảo tưởng. Ba mươi năm sống của tôi càng ngày càng nhiều ảo tưởng. Nhiều đến nỗi tôi không thể phân biệt cái nào cũ, cái nào mới, cái nào mất đi hay trở lại, ảo tưởng là cái gì tôi nhìn thấy, sờ thấy hay những cái đã biến đi, những cái hoàn toàn do tôi tưởng tượng, cái chết của chồng tôi và nỗi ám ảnh của tôi về anh cũng là ảo tưởng, như những ngày anh đã sống thật với tôi, tôi còn nhớ, ảo tưởng là tủ áo của tôi xếp đều trong ô kính và xếp đều trong trí nhớ, anh đã sống và chết bên cái tủ áo ấy, ảo tưởng là những chiếc áo tôi mặc mỗi ngày, Vinh thức giấc. Anh sờ trên người tôi và hỏi em mặc áo rồi à? Tôi thấy ngứa ngáy trong cổ và ho mấy tiếng. Vinh nói, coi chừng em bị cảm đấy. Tôi bảo, em chưa ngủ được tí nào. Vinh nói, anh mệt quá. Trong hơi thở của anh còn mùi rượu, có lẽ mùi rượu ở trong mũi tôi không chừng, tôi hỏi anh còn say không, Vinh nói, anh đâu có say. Anh đi lần này có gì lạ không? Thì cũng vẫn thế, súng đạn, tàu bay, tàu bò, và người chết. Anh không muốn đổi nghề à? Đổi làm gì chứ? Vả lại làm gì ra tiền nhiều hơn? Tôi nói, cái may đâu có đến với mình mãi. Bàn tay Vinh làm tôi ham muốn trở lại, anh nói, biết đâu, trận đánh nào cũng vẫn có người sống sót. Em đổi hiệu sáp môi rồi à? Anh ngừng thấy mùi khác à? Đêm chẳng còn bao lâu, có lẽ đã ba, bốn giờ. Mai thứ mấy anh nhỉ? Thứ Bảy. Thứ Bảy à. Thế thì tốt. Buổi chiều được nghỉ tha hồ ngủ trưa. Mưa ngớt. Bóng tối ngoài cửa sổ bắt đầu loảng bốt màu đen. Đời sống dễ dàng nhất là lúc chẳng có gì để giữ. Mình có thể nhắm nháp và thụ hưởng từng giây phút của đời mình. Vinh lùa tay vào tóc tôi, anh hôn và dò đón để cùng chung phút cuối cùng. Hai môi tôi lạnh ngắt. Một hơi gió hết sức nhẹ thổi lùa trên mặt nhưng cũng làm tôi rùng hết cả mình, hơi gió như một làn nước mỏng tràn đầy ngũ quan và chìm sâu tôi xuống mãi. Giấc ngủ sau đó không còn mộng mị. Tôi cảm thấy mỗi một cách dễ chịu, buổi sáng, lúc thức giấc. Chúng tôi rửa mặt, đánh răng và pha cà phê uống ở nhà trước khi đi làm. Vinh hẹn sẽ đón tôi buổi trưa. Tôi nghĩ, thực ra, tình yêu có lẽ chỉ có một cách chứng tỏ. Trời sáng trong nhưng chưa có một tia nắng nào. Những ngọn cây nhìn thấy trên hai bên lề đường dưới phố, xanh mướt sau một đêm mưa. Ở một vài chỗ còn những đám sương mỏng như khói thuốc. Xe cộ chạy ì ầm ngoài lộ, những âm thanh đó khua động trong tôi một vài điều gì rõ ràng, nhưng tôi tự nhủ, nghĩ làm chi cho mệt. Cái bóng đen của ngọn đèn đã tắt. Em có muốn lấy thêm đường không? Anh cho em một thìa nhỏ thôi. Nó đã chìm, đã khuấy, đã tắt, nhưng tôi biết là nó vẫn còn. Sao độ này em hay chọn những màu áo già dũ vậy? Những mảnh vụn của hạt cà phê nhìn thấy dưới đáy cốc khi chất nước đen đã được nuốt dần. Có lẽ chính những hạt bụi nhỏ đó đã làm tôi nhiều đêm mất ngủ. Nhưng những viên thuốc màu hồng, màu trắng, màu xanh đã giúp tôi ngủ, nếu tôi muốn và cả hai thứ đã làm tôi mệt như nhau và trí óc có nhiều hôm không còn đủ sáng suốt để làm một việc gì, buổi sáng đi làm cần mang theo áo mưa xuống đến đường tôi mới biết tôi cầm theo cái hộp đựng giày, tôi tự hỏi cầm giày đi làm chi vậy, và lại phải leo lên phòng đổi lấy chiếc áo, buổi trưa hết giờ làm đi về gần tới nhà tôi lại phải trở lại lấy chiếc áo để quên trên móc ở sở sợ buổi chiều mưa vào lúc đi làm lại không có áo mặc. Tôi hút thuốc để quên hai cái trò chơi quái ác đó, và mỗi ngày một lần phải rửa hai ngón tay bằng chanh cho khỏi vàng. Trò chơi? Thì cái gì chẳng trò chơi. Chúng tôi đóng cửa

xuống đường, Vinh đưa tôi đến sở trước khi anh đến sở anh. Người bạn ở sở hỏi tôi, chồng chị đấy à? Tôi nói không. Tôi làm việc buổi sáng không nhằm lẫn chi hết. Lúc mười một giờ một người bạn Mỹ, khách quen của cơ quan tôi làm việc, mời tôi ra phố ăn sáng. Tôi đi với ông ta. Ở trong quán chúng tôi mỗi người đều mua báo đọc. Có lúc ông ta hỏi tôi nghĩ thế nào về cuộc chiến tranh này. Tôi cười bảo, sao ông lại đem hỏi tôi điều mà tôi không thể nào trả lời được ấy? Ông ta cũng cười nói, dầu sao thì bà cũng đã chứng kiến từ mấy chục năm nay rồi mà. Tôi nói, thực ra nếu có một điều đáng nghĩ tới thì đó là chính những người đã chết. Ông ta hỏi, bà có bi quan quá không? Tôi nói, có nhiều lúc sự phán đoán hay ý kiến của mình chẳng có nghĩa gì. Tôi không hề muốn chồng tôi chết, anh ấy vẫn chết như thường. Tôi cũng nghe nói. Ông cũng biết tôi bị góa sao? Vâng, một vài người bạn của bà cho tôi hay. Ông hỏi thăm về tôi làm gì vậy? Ông ta bảo, nói ra thì cũng hơi kỳ, nhưng tôi đã... hỏi dò họ, vì tôi có một điều muốn đề nghị với bà. Giọng nói ngập ngừng của ông khiến tôi đã đoán được điều ông muốn nói với tôi, nhưng dầu sao thì đó chỉ là dự đoán, cần phải nghe chính ông ta nói mới biết được. Ông ta nhìn thẳng vào mặt tôi và nói rằng ông rất có cảm tình với tôi, cha mẹ ông có một trang trại khá lớn ở bên Mỹ, chắc chắn sau này phần gia tài sẽ được trao lại cho ông, vì ông là con một, và chính ông, ông cũng để dành được khá nhiều tiền, mặc dù ông bị bệnh dạ dày nhưng với số lương kỹ sư ông có thể chữa chạy mà không sợ thiếu thốn, và sau cùng ông hỏi tôi, nếu tôi nhận lời, ông xin cưới tôi và cả hai sẽ đi về Mỹ. Đề nghị của ông làm tôi buồn cười quá, và tôi không nhin cười được, tôi nói, tôi không ngờ lại có thể có một đề nghị như thế giữa tôi và ông, hình ảnh Vinh rờ máy cho xe chạy buổi sáng khi anh đã mở cửa cho tôi xuống trước sở hiện đến rõ ràng trong óc, tôi không chuẩn bị một tình cảm nào để có thể đền đáp lòng tốt của ông, có lẽ tôi dùng chữ lòng tốt không đúng đâu, nhưng tôi không tìm được chữ nào khác, nhưng ông hãy khoan cho tôi về cuộc “viện trợ” này, tôi có ý nói đùa với ông ta về hai tiếng “viện trợ” và ông cười với tôi. Tôi cũng hỏi ông, ông có nghĩ là điều ông nói với tôi giá xảy ra ở một nơi nào khác là nước Việt Nam hiện nay thì ý nghĩa của nó có thể khác đi không? Ông nói, ông hiểu luân lý của người Việt Nam, ông biết sự khó khăn của một người đàn bà Á châu có chồng là người da trắng, nhưng ông hứa ông sẽ xin đền bù, ông tin rằng nếu có tiền người ta cũng sẽ sống được một sống được một cách dễ chịu. Tôi nói, không chừng ông chưa hiểu rõ chúng tôi lắm đâu. Ông cười bảo, bà có thể tin là tôi xin hỏi cưới bà một phần cũng chính vì cái vẻ bí mật tôi không thể nào hiểu được đó. Ông khen tôi đẹp, khen các thành phố Việt Nam đẹp, những con đường Sài Gòn có trồng cây hai bên đường là một điều lạ lùng đầy thú vị đối với ông. Ở bên Mỹ, trong các thành phố, phần lớn người ta chỉ nhìn thấy xi măng, mặt nhựa, khó nhìn thấy bóng cây và đất cát, muốn nhìn thấy những thứ đó người ta phải đi ra ngoại ô. Nói tới ngoại ô, ông nói luôn tới những buổi đi ăn ngoài trời, ông nói, ông biết một nơi câu cá, một chỗ trượt tuyết và nhiều chỗ leo núi rất thích, ông cũng nói nếu có tôi bên cạnh để cùng sống những cảnh ấy thì thật là tuyệt, đối với ông tôi giống như một khu phố có trồng cây, lạ lắm. Tôi cười bảo, ông mơ mộng chi dữ vậy. Ông nói, hình như người ta nghi ngờ người Mỹ chúng tôi chỉ thiếu có điều ấy. Đã đến lúc tôi phải nói rõ cho ông ta biết, chính chúng tôi, chúng tôi cũng còn thiếu điều đó, chúng tôi còn cần phải có nhiều hơn nữa để sống, để chấp nhận đời sống của mình, một đời sống khác hẳn đời sống của bất cứ một dân tộc nào trên thế giới, chút mơ mộng hay kỳ lạ cuối cùng còn lại đó, chúng tôi không thể đem đổi cho ai để lấy bất cứ một thứ gì, ông đã ở đây, ông đã nhìn thấy chúng tôi sống và chết ra sao rồi mà, nếu không còn cái chút gì đó thì chúng tôi còn cái gì cơ chứ? Ông ta có vẻ hoảng sợ khi nghe tôi nói một hơi dài như thế, có lẽ ông không nghe kịp lời tôi, vì chúng tôi dùng một thứ tiếng thứ ba là tiếng Pháp. Ông không thấy điều ấy khôi hài sao? Có thể tôi đã nói sai tất cả những điều tôi muốn nói với ông từ này, thế mà chết là lại nói đến một việc kết hợp đời đời? Ông nói nếu tôi không muốn trở về Mỹ, ông có thể ở lại Việt Nam với tôi, chúng tôi sẽ lập nghiệp ở đây. Tôi nói làm thế nào tôi có thể thay được quê hương cho ông? Và lại lập nghiệp hay là những trong gì có nghĩa lâu bền tương tự đã làm chúng tôi sợ, người ta không thể sống mà không nghĩ trước đến tương lai, nhưng tương lai chính là điều chúng tôi sợ nhất. Bà nói cho bà hay bà nói cho ai thế? Tôi không biết, tôi nói điều tôi cảm thấy, có lẽ tôi cũng nói ít nhất là cho một người đã chết. Có lẽ tôi không thể hiểu

được bà thực đấy. Điều ấy cũng chỉ có nghĩa ngang hàng như tôi nói có lẽ tôi hiểu ông. Ông lộ vẻ buồn rầu và bảo, như thế tôi không còn hy vọng gì sao? Ông nhầm đó, ông không hy vọng gì cả, nếu ông muốn lấy một người đàn bà Việt Nam, bây giờ, ông biết rõ là không khó khăn gì mà. Sự khó khăn của tôi là bà chứ không phải người khác, ông ta nói. Tôi cảm thấy hơi nóng ở đầu, giấc ngủ thiếu đêm qua làm tôi bắt đầu khó chịu, tôi nói vậy thì sự khó khăn là sự khó khăn có sẵn ở trong tôi và ở trong ông, không phải ở bên ngoài. Làm thế nào có thể dàn xếp được. Ông nói, nếu bà có thiện chí, nghĩa là, tôi muốn nói, bà không thờ ơ lắm với đề nghị của tôi, chúng ta có thể giải quyết được chứ. Tôi nói, giả thử bây giờ tôi chết đi, ông còn ở lại đất này không? Ông ta trả lời không cần suy nghĩ, dĩ nhiên không, tôi không thể làm cái việc vô lý là đổi tất cả để chẳng lấy gì hết. Vậy thì cả ông, cả tôi đều thay đổi, chúng ta có thể thay thế quyết định và chết, nhưng có một cái không thể thay đổi là quê hương của ông và quê hương của tôi. Làm thế nào chúng ta có thể gắn liền hai sự khác biệt đó. Tôi cho rằng bà nghĩ xa quá, dầu thế nào thì chúng ta cũng chỉ có một đời này để sống. Ông nói đúng đó, vậy tìm cách ra khỏi cái số phận của mình để làm gì? Tóm lại, bà không cho điều tôi muốn nói với bà là quan trọng sao? Tôi phải đắn đo hơn đối với ông từ lúc này, ông thấy rõ những lời chúng ta nói với nhau từ này đủ chứng tỏ tôi không hề nghĩ như thế. Tôi tìm một câu nói đùa với ông ta cho không khí bớt trầm trọng đi, ông có khi nào nghĩ rằng bất cứ một người đàn bà nào lấy chồng đã có ý nghĩ như là lấy một người ngoại quốc rồi không? Ông có vẻ không bằng lòng câu nói đùa này của tôi nhưng dầu sao tôi cũng thấy ông mỉm cười với tôi và nói, hay bà cho là tôi đã nói ra điều ấy quá sớm, nghĩa là, quá đột ngột? Tôi lấy thuốc trong sắc châm hút và bảo, ông thấy tôi hút thuốc lá trước mặt mọi người thế này, đó cũng là điều đáng coi là lạ đối với một người đàn bà Việt Nam, song vì tôi thích thì tôi cứ hút, tôi làm việc gì tôi thích, tôi cũng đã gặp và phải chịu nhiều sự bất ngờ, cái chết của chồng tôi có phải cũng là sự bất ngờ, bữa ăn sáng ông mời tôi đây không bất ngờ sao, tôi có cho thế là ông thiếu ... chuẩn bị đâu. Giọng ông ta có vẻ dịu dàng, vậy bà chỉ có hai cách trả lời. Và tôi mong được trả lời một cách dứt khoát. Tôi là một người Mỹ. Tôi cũng cười với ông và không phải là tôi không cảm động, tôi nói, nhưng ông hẳn biết là còn một cách trả lời thứ ba nữa đó là tôi không trả lời câu hỏi của ông. Ông khen tôi khôn ngoan, ông cũng nói ông mong rằng tôi sẽ đổi ý kiến, và cho đến ngày nào ông còn ở lại Việt Nam tôi có thể báo tin mừng cho ông, song ông lại nói thêm rằng, dù sao thì câu trả lời của tôi cũng đã quá rõ ràng, vậy sau này, ông về Mỹ, nếu có dịp hãn hữu nào tôi qua bên ấy đừng quên ghé thăm trại của ông. Về điều này, tôi nói một cách vui vẻ, nếu có cơ hội như thế, thế nào tôi cũng ghé thăm ông. Tôi cũng nói với ông về những trại chăn nuôi và những đồng cỏ vẫn được xem trong các phim Western, và tôi vẫn thường ao ước được thấy tận mắt một lần những cảnh ấy. Khi đó ông sẽ dạy tôi cưỡi ngựa chứ? Ông nói, tôi sẽ biểu bà con ngựa đẹp nhất của trại tôi để bà mang về Việt Nam. Tôi nói, chỉ sợ khi tôi sang đến đó cả ông lẫn tôi đều không nhận ra nhau nữa vì đã đầu tóc trắng xóa cả. Ông nói, người Mỹ có thể lên mặt trắng thì quãng đường từ đây về đến nông trại của tôi chỉ bằng một giấc ngủ trưa thôi. Tôi nói đùa thêm với ông một câu nữa, thế ông không nghĩ là lúc thức dậy thì tôi đã xế chiều rồi à? Chúng tôi cùng cười với nhau và sau đó ông đưa tôi về sở.

Nguyễn Đình Toàn: tình yêu & tuổi trẻ trong thơ văn Nguyễn Mạnh Trinh

Nói đến Nguyễn Đình Toàn, là phải đề cập đến ba chân dung nghệ sĩ: văn sĩ, thi sĩ và nhạc sĩ. Ba chân dung này có nhiều khi ở ba lãnh vực khác nhau nhưng lại có những quan hệ mật thiết với nhau. Một điều rõ ràng là bất cứ trong lãnh vực nghệ thuật nào, cũng đều thấy một con đường khác lạ với mọi người.

Thơ, văn, hay nhạc, cũng đều là một cách thế để suy tư, để sống bằng cảm quan của mình. Đời sống như dệt ra bằng những nỗi buồn và ở nơi ông, với một sức khỏe mong manh lại làm

cho cuộc nhân sinh như bị u ám thêm. Suốt từ lúc còn trẻ tuổi, đi vào văn chương với cái bút hiệu Tô Hà Vân của thời Hà Nội xa xưa đến lúc vào Sài Gòn, viết tác phẩm đầu tay là Chị Em Hải đăng từng kỳ trên nhật báo Tự Do, rồi đến các tác phẩm sau này, cũng đều là những tác phẩm về tình yêu & tuổi trẻ, tuy hình thức có khác đi, vẫn là biểu hiện của một cách thế sống, một suy nghiệm sống.

Nguyễn Đình Toàn được kể như một người viết chịu ảnh hưởng nhất của phong trào Tân Tiểu Thuyết, một phong trào viết tiểu thuyết mà còn được gọi là anti-roman, với chủ trương mới lạ đi ngược lại cách viết tiểu thuyết cổ điển như đã hiện hữu trong văn chương từ trước. Chủ trương của những nhà văn như Alan Robble Grillet, Claude Simon, Nathalie Sarraute,... là nhà văn phải xóa bỏ chủ quan khi cầm bút. Cách viết phải rất khách quan, như ống kính của người chụp ảnh, ghi chép lại nguyên vẹn sự việc và không có xúc cảm hoặc nhận định chủ quan chen vào. Tân tiểu thuyết (nouveau roman) còn có tên mệnh danh khác là trường phái của cái nhìn, nghĩa là y hết một cặp mắt, nhìn, quan sát trung thực sự vật không bị biến tướng biến dạng bởi sự cảm nhận cá nhân.

Nhưng khi được hỏi về phong trào tân tiểu thuyết ở Việt Nam trong thời kỳ thập niên 60 thì Nguyễn Đình Toàn trả lời rằng ông nghĩ sao thì viết vậy mà thôi. Câu hỏi tiếp là liệu có chính xác không khi nói ông và một số bạn đồng hành chịu ảnh hưởng của tân tiểu thuyết như Huỳnh Phan Anh, Hoàng Ngọc Biên, Đặng Phùng Quân,...? Thì Nguyễn Đình Toàn trả lời là đó là những nhóm bạn viết trẻ hơn ông thường gặp nhau ở quán cà phê La Pagode chứ không phải là cố tình tạo ra một phong trào văn học mới lạ ở Miền Nam lúc ấy.

Có một điều khi ông là một trong ba người lựa chọn bài vở cho tạp chí Văn thời mà Trần Phong Giao làm chủ biên, thì bài vở được lựa chọn nhất là ở bộ môn văn đã có nhiều khám phá và các người cầm bút trẻ đã có bước khởi đầu tốt đẹp. Cũng như các trào lưu văn học cũng như các tác giả nổi tiếng trên thế giới được viết thành những chủ đề như những cánh cửa mở ra nền văn chương quốc tế.

Tiểu thuyết của Nguyễn Đình Toàn có cách tạo dựng nhân vật khá độc đáo. Những nhân vật ấy sống ở hờ trong một không gian, thời gian mỏng mảnh, của bằng bạc những suy tư và nội tâm là những rối rắm phức tạp. Ông mang tuổi trẻ đi vào tình yêu và mỗi một nhân vật là mang theo một định mệnh mà ở đó con người bị lôi cuốn đi trong những mê thức chấp chùng mà cuộc sống đã sẵn dành.

Đọc trong các tiểu thuyết của ông như Con Đường, như Ngày Tháng, như Không Một Ai, như Đồng Cỏ, .. hoặc một số truyện ngắn như trong tập Đêm lãng Quên chẳng hạn, thì thấy rõ cung cách của một người viết tạo ra một chỗ đứng cho tác phẩm của mình. Cùng với những cây bút khác, quả thực ông có tạo ra thành một phong trào mà nhà văn Mai Thảo gọi là có một chút thành công và thất bại. Thành công là phong trào này đã đem lại cho văn chương tiểu thuyết một chân trời mới mà kỹ thuật và ngôn ngữ là những khai phá bất ngờ đầy hứng thú. Nhưng thất bại vì không thể làm thay đổi được cảm quan của người đọc về tiểu thuyết truyền thống. Trước sau, tiểu thuyết vẫn là biểu hiện của đời sống qua ý nghĩ chủ quan người viết.

Nguyễn Đình Toàn có lẽ sáng tác cũng không hề để ý đến những thành tựu hay mất mát thua được của tân tiểu thuyết mà ông chỉ viết theo ý thích của mình. Ông có niềm tin vào công việc mình làm và xác tín một thái độ rất trí thức nên tiểu thuyết của ông được kể đến như những thành tựu và rõ ràng ông đã có địa vị của một nhà văn đáng kể trong hai mươi năm văn học miền Nam...

Đọc Con Đường, để thấy được định mệnh của một người đàn bà sẵn dành riêng một góc tối đau khổ. Nhân vật ấy có một cuộc đời bị bủa vây bởi tất cả những điều khốn khó nhất mà lại bất thường với khuôn mặt có vết chàm khó coi. Cha mất sớm, mẹ bỏ đi lấy chồng, thân thể thì dị dạng nên con người sống gần với bản năng hơn là lý trí. Cô ta không có một chọn lựa nào khác là đầu hàng nghịch cảnh và sau chuyến đi thăm người mẹ trở về đã dễ dàng ngã vào bàn tay của một người đàn ông xa lạ và trở thành đàn bà từ đêm dọc đường ấy cùng với sự khám phá về nỗi sung sướng vô biên của nhục cảm. Nhân vật xưng tôi trong Con Đường đã bị trôi vào

một bi kịch cũng như người mẹ mười năm trước cũng đã lang chạ ngoại tình và rút cuộc chỉ là một dòng lệ rớt trên mi khi đưa tiễn đứa con trở về từ bến xe.

Nhân vật xung tôi trong truyện và nhân vật “người viết kịch” đã đóng một vai kịch của những cuộc đời mà ở đó đã sẵn mầm chứa của những điều tối tăm ẩn sâu trong nội tâm con người. Thêm một nhân vật “bà ở chung” đã làm thành một vở kịch tay ba mà ở đó người đàn ông đã giương một cái bẫy để cho hai người phái nữ vào sập hố. Và sâu khấu kịch không là chỗ nào khác hơn là cái giường, nơi tình yêu có khi là hỗn hợp của sự ngu ngốc khờ dại và lòng đam mê nhục dục cao độ.

Con đường với cô bé xấu xí bây giờ giống như con đường mà mẹ cô đã đi xa vĩnh viễn đưa con gái của mình. Một con đường định mệnh mà sự gian truân là hành trang mang theo. Trong tiểu thuyết Nguyễn Đình Toàn, đầy dẫy những nghịch cảnh và con người luôn luôn thủ vai người thua bại. Họ đi trên những con đường mù mịt mà không cưỡng lại được những cảnh trở trêu bày sẵn...

Trong Con Đường, tác giả bắt nhân vật phải xuôi theo định mệnh và chấp nhận tất cả những hậu quả bi đát dù có phi lý đến đâu chẳng nữa. Cuộc đời sẵn dành cho mỗi con người một phận số và sẽ chẳng thể phản kháng được mà phải gơ tay đầu hàng trước những trở trêu nghiệt ngã của cuộc đời...

Đọc một tác phẩm khác, Ngày Tháng, lại thấy được một số phận của người đàn bà bị lôi vào những mảnh sống đầy khúc mắc mà sự bó tay bất lực đã làm đời sống tưởng như bị triệt hủy thối rữa. Tiểu thuyết của ông là ray rứt nội tâm, là những cảnh ngộ bị lôi cuốn vào, là sự tranh đấu giữa dục vọng và thánh thiện để rồi bản năng đã dẫn dắt con người. Nhân vật nữ tên Hà sống trong nỗi mòn mỏi cuộc sống, không dám liều bước sợ bị vấp ngã, nên cứ đành trôi theo cuộc đời. Nhân vật ấy như được treo lơ lửng bằng những chán chường và người đàn ông chỉ có giá trị như là một sự kềm hãm, một sự cho phép ngắm ngẫm kể cả chuyện làm tình. Thân phận của một người đàn bà 30 tuổi góa chồng sống một mình cô đơn thảm thiết dầy vò kể cả việc tự sờ mó thân thể mình trong cơn dục vọng. Người chồng đã chết vẫn ám ảnh nàng với hình ảnh của bộ đồ bay phi công và những ngày tháng sống ở thành phố biển đã là một ám ảnh không nguôi.

Hà gặp Vinh, một phóng viên chiến tranh và một mối tình bắt đầu với đam mê nhưng lại kéo theo những khúc mắc của đời sống, Hà sợ cô đơn nhưng cô đơn lại như một ám ảnh khiến đời sống như cứ dài ra nỗi khắc khoải.. Hai người yêu nhau nhưng tự biết khó thể gần nhau vì mỗi người đều có cuộc sống riêng, có phận đời riêng. Nhưng dục vọng và sự ân ái cứ như sợi dây trói buộc và con người như không thoát ra được. Cuộc sống như một chọn lựa bắt buộc. Có lúc Hà muốn bắt cặp với một người Mỹ say mê nàng nhưng rồi vẫn chỉ là những nửa vời của mê đồ không ngộ thoát.

Ở Nguyễn Đình Toàn và tiểu thuyết Ngày Tháng, nhân vật như lúc nào cũng ở trong trạng thái chiếu đấu khốc liệt giữa bản năng và sự hướng thiện. Khi nằm ôm người tình để ngày mai đi vào quân trường, sự cô đơn như nỗi chết cứ chập choạng vây quanh đời sống.

Nhân vật của Con Đường và Ngày Tháng là đàn bà thì trong tiểu thuyết Không Một Ai thì nhân vật lại là một người thanh niên bị thương trong một cuộc hành quân giải ngũ trở về thành phố làm một công việc văn phòng. Vết thương về thể xác vẫn còn trong khi về tâm não thì cũng bị khủng hoảng theo. Nhân vật ở đại danh từ ngôi thứ nhất xưng tôi là một người có ý hướng muốn thay đổi cuộc sống mình, quên và bỏ đi những kỷ ức cũ, và cả hiện tại cũng đầy vết thương. Nhưng tất cả chỉ ở trong ý nghĩ thôi, và đời sống cứ như thế một mực chán chường của những vết thương không lành miệng.

Tác phẩm của Nguyễn Đình Toàn thường xuất hiện rất ít nhân vật và những nhân vật thường hay độc thoại, ít đối thoại và thường là những khám phá đi sâu vào nội tâm con người. Ở trong tiểu thuyết Không Một Ai, cũng chỉ có bốn nhân vật, gồm chàng thanh niên xưng tôi, người nữ ồi lúc bỏ đi lúc trở lại tên Ph., Trang, người đàn bà đau khổ có số phận không may và Ké, người đàn ông đứng tuổi nhưng lại có đam mê của thời mới lớn. Những nhân vật ấy chia xẻ với nhau những định mệnh, mà sự bất hạnh dường như lúc nào cũng lẫn khuất và hạnh phúc là

những giây phút chen lẫn ngắn ngủi. Chàng trai xưng tôi trong truyện thì người tình vừa bỏ đi, đời sống thì đầy những cơn đau về thể xác lẫn lộn về những ảo tưởng của tâm trí nên cuộc sống ấy như phủ đầy những bóng tối. Trang, người đàn bà làm chung sở cũng chẳng may mắn hơn, cũng chuyện tình cảm gãy đổ, sống với bà mẹ và hai đứa con và trong lòng luôn khao khát một cuộc tình, để lấp cho đầy khoảng trống. Chàng trai thì lại nhìn Trang để nghĩ tới người tình đã bỏ đi, ân ái với Trang để tưởng tới những thỏa mãn nhục dục từ Ph., người tình lang chạ.

Tình yêu trong phần đông tác phẩm của Nguyễn Đình Toàn phần đông đều có những gãy đổ và thường là những nửa vời trong cuộc sống họ. Có ý chỉ là ý nghĩ, rất mong manh và thoáng qua. Nó phác họa một thế giới khác, một không gian thời gian khác mà rất ít chất cụ thể. Nó gần như của một con người khác lúc nào cũng tự đi kiến mình và đời sống mình dù con người ấy, ngày tháng ấy, khung cảnh ấy vẫn sờ sờ trước mắt. Họ vong thân trong chính cuộc sống của họ. Trong Không Một Ai, nhân vật nào cũng đều có một thế giới riêng. Ngay cả Kế, một người lớn tuổi cũng làm việc chung với nhân vật xưng tôi và Trang cũng là một nhân vật lạ lẫm. Khi nghe người con là trung úy Quân y bị chết ở chiến trường, cũng là lúc vừa được lên chức, Kế như người bị phân đôi và chẳng biết làm gì nên rủ người bạn trẻ đi hút. Chiến tranh, hiện hữu với vết thương của nhân vật xưng tôi, hay cái chết của con trai Kế, chỉ là một nhắc nhở về cơn dông bão mà thôi.

Rồi những phức tạp, những xếp đặt của định mệnh để Trang ngủ với Kế, rồi tính phá thai rồi nhân vật tôi lại muốn cứu vớt, rồi Ph. Người tình trở về, rồi Trang chết. Tất cả những diễn tiến ấy là đoạn kết của Không Một Ai. Một câu truyện rất hiện sinh, của những người hiện hữu trong cái phút giây hững hờ của cuộc sống. Mà, tiểu thuyết ấy cũng chính là một hành trình của những cuộc viễn du vào thế giới nội tâm, mà những con đường hình như đầy ngõ rẽ và nhiều bóng tối, của chính cuộc sống và những cảm nghĩ về cuộc sống.

Trong văn chương, Nguyễn Đình Toàn đã có định kiến về cõi sống, một định kiến mà chiều sâu của sự u ám bi quan đã làm khuất lấp đi bề mặt của cuộc sống hiện hữu. Ông muốn đi sâu vào ý thức, để từ đó soi rọi thêm những nhận định, nhìn rõ thêm chân dung con người và đôi khi cả mặt sau của chân dung ấy. Ông viết như một cách thế để “kể về” hoặc “nói về” mà không phải là “viết về”. Và cách nói hay kể cũng đều trầm lắng, mà cảm quan thì được dấu đi những phần nộ hay phản kháng, thành ra tiểu thuyết của ông có nét riêng của một sự chấp nhận. Chấp nhận cả những hữu lý và vô lý của cuộc đời. Những nhân vật ấy, tuy đầy dẫy trong thế giới chúng ta nhưng lại được nhìn và tả khác đi thành những nhân vật của riêng Nguyễn Đình Toàn với tất cả cá tính của một cuộc sống bề trên thì có vẻ tĩnh lặng nhưng bề sâu là đầy những cuộc sống lớn. Và, dù ở trong một đất nước hiện tranh, cuộc chiến vẫn là những bề sau khuất lấp, tuy nhiều ảnh hưởng nhưng lại có mặt như một nổi tình cờ...

Đọc văn Nguyễn Đình Toàn, thấy thấp thoáng những khuôn trờ thơ mộng. Và với Ào Mơ Phai, xuất bản năm 1973 đã đoạt giải thưởng văn học toàn quốc.

Sống ở hải ngoại, ông viết mục phác họa chân dung tác giả cho các báo và sau đó ông chọn lại và in Bông Hồng Tạ Ơn.

Suốt một hành trình văn chương dài hơn nửa thế kỷ, tác giả “ Bông Hồng Tạ Ơn” đã có thật nhiều dịp tiếp xúc, làm việc, hoặc thân tình với nhiều nghệ sĩ trong nhiều bộ môn nghệ thuật. Thành ra những cảm nhận của ông về người, về thơ, về văn, về nhạc .. đều có nét chính xác cũng như sâu sắc và khiến người đọc hình tượng được những cá tính của những khuôn dáng nghệ sĩ ấy. Với 190 tác giả Việt Nam được phác họa trong bộ sách 2 tập, độc giả có thể mừng tượng được một thời kỳ văn học nghệ thuật có nhiều khai phá, Với cách viết ngắn gọn nhưng cô đọng và khá đầy đủ, từng tác giả và từng tác phẩm được biểu hiện trung thực. Đây có lẽ là một công trình làm phong phú hơn sinh hoạt văn học ở hải ngoại và là những tài liệu cho những người còn yêu ngôn ngữ Việt và văn chương Việt. Có nhiều tác giả khá lạ với người đọc cũng như có nhiều bài nhạc bài thơ tưởng đã quên lãng thì với cái trí nhớ gần như xuất thần, tác giả ghi chép lại khá chính xác và đó chính là điểm rất đặc biệt của tác phẩm “ Bông hồng Tạ Ơn”...

Hình như, những chân dung nghệ sĩ được đề cập đến được chọn lựa tùy cảm hứng và không có một tiêu chuẩn nào. Và tác giả cũng không muốn làm công việc chọn lọc những vóc dáng nghệ sĩ tiêu biểu trong tập sách này. Ông yêu thích và nhớ được tác giả và tác phẩm rồi viết ra với cảm tình của mình.

Nguyễn Đình Toàn cũng là một nhà thơ nổi tiếng. Những tập kịch thơ như Phạm Thái Trương Quỳnh Như hay tập thơ Hồi Sinh, hoặc tập thơ đầu Mật Đẳng tạo cho ông có một vóc dáng hời hợt mà về sau này ông đã mang ngôn ngữ của thi ca hòa hợp cùng với cung bậc của âm nhạc thành những ca khúc có sức lôi cuốn thính giả.

Ở trong những tập sách bìa dày chép thơ của các cô cậu học trò thường có nhiều bài thơ được chép với sự nâng niu trù mến. Khi tuổi đã lớn, đọc lại những bài thơ ấy, như có một chút vọng động nào ngân nga. Có thể là bước đi về của thuở hoa niên ngày cũ..

Thơ Nguyễn Đình Toàn, nhẹ nhàng như bài thơ Khi Em Về:

*Khi em về trời xanh và gió mát
Con đường mòn thơm lá mục quê hương
Vườn cải ngồng rủ ong bướm về sân
Anh nằm đây buổi trưa và tiếng nắng
Mặt đất mềm bước chân em chợt nhẹ
Lá tre vàng dòn thổi mùa thu đi
Luống huệ ấy xòe những vàng hoa trắng
Và dầy thêm lá rụng lớp phen che
Quê mẹ đầy ưu phiền nhiều qua 1lắm
Hàng cau già mo thương bẹ quắt queo
Anh nằm đếm những ngày rồi những tháng
Đi qua dần khi nước mắt buông theo..”*

Có khi là thơ buồn, thơ của những lời ru từ xa xưa vọng lại, từ hiện tại thổi về, Thơ của lời ru cuối cùng cho một cuộc tình xa cách:

*Ru em lần cuối cùng này
Bằng hơi mát của một ngày sắp xa
Bằng giờ phút sắp chia xa
Rồi thôi rồi chẳng bao giờ nữa đâu
Giòng kinh năm ngón son cầu
Vớ môi mặn vớ hôn trao nghẹn lời
Vớ sấu xưa ngút trên vai
Tóc xanh non vớ khuy cài áo thơm
Hàm răng mát tuổi má tròn
Đường thêu chỉ đã hao mòn đây em
Gió trời xin ngủ bình yên
Coi như giấc mộng ưu phiền đầy thôi
Mây cao vớ mắt trông vờ
Soi gương trán bóng quên người tôi đi”*

Có khi thơ lại là những bước đi về. THƠ Nguyễn Đình Toàn đầy những chỗ đi và nơi về, nơi chốn mà không gian thời gian ngưng đọng từ nỗi buồn chia xa của sẵn thiên cổ riêng dành:

*Khi em trở về
trời mùa đông đen
căn nhà không người
và mùi ẩm mốc*

*Khi em trở về
Tay đầy nước mắt
Trên thành cửa bụi
Tuổi thơ đi qua
Khi em trở về
Một người yêu đó
Hoa trên phiến đá
Cổ buồn ngón chân
Và cơn gió rét
Que diêm bật lên
Que diêm bật lên
Những mơ ước cũ
Sáng lên một lần
Những hình ảnh cũ
Tắt đi một lần
Khi em trở về
Bàn tay khói hương
Buồn xưa sắp hết
Nói gì đi em!"*

Viết về văn sĩ và thi sĩ Nguyễn Đình Toàn như vậy vẫn chưa đủ. tôi muốn viết nhiều hơn về nhà nghệ sĩ của tình yêu tuổi trẻ một thời. Nhưng xin hẹn một bài khác. Để tiếp tục , tôi viết về phần tới sẽ đăng tiếp ở kỳ tới. Chân dung nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn và chương trình Nhạc Chủ Đề lấy lòng ngày xưa, một chương trình của những người trẻ thời ấy. Bây giờ, đã thành những người muôn năm cũ hướng vọng về một thuở nào sống mãi trong ký ức của đời người...

Tro Tàn

Ta có thờ khói thương nhau
Tình cũng như nhang tàn
Ta còn nướng náu trong đời không bao lâu
Lòng có đau thì cũng như là nắng qua chiều
Thôi cũng nhẹ

Ta yêu nhau trong nghèo khó
Khi quê hương tàn phá
Được mấy ngày vui trong đời
Tóc biếc ngoảnh đi đã đỏ màu phai

Ta xa nhau vào lúc xa đời
Bóng bỏ theo người
Đổ một lần cho hết cuộc rủi may
Cứ coi là mất coi là hết
Lật ngửa bàn tay mà cắt dây
Dẫu cho còn có khi nào nữa
Gặp lại được nhau cũng muộn rồi

Đừng hỏi tình xa bao lâu tình sẽ lạ
Và hỏi người chia xa nhau lòng có sợ

Gương lạnh bóng mờ
Còn một phần ba cây nhang đời cháy vội
Đội một hòn than chôn chân sào đứng đợi
Tro tàn rụng rơi./.

Sương mù và lá

Phượng ra khỏi nhà lúc bảy giờ chiều, ngày Chủ nhật cuối năm buồn và hơi lạnh. Phượng không có công việc gì cần phải vội vàng. Nàng chỉ muốn tìm một chỗ yên lặng, vắng vẻ để suy nghĩ về một chuyện. Thực ra, Phượng cũng không biết chắc mình có thể tìm ra một giải pháp nào thì nàng vẫn phải có một quyết định. Thành phố trong một ngày nghỉ vắng vẻ mọi người hình như không được yên ổn cho lắm, mặc dù bên ngoài họ đều có vẻ bình thản. Những biến chuyển của thời cuộc đã đè nặng lên tất cả, tin tức về cuộc hòa đàm tại Ba Lê, những trận đánh kéo dài suốt từ Tết Mậu Thân và các cuộc pháo kích vẫn còn là những nỗi lo sợ cay đắng của mọi người. Bao giờ hoà bình sẽ tới? Điều mà tất cả mọi người đều khát khao đó, đôi lúc nghe xa vắng và bí mật như những địa điểm mà từ đó, những trái đạn đã được bắn đi, người ta chỉ thấy những tai hoạ tới gần giáng xuống, hoà bình ở đâu, ai biết? Trong cõi mù tịt của hiểm họa và hy vọng đó, những đời sống riêng tư vẫn tiếp tục. Nỗi âu lo trong lòng Phượng hiện giờ.

Từ ngày mẹ bỏ đi, cái ngày đó xa như tuổi thơ buồn thảm của Phượng, nàng đã được cha đưa về sống ở cái thành phố lạnh lẽo, nhỏ bé này. Năm nay Phượng 18 tuổi. Phượng đã sống mười sáu năm trong cái nhịp trẻ nãi, âm thầm và nhạt nhẽo của cái tỉnh lỵ này. Nàng đã quen, đã nhớ từng góc phố, từng viên gạch trên lề đường, cả giọng nói của một số những người dân ở đây, họ có thể đều là thân chủ của cha nàng, bác sĩ Phát. Vì làm thế nào sống mười mấy năm trong cái tỉnh lỵ này, người ta không một lần đau ốm? Cha nàng lại là vị bác sĩ giỏi nhất của thành phố, các bệnh nhân đã nói như vậy. Ông cũng là thầy thuốc già nhất ở đây. Chính tuổi già của ông là vấn đề đã làm xáo trộn cả tâm hồn Phượng từ chiều qua, sau mười mấy năm sống êm ả như dòng nước của con sông chảy giữa thành phố. Con sông mà vào những ngày gió lớn cũng chỉ đủ gây nên những lượn sóng rạt rào như tiếng gió thổi hút qua rặng thông của ngôi chùa trên ngọn núi nhỏ đầu thành phố.

Chiều qua, sau bữa cơm tối, như thường lệ hai cha con ngồi uống trà ngoài hiên. Trong một lúc bất chợt nhất, vị bác sĩ già đã nói cho con gái biết, về cái chết có thể sẽ đến với ông nay mai. Lúc đó, những tiếng động trong tỉnh đã thừa thốt, đêm trông mỏng manh và yếu đuối như những ngôi sao vừa mọc trên nền trời mờ hơi nước. Ông cụ nằm ngả lưng trên chiếc ghế vải sẽ đu đưa. Phượng nhìn mái tóc và cả hai hàng lông mày của cha đã bạc trắng. Trên dòng sông trước cửa nhà, lúc đó, có một chiếc thuyền máy chạy qua, mang theo những tiếng nổ lộp bộp, và bóng cây dừa cùng khóm mẩu đơn trồng trước sân khẽ lay động chập chờn. Phượng còn nghe thấy một chiếc xe thô mộc chạy trên con đường nhựa ven sông, vó ngựa đập trên mặt đường rần lốc cốc. Bác sĩ nói với con gái về cái chết của ông bằng một giọng bình thản. Đối với Phượng cái gì liên quan đến cha nàng đều cũng có vẻ lạnh lùng. Hình như từ ngày mẹ bỏ đi, bà đã làm tắt đi cái bóng của ông, ông đã già sụm hẳn xuống, từ lúc đó, và quanh ông đã thực sự trở thành trống trải. Bác sĩ nói:

"Có thể ba nhầm. Nhưng ba cũng nói cho con biết. Bởi vì điều quan trọng không phải là ba sẽ mất. Nhưng là rồi đây, con sẽ phải tự lo lấy tương lai một mình. Ba không có nhiều tiền để lại cho con. Chỉ có căn nhà nhỏ này và một chút ít tiền ở ngân hàng".

Phượng đã quen với tính lạnh lùng của cha, nhưng lần này, trong giọng nói của ông dường sao cũng không giấu được một chút cố gắng vì trời quá tối nên ông không thể nhận thấy gương mặt

xanh nhợt và đôi tay run rẩy của con gái. Khi bác sĩ đứng dậy trở về phòng, ông muốn lại gần đặt tay lên vai con, nhưng không quen với lối bày tỏ tình cảm chân thật với con, ông mỉm cười nhìn Phượng, rồi chậm chạp bước đi. Lúc Phượng nhìn thấy ánh đèn trong phòng cha được thắp lên chiếu qua cửa sổ, nàng mới biết mình đã khóc và nhận ra nàng đã bị xâm chiếm bởi một nỗi bàng hoàng lo sợ. Nàng thấy thương cha đã phải sống trong sự cô đơn và trách mẹ đã bỏ cha nàng trong tình cảnh này. Ngày mai, nếu cha tôi chết, tôi sẽ sống ra sao? Đó là câu hỏi vừa nghĩ Phượng vừa thấy tim mình thắt lại trong ngực.

Phượng đi ra phía ngoại ô, băng qua một khu vườn trồng cây ăn trái mọc đầy cỏ hoang, rẽ những đám lau và những dây hoa dại, tới một phiến đá sát bờ sông ngồi xuống. Buổi chiều, mặt sông nước đầy, như căng lên ở giữa đống dòn được về hai phía bờ, Phượng bứt những bông hoa vàng, vút xuống mặt nước, những bông hoa cuộn theo dòng nước chảy loanh quanh trong đám cỏ bờ lan ra tận mép sông trước khi trôi đi mất tích. Một con chim cú trong đám cỏ khô vút vỗ cánh bay lên làm Phượng giật nảy mình. Cả con sông dài trong một phút đỏ hồng trong ánh hoàng hôn. Phượng cảm thấy đời cha con nàng giống như dòng nước chảy âm thầm kia đang dần dần chìm vào đêm tối sắp bùng xuống.

Mặc dù định ra đây để suy nghĩ nhưng Phượng chỉ thấy đầu óc trống không. Một lát sau thì đám côn trùng và những tràng súng bên kia sông đã khuấy động tất cả sự yên tĩnh.

Phượng đành đứng dậy ra về. Phượng tự nhủ, cái thành phố nhỏ này không giúp cho người ta suy nghĩ tốt. Đó cũng là điều nàng nhận thấy từ lâu. "Thôi cũng đành, được đến đâu hay đến đó vậy". Phượng vừa đi vừa thầm nhủ.

Lúc Phượng về đến nhà thì cha nàng cũng đã vào phòng riêng và bỏ bữa cơm chiều. Phượng cũng ăn uống qua loa rồi xuống vườn đi dạo một vòng. Ngửa mặt nhìn trời cao, Phượng thấy lòng nức nở muốn khóc. Chưa bao giờ nàng thấy mình cô đơn đến thế. Bóng cha nàng ngồi im lặng sau cửa sổ. Giữa cha con nàng có quá nhiều yên lặng. Trước giờ đi ngủ, vào phòng bỏ màn cho cha xong, phải cố gắng lắm, Phượng mới dám hỏi cha: "Ba, điều ba nói với con hôm qua...?". Lúc đó, bác sĩ đứng bên cửa sổ nhìn xuống vườn. Đêm đã khuya, bốn bề im vắng. Không đợi cha trả lời câu hỏi vừa rồi của mình. Phượng lại buột miệng nói tiếp: "Ba nghĩ liệu rồi đây có yên không hả ba?". Bác sĩ muốn an ủi con gái, nhưng đã từ lâu ông không thể tìm thấy được ngay những chữ ông muốn, ông lúng túng một tí rồi ngồi xuống chiếc ghế nhìn con, phác tay làm một cử chỉ bằng quơ vừa tìm lời để nói:

"Thực ra ba cũng không biết được điều gì nhiều lắm. Chúng ta có quá nhiều người tài giỏi... nên những người như ba... dù đã sống bao nhiêu lâu... và nhìn thấy nhiều điều... nhưng vẫn có nhiều cái ba không hiểu được".

Ông muốn nói thêm cho con gái hay về những điều khá chua chát trong lòng ông, nhưng ông lại cảm thấy lười biếng không muốn tìm thêm lời nữa, vả lại cũng chẳng có ích gì, ông nghĩ, và ông tự nhủ thầm: "Cũng vì ta quá chậm chạp nên nàng đã bỏ đi". Ông lập cập mở các ngăn kéo tìm kiếm điều thuốc, bật quẹt châm hút, thở khói ra hai lỗ mũi, hơi khói lọt qua kẽ một chiếc răng đã rụng. Bác sĩ kẹp điều thuốc giữa hai ngón tay. Phượng nhìn theo đóm lửa run rẩy trên tay cha, ông cúi xuống ngó hai bàn tay mình như hai bàn tay của một người xa lạ nào.

Trong những giờ phút cuối cùng (thật thế không ba?). Phượng muốn được nghe cha nói, bất cứ điều gì, nhưng nàng không dám mở miệng cũng không dám cử động sợ làm vỡ cơn mơ tưởng của ông mà nàng biết, (sau bao năm sống âm thầm như cái bóng cạnh cha), đó là những phút ông đang nghĩ tới mẹ nàng, người mẹ Phượng đã quên cả mặt, nhưng đối với cha nàng lúc nào cũng còn quanh quất nơi đây. Phượng rất giống mẹ. Bác sĩ cứ nhầm lẫn mãi hai

mẹ con, nhất là từ ngày Phượng bắt đầu lớn. Có những buổi chiều, sau khi làm việc mệt nhọc ở bệnh viện về, ông có thói quen vào phòng riêng ngồi yên lặng trên chiếc ghế bành quên cả đêm xuống.

Lúc Phượng vào mời ông ra ăn cơm, nghe tiếng chân con và tiếng quần áo sột soạt của nàng, ông đã ngồi nhồm hẫng dậy hỏi to: "Ai đấy", và nhìn thẳng vào mặt nàng, giọng ông nghe hốt hoảng. Phượng biết ông đã tưởng nàng là mẹ nàng, sau khi biết mình nhầm lẫn, ông có vẻ ngượng nghịu lúng túng. Phượng phải lặp lại hai ba lần tiếng "con đây, con đây" và mời ông ra dùng bữa. Những bữa cơm sau đó, ông ăn uống âm thầm cốt cho xong và tránh không gặp mặt con. Trông dáng điệu cha những lần như thế, Phượng muốn bật khóc ngay đó, nhưng nàng cũng cố nén cơn khóc xuống, để dành đến tối khóc thoả thích trong phòng riêng.

Bữa nay, nghe con hỏi về một bình yên có thể có nay mai không, vị bác sĩ già mới chợt thấy thương con xót xa, ông không ngờ mình đã nặng tình với người đàn bà của đời mình đến thế, ông muốn cầm lấy hai tay con và xin lỗi, nhưng không dám, ông đã bỏ quên con quá lâu, dù hằng ngày cha con vẫn sống chung một nhà. "Lúc nào ta cũng chặm chạp và vụng về" ông nghĩ "con ta sẽ gặp khó khăn thực đấy". Càng thương con, ông cảm thấy giận người đàn bà nông nổi. "Nàng đã giết con bằng nhiều cách. Ta cũng giết con bằng nhiều cách khác". Lâu không thấy cha nói gì, Phượng đành phải lên tiếng hỏi:

"Ba có cần gì nữa không, con đi lấy cho ba".

Tiếng nói của Phượng làm bác sĩ giật mình. Ông quay lại nhìn con và bảo:

"Thôi ba không cần gì nữa. Con về phòng ngủ đi".

Phượng ra khỏi phòng rồi, ông cũng không biết chắc có phải con gái ông khóc không, bởi hình như ông đã thấy mắt con lóng lánh nước mắt. Nhưng ông cũng không chắc lắm vì mắt ông lúc ấy hơi bị hoa. Tự nhiên một cơn đau làm ông gập mình xuống chịu. Bệnh ung thư dạ dày của ông đã tấn công ông mạnh hơn là ông tưởng. Mồ hôi vã ra trên trán, vị bác sĩ khuyu hẫng xuống chiếc ghế ông đang ngồi. "Sau cơn đau này, có lẽ ta chết mất", ông nghĩ. Phải chờ cho cơn đau dịu xuống, ông mới lần được ra tủ thuốc lấy thuốc uống.

Ông trở lại ghế bành lấy đồ dùng tự nghe mạch mình. Sau khi biết kết quả, ông thu xếp đồ đạc cẩn thận, rồi mở cửa phòng, vịn tay vào vách tường lần sang phòng con gái. Ngần ngại một chút, ông giơ tay lên gõ cửa:

"Phượng còn thức không con?"

Nghe tiếng cha, Phượng đang khóc, vội thấm hết nước mắt, chạy ra mở cửa. Nhìn mặt con, bác sĩ biết là Phượng khóc. Nhưng ông tảng lờ như không biết. Ông cố lấy về bình thường trong khi cơn đau bụng lại muốn quặn lên. Ông nói:

"Ba muốn vào phòng xem con ăn ở thế nào một lần. Con có bận gì không?"

Phượng nhìn thấy mặt cha tái nhợt, nàng vội mở rộng cánh cửa cho cha vào, và bắc ghế cho ông ngồi. Bác sĩ ngồi xuống ghế mỉm cười. Cơn đau quặn lên. "Hãy gượng, bay đừng hạ ta vội", bác sĩ vừa nghĩ thầm và tưởng tượng ra chiếc dạ dày của mình trên tấm kính rọi, và quên hẳn không biết mình định đến và nói với con điều gì nữa. Ông đưa mắt nhìn quanh căn phòng một lượt rồi bảo:

"Ờ, con xếp đặt chỗ ở cũng gọn gàng đấy. Con có thiếu gì không?"

Phượng linh cảm sắp có chuyện gì đây. Nàng chăm chú nhìn cha, đáp:

"Thưa ba, không. Con cũng chẳng muốn bày thêm cái gì nữa cho chật phòng".

Bác sĩ nắc lên một tiếng, ông nuốt cái hơi nghẹn đang trấn ngang cổ xuống, nói:

"Lúc này con có hỏi ba một điều, ba không trả lời con được".

Cái hơi nghẹn ứ lên chận ngang cổ họng. Trong một phút không ngờ nhất, tự nhiên ông khám phá ra đời sống, giữa hai cha con ông, có một cái gì không ổn thoả, có một cái gì không thật như thế. Việc bỏ đi của người đàn bà làm cho quãng đời còn lại của ông thành lơ lửng giữa sự thực và cõi mơ, chính ông, ông cũng không muốn làm mọi sự sáng tỏ hẳn ra, vì ông biết là ông

đã tuyệt vọng, ông quá yêu người đàn bà, ông biết nàng đã đi thật, ông cố nuôi dài cơn ảo tưởng đó để nó nối liền ông với nàng, cơn mê ấy đã kéo dài mười mấy năm, đã quá mỏng không còn buộc giữ được gì nữa, chỉ cần một hơi thở nhẹ của sự thật đủ làm vỡ tan tất cả. Ông đã kéo theo con ông vào cái giấc mơ tiêu tụy đó. Ông đã đi vào quá xa và không còn đủ thì giờ trở lại. Ông nói tiếp:

"Đời sống đôi khi giống như con chó đã gặm của ta cả hai chân nhưng vẫn còn muốn ta tiếp tục đi thêm một lần nữa". Vị bác sĩ lại cảm thấy khá chua chát vì lời nói cục cằn của mình. Ông nấc thêm một tiếng nữa và bây giờ thì cái hơi chặn ở cổ nó nặng như một hòn đá, ông không làm sao nuốt nó xuống nữa.

Ông ngoẹo đầu xuống thành ghế. Ông nghe tiếng con gái thốt lên gọi ông và chạy lại ôm lấy ông. Chiếc ghế lật ngửa xuống thành giường. Vị bác sĩ già thấy mình được gói đầu lên chiếc nệm êm ái đầy ắp một mùi hương quen thuộc và một khuôn mặt thân yêu. Ông muốn giơ tay lên để làm một cử chỉ gì đó, nhưng đôi tay ông không còn thuộc về ông nữa. Đôi tay ông đã dùng cứu giúp bao nhiêu người thoát khỏi tử thần bây giờ lại chẳng giúp được gì cho ông cả. Chúng trôi lênh bênh trong một biển sương mù, và đầu bác sĩ đã gắng nhưng chúng cũng không nắm lại được với nhau nữa.

(Trong tập truyện Đêm lãng quên)

Nguyễn Đình Toàn – Riêng chữ với người Lưu Na



Sống là sống với một người, nhưng chết ai cũng chết riêng một mình. Còn lại những con chữ, khi đã buông ra nó có đời riêng của nó. Nguyễn đình Toàn và thế hệ của ông đang qua đi. Đến lúc, con voi già ấy sẽ đến chỗ của mình, một chỗ riêng, riêng chữ với người. Nghĩ, lòng lại tằn ngần.

(Lưu Na)

Này người bạn trẻ Lưu Na,

Tại sao lại chỉ sống với một người. Người đọc những con chữ đâu phải chỉ có một. Nhà văn chỉ cô đơn khi viết, chữ đâu có cô đơn khi không viết. Tuy những con chữ rất bạc (mình chết rồi chúng có đi theo mình đâu. Chúng có đời sống riêng của chúng) nhưng nhờ những con chữ mà người ta kết bạn nhau từ khắp bốn phương trời . Nhờ những con chữ mà già trẻ ngồi bên nhau như những người bạn tâm giao từ bao giờ. Dù cho có lúc người thế hệ trước Nguyễn Đình Toàn thẳng tay xua xua bảo người thế hệ sau Lưu Na hãy về đi, đừng “ la cà qua ông xao lãng gia đình buồn lòng người thân ”.

Nếu không có những con chữ, đời sống sẽ buồn thảm đến chừng nào !

T.Vấn

Riêng chữ với người Lưu Na

Trương Văn Trên Bàn Viết gọi Nguyễn đình Toàn là *một khuôn mặt điển hình...ít nhất, là ở phương diện chữ nghĩa của một thế hệ sắp sửa chìm dần vào bóng tối, vào quên lãng, vào những lớp bụi thời gian đang từ từ đọng lại...và, [m]ột quá khứ dù rằng mục cũng đã có vai trò riêng của nó trong lịch sử.* Đọc những lời này lòng mình thấm đượm buồn.

Hôm đó mình ghé, thứ Hai, chưa kịp bấm chuông thì ông mở cửa, tất tả cùng bà bước ra. Ông lôi mình theo vào thăm Thái Thủy đang hấp hối. Trên xe ông nói về Thái Thủy đài Sài Gòn, đài Gươm thiêng ái quốc. Mình không biết người này không biết người kia, không biết vân vân, nhưng biết những hạt bụi trong đang lắng xuống chỗ của nó bên bờ sông lịch sử. Bốn giờ sáng hôm sau Thái Thủy qua đời. Bên cái đầu mất một người bạn, ông buồn bã xua mình về, rằng từ đây đừng la cà qua ông xao lãng gia đình buồn lòng người thân. Mình ngồi đó tần ngần. Con voi già đang dọn mọi hệ lụy trên đường đến chỗ nghỉ cuối đời của nó ở một nơi không ai biết đến. Một thế hệ đang phai trước mắt, và mình vẫn chưa thực biết con người ấy, chưa thực hiểu những điều ông đã viết. Có cần không và để làm gì? Nguyễn đình Toàn đã tự lui vào bóng tối trước khi rã mục, đã tự quên mình trước khi thế hệ của ông qua đi. Ông đã, đang, tự hòa vào bụi thời gian. Sao mình phải tần ngần?



*Cây gỗ khi chết cũng như người :
chết riêng một mình (hình: Lưu Na)*

Buông dòng cuối *Cửa chữ và người* mình thấy rõ mình chưa nói hết những điều muốn nói về Nguyễn đình Toàn. Ông vẫn là một thực thể xa lạ, ít nhất là cho lớp người như mình. Mình đoán Trương Văn không phải là người duy nhất trong thế hệ trước đọc Nguyễn đình Toàn, cũng như tin rằng không phải một mình Trên Bàn Viết nhận thấy vai trò *một mình một chiếu* của Nguyễn đình Toàn trong văn học nghệ thuật. Nhưng cái gì của Nguyễn đình Toàn làm nên chiếu ấy? Ông có lần nói, viết, nhiều khi chỉ để mà biết vì sao mình viết. Cái ung dung tự tại của ông vững chắc như cái khẳng quyết của những người lính: biết chỗ mình đang đứng. Nhưng đọc truyện ông mình lại luôn nghĩ đến những dòng thơ, đến ca từ lãng mạn, đến tiếng hát Khánh ly. (A ha, Khánh Ly. Ở cái giọng buồn phiền chán chường ấy tiếng nhạc Nguyễn đình Toàn mới vang đúng âm điệu khổ đau và chiếu ra được cái lãng mạn nên thơ của một tâm hồn. Khánh Ly không chỉ có một ưu thế trong giọng thấp đặc biệt hát được những bài thích hợp cho giọng trầm. Những bài giọng nam Khánh Ly hát còn hay hơn tựa như những nhân vật nữ mới chuyên chở được cái tâm trạng tinh tế, tỉ mỉ, mỏng manh mà sâu sắc trong truyện của ông. Khánh Ly còn có instinct để lựa đúng note mà láy, thêm cho bài hát một âm điệu riêng, cũng như có người hòa âm thật tài tình (mình nghe bài Mưa khuya, bài Sương Mai hoài không thấy chán)). Tại sao phải qua nhạc qua thơ mới thấy được cái lãng mạn nên thơ trong văn của Nguyễn đình Toàn. Trong cái viết ấy như có điều conflict.

Thêm một truyện Con đường, là thêm một điều thuốc trên tay một cô gái chưa hề bước chân ra khỏi cửa, và thêm một cuộc trao thân hững hờ tựa *dòng nước buồn thiu hoa bắp lay*: “em đã cho anh hết tuổi thơ của em ngày em về thăm mẹ, vậy mà anh không biết em là ai, em cũng không biết anh là ai. Có bao giờ em dám trở lại tìm anh nữa không” (Con đường).

Lúc nhỏ, chưa thực biết đọc mình đã nghe những là triết lý, là buồn nôn, là phản chiến. là cuồng loạn, là chán chường. Cái hệ trọng của con người dường như xoay quanh biến động và tâm thức của xã hội thời đó. Cái hệ trọng đó trong văn của Nguyễn đình Toàn là chuyện trao thân. Nhưng mà, Nguyễn đình Toàn chỉ nhắc đến nó thật lơ là hờ hững. Mình đọc một lèo, đọc qua, đọc lại, vẫn chưa biết ông đang tả một cuộc trao thân: “Cũng cái ánh trắng đó, rồi như một làn suối tràn ngập thân thể tôi, cái ánh sáng long lanh ấy chảy suốt linh hồn tôi, bao lâu, tôi không biết. Tới một lúc, trăng soi nghiêng ngoài cửa sổ, tôi nhìn thấy nguyên vẹn một vầng trăng sau khung cửa mở rộng, tôi nhìn thấy loáng thoáng những sợi tơ trắng ngàn soi trên rèm cửa. Tôi mơ hồ cảm nhận ra ánh trăng nặng nề thấm qua da thịt.” Ông vẫn nói mình là đứa ngớ ngẩn, nhưng có trời biết, đứa lưu manh ranh con như mình phải leo hết đỉnh Everest cũng không thấy được cái điều ông muốn nói. Ông gói một điều, với mình thì thật mới, vào một cách viết rất xưa, xưa hơn người 300 năm trước.

Trăng đã nhạt hết ánh vàng.

Trăng không còn là trăng nữa.

Trăng đã trở thành *nguyệt bạch*. (Đồng cỏ)

Chỉ nói ý mà thôi, người xưa vẫn vậy. Nhưng “ý” của Nguyễn đình Toàn hơi lạ, với mình. Cái chuyện trao thân, nó có một ý nghĩa riêng đặc biệt với ông nên truyện nào cũng có nó, mà chuyện nào ông cũng đều lướt qua nó nhanh như một ánh chớp. Mình là người đọc cũng lỡ đã như những cô gái trong truyện, mái miết lao tới tưởng sẽ tìm thấy và mở cánh cửa đời bước vào con đường trước mặt mà không ngờ cánh cửa ấy vô hình. Cắm đầu đi một hồi rồi mới thấy mình thất lạc bơ vơ phải đi trở ngược để tìm lại mình cái thuở ban đầu. *Cho đi lại từ đầu, không đi vội về sau...* “Tôi” của Con đường đi lại con đường cũ nhưng không còn tìm lại được mình. Cái chuyện trao thân, với Nguyễn đình Toàn, không là hành động dục tính, không là hành động cảm tính, cũng không thể hiện một ý tưởng về tình yêu. Với Nguyễn đình Toàn nó là một phần then chốt của sự sống, là bước ngoặt là chuyển biến quan trọng thứ nhất sau khi mầm cỏ đã bật ra từ đất nước gió lửa để hiện thân cụ thể. Tả cái việc hệ trọng ấy thì chỉ 3,4 dòng, và còn lồng nó vào ánh trăng của ngàn xưa, mờ ảo như sương, thật lãng mạn. Nhưng cái hậu chấn thì 3 trang sách, cô Phụng của Đồng cỏ không còn là Phụng một giờ trước đây, và không còn có thể hôn trả em mình cái hôn thân mến nữa. Cô đã bỏ tuổi thơ ngây, cô đã là một người khác, riêng cô, không dính líu gì đến người đã cùng mình hòa nhập. Cái chuyện cần có 2 người lại chỉ là chuyện riêng của một người, “xin cho tôi được sống, chứ không phải chỉ là sa ngã,” “tuổi con gái tôi trao cho chàng cũng bí mật như đêm khuya, chắc đã trôi qua đời chàng như ngàn đêm khác, chỉ mình tôi còn nhớ...” (Con đường). Với mình, chính cái cách ông nhìn việc đó mới là mới, lạ, và lãng mạn, trong cách viết từ từ kín đáo cần trọng của một nhà nho.

Mà bên cạnh nỗi sống khắc khoải, luôn là một cái chết, đã qua của bố, và sắp tới của ông nội, hay của người mẹ còn sống mà đã chết trong tâm tưởng từ thuở bé thơ (Con đường). Nguyễn đình Toàn nói, người ta sống chỉ để chờ chết. Với ông, cái chết chính là sự lớn lao thứ 2 của cuộc sống, nó rõ ngay trong dòng nhạc, trong lời thơ, và ẩn hiện trong những truyện ông viết. Người cùng thời của ông viết ra những suy tư và tâm tình mang dấu ấn cái thời họ sống, những vấn đề lớn lao nhưng của một thế hệ. Còn cái ông viết là cái muôn thuở: tình yêu và sự sống, được viết bằng cái cách của người 300 năm trước nói chuyện 400 năm sau, mình ngẫm rất lâu mới cảm được điều ông muốn nói. Những ý tưởng của ông như bị buried sâu xuống 2, 3 lớp vỏ. Trên Bàn Viết nói đến cái (không khí) “âm ướt” trong truyện của Nguyễn đình Toàn, âm ướt, không phải ướt ướt. Quả thật, đó là những bụi sương mờ, đọng trong một góc của trí óc.

Thật khó để trích để nhắc một câu gì đó trong những lời ông đã viết vì nó đưa mình đến một suy tưởng dài sâu mà ngắt ra thì không còn là gì nữa. Mình nghĩ đó là điều khiến văn Nguyễn đình Toàn không popular trong thế hệ của mình về sau. Mình phải qua thơ, qua nhạc, qua ca từ như thơ (là thơ) mới gọi tên được những ý tưởng ấy.

Đã nghe đời xa ta

Người xa ta

Tình xa ta

Như cây khô trút dần hết lá

...

Ta bỗng nghe ra bằng thịt da

Đã thấy ta gần với cái xa

(Đã Nghe)

Sống là sống với một người, nhưng chết ai cũng chết riêng một mình. Còn lại những con chữ, khi đã buông ra nó có đời riêng của nó. Nguyễn đình Toàn và thế hệ của ông đang qua đi. Đến lúc, con voi già ấy sẽ đến chỗ của mình, một chỗ riêng, riêng chữ với người.

Nghĩ, lòng lại tần ngần.

4/20/2011

Phụ đính I :



Vũ Hữu Định

Rất nhiều người yêu bài thơ *Còn Một Chút Gì Để Nhớ* của Vũ Hữu Định, vì được nghe qua nhạc Phạm Duy. Nghe rồi mới đọc.

Nhiều khi cũng không phải là đọc nữa. Người ta nghe và thuộc lời ca của bản nhạc, từ đó nhớ lại rồi khám phá ra cái hay của bài thơ, cái hay của từng chữ trong bài thơ.

Trước khi có bài thơ của Vũ Hữu Định, không biết có bao nhiêu người đã ước ao được đến Pleiku. Nhưng sau khi bài thơ được phổ nhạc và hát lên, số người muốn được đặt chân, được nhìn thấy tận mắt cái phố núi ấy, không thua gì số người muốn nhìn thấy Thôn Vỹ Dạ vì đọc thơ Hàn Mặc Tử.

Có lẽ người nào đó đã nói đúng khi cho rằng, một thành phố dù đẹp đến đâu, nếu chưa được đưa vào văn thơ, âm nhạc, hội họa... cũng kể như nó chưa có linh hồn vậy. Và một tác phẩm hiện hữu hay tồn tại được hình như cũng có những cơ duyên của nó. Phạm Duy cho biết, ông gặp Vũ Hữu Định ở Pleiku trong một chuyến đi tìm cảm hứng cho cuộc sống của riêng ông và nhất là tìm hiểu tâm trạng những nhà thơ trẻ, đại đa số khi ấy đang đi lính hay đang trốn lính.

Phạm Duy cho biết ông đã chọn và phổ nhạc bài thơ của Vũ Hữu Định không thêm bớt một chữ nào. Ông cũng giữ nguyên vẹn cấu trúc [structure] cũng như vận tiết [prosodie] của bài thơ. Ông chỉ dùng một thanh âm có bán cung của dân ca Jarai hay Bahmar để gọi cái không khí cao nguyên và một chuyển giọng [tonalité] ở đoạn cuối để cho bài ca có thêm màu sắc. Ca khúc Còn Một Chút Gì Để Nhớ thành công thế nào mọi người đã biết. Có thể nói, không một ca sĩ tên tuổi nào của chúng ta khi ấy lại không có lần trình bày bài hát này. Và, nghe rồi, người ta hẳn cũng có lúc tự hỏi, nếu không có nhạc của Phạm Duy, liệu bài thơ có thể phổ biến mau chóng và rộng rãi như vậy chăng? Câu hỏi ấy, dù có bao nhiêu câu trả lời cũng không ích gì. Ta có một bài thơ hay rồi lại có một bài hát hay, đó chưa đủ là một điều thích thú sao? Thắc mắc nữa mà chi ?

Đọc bạn bè và những người quen biết kể lại cách sống, những cuộc gặp gỡ của họ với Vũ Hữu Định, người ta luôn cảm thấy một nỗi vui buồn lẫn lộn, một cái gì đó hình như quá đầ, làm rộn người.

Chỉ sau này, trong một bữa nhậu trên sân trời một căn gác với bạn bè, Vũ Hữu Định cảm ly rượu của mình, không biết say tới cỡ nào, bước ra khỏi hàng lan can của cái sân trời, rớt xuống đất và chết tại chỗ, người ta mới biết, hình như cái chết kinh khủng của Vũ Hữu Định đã được báo trước?

Đình Trầm Ca hiện còn ở trong nước, đã viết về Vũ Hữu Định [trên báo Khởi Hành số 96, tháng 10, 2004] như sau :

“ Tôi chưa được lần nào diện kiến chị Vân, vợ anh. Nhưng qua Đoàn Huy Giao kể, tôi rất kính trọng chị ấy. Tôi cảm nhận chị ngang hàng với bà Tú Xương. Sanh tiền Vũ Hữu Định chẳng làm được gì cho gia đình. Anh như một cuồng sĩ lang thang, phiêu bạt. Nghe nói chị vất vả lắm để nuôi mẹ anh, một bà mẹ đã ‘lẫn’ và tật bệnh cùng một đàn con. Ngày xưa tôi không ưa anh lắm vì những điều này. Tôi vốn khắc nghiệt. Tôi không thích những người vô trách nhiệm, thiếu bổn phận... Hai mươi năm nay, tôi lại giống anh lúc trước, tôi mới hiểu được và thương anh hơn! Khi tôi hiểu được thì không còn Định, để mời một chén rượu cảm thông. Tôi không còn nghĩ anh là người ham danh, hay nhẹ nhàng hơn, có chút ưu ái hơn, như các bạn tôi rằng, anh là người say đắm thơ rượu. Tôi biết rằng những tháng năm đen tối, đời anh không nhờ thơ, rượu thì con người anh sẽ ra sao? Và cuối cùng thơ và rượu đã cứu rỗi anh.

*Cũng có khi nào anh trở lại
Mai đây, một nọ biết đâu chừng
Và có một lời anh sẽ nói
Giữ gìn nhau một chút hồn chung
Tới đây thấy lúa vàng đang chín
Đứng lại nhìn thôn xa khói bay
Không biết nhà ai đâu nấu rượu
Thoang thoảng hương mùa đã muốn say*

Anh đã mất 17 năm tròn. Nhưng anh cũng vừa trở lại với chúng ta bằng tập thơ 'Còn Chút Gì Để Nhớ'. Trong thơ anh, tôi đã nhìn thấy rõ anh hơn những ngày tháng giang hồ lang bạt. Tôi thấy anh quần quai khổ đau. Tôi thấy cả tấm lòng anh đầy ắp yêu thương gia đình, vợ con. Thơ anh nhân ái, cao cả mà hồn anh thì ray rứt, ngậm ngùi". Nhân ngày giỗ đầu Vũ Hữu Định, A Khuê đã có một bài thơ khóc bạn và Trần Quang Lộc một người bạn khác của Vũ Hữu Định, đã phổ nhạc thành ca khúc Mộ Trắng.

*Đêm không trăng mỡ ngực chơi
Giữa tuyết cùng
Sương hoa đỏ
Linh hồn linh hồn ơi
Mệt bước chân vu
Đi ngất ngất đi lạng lẽ trong đêm dài
Đêm không trăng
Của phố núi cao
Em Pleiku má đỏ môi hồng
Có thật đã ngủ yên
Trên ngọn núi cao kia
Trong bóng tối ôi lạnh quá đôi chân trần*

Độc giả, thính giả, được đọc, được nghe một bài thơ, một bài hát hay, thường thắc mắc tự hỏi, không biết những sáng tác khác của các tác giả ấy ra sao? Đó cũng là điều người ta muốn biết về Vũ Hữu Định.

Trước 75 Vũ Hữu Định có nhiều thơ đăng trên báo chí ở Sài Gòn, nhưng chưa có một tập thơ nào được in thành sách.

Và cũng có thể nói rằng, ngoài bài thơ Còn Một Chút Gì Để Nhớ, không thấy một bài thơ nào khác của Vũ Hữu Định được độc giả nhắc nhở, truyền tụng.

Dù thế nào, chỉ căn cứ vào những bài thơ đăng báo để nói về thơ của một người, không thể tránh được thiếu sót.
Nhất là trường hợp Vũ Hữu Định.

Sau tập Còn Một Chút Gì Để Nhớ vừa được bằng hữu của ông ở trong nước góp công sức xuất bản, người ta mới được biết Vũ Hữu Định còn nhiều tập thơ khác nữa, chưa biết lúc nào mới in ra được.

Dưới đây là bài thơ Đứng Giữa Đòng Không trích trong tập Còn Một Chút Gì Để Nhớ của Vũ Hữu Định :

*một bầy sáo nhỏ qua sông
một em tôi đã cầm lòng đi xa
như con sông nhỏ thật thà
sớm hiu hắt tạnh, chiều sa mưa nguồn
một bầy sáo đã đi luôn
một em tôi đã để buồn lại đây
con chim quyên đã lạc bầy
xuống sông vọc nước đọi ngày xé ngang
một bầy sáo nhỏ bay hoang
một em tôi đã bỏ làng đi xa
tôi ngu ngơ giữa chiều tà*

em đi để lại mình ta giữa đồng

Thơ Phùng Cung

Tuy được in chung trong tuyển tập truyện ngắn, nhưng “Trăng Ngục” của Phùng Cung là một phần riêng biệt. Có thể coi “Trăng Ngục” như tập nhật ký trong tù của Phùng Cung. Một tập nhật ký không đề ngày tháng.

Những người từng bị ở tù cộng sản rồi, ở tù mà không biết vì sao, không xét xử, không án lệnh, không biết bao giờ được tha, sẽ hiểu rằng sau một năm, hai năm, và càng lâu hơn, người ta càng không còn để ý hay biết đến ngày tháng nữa. Người ta tồn tại chứ không còn sống nữa. Và tồn tại trong những điều kiện gần như không một con vật nào chịu đựng nổi chẳng hạn chỉ làm chứ không được ăn, đừng nói đến những cái khác.

Dấu hiệu duy nhất để người ta biết chắc mình còn sống trong những ngày địa ngục ấy là người ta còn suy nghĩ được.

Thơ của Phùng Cung là những điều ông suy nghĩ trong những ngày như thế. Những ngày như thế là một chuỗi trắng, một cái khuôn, hay dùng chữ của Ôn Như Hầu cái “lò cừ” [lò cừ nung nấu sự đời] không cần ghi dấu.

Trong bài “Vay Nóng”, Phùng Cung viết:

Đất nước tôi
Triền miên bất hạnh
Tụi mặt dày - tay bản
Tim rắn - lời cừu
Văn hóa lớp hai
Điều hành cuộc sống
Tránh làm sao
Khỏi nát ngọc nhân quyền
Nhân danh một nạn nhân
Đứng giữa mệnh mông
Cùm lim - rào kẽm
Khẩn cổ - chìa tay
Khẩn xin những quốc gia
Văn minh - từ thiện
Cho dân Việt Nam tôi
Vay nóng chút dân quyền

“Vay nóng”? Lâu lắm người ta mới được đọc, mới được nghe lại hai cái từ buồn bã đó. Vay nóng. Vay xấu. Vì cần thiết quá. Tự mình không còn biết kiếm ở đâu ra nữa. Vay cũng hàm ý là sẽ trả. Trông cậy vào đâu để trả chỉ có người vay biết.

Thật tàn nhẫn khi đọc những lời như thế, viết trong những hoàn cảnh như thế, mà người ta lại muốn nó phải hay, phải văn chương, phải có ý mới, hình tượng mới, ngôn ngữ mới...

Đáng lẽ vấn đề chỉ nên được nêu ra là: làm thế nào con người có thể sống được, tồn tại được trong hoàn cảnh như thế?

Thơ cứu rỗi người ta chẳng?
Trước mắt trẻ thơ, mỗi tinh cầu chỉ là chấm nhỏ
Càng tối đen càng nhìn rõ xa/xanh
Mắt phàm tục đăm đăm vương chút lệ
Chút lệ này xuất hành từ trí tuệ con người
Hỡi biển cả
Diện tuy rộng nhưng thiếu những giác quan cần thiết
Lòng tuy xanh - sâu
Xanh sâu đầy mặn chát
Bỏ mắt mênh mông, chuốc lấy ồn ào
Tự thao túng - cái thói hư nộ cuồng sóng vỗ
Trống trải bơ vơ, chiều quả phụ
Bình minh vô vọng phương mờ
Ôi! Bao yên lặng thanh cao
Đều chìm lặn trong thét gào man rợ
Thì nhắm mắt, bưng tai
Nhưng phải đâu khiếp sợ
Chỉ điếc đui vừa đủ, để làm ngơ
Ai cho phép người tự dành phần hương hỏa nhỏ to
Một giọt nước
Vấn tình nguyện tách đôi
Để cùng thấy rõ
Vậy dẫu vô cùng lớn lao gì đó
Ta chỉ yêu cầu phải hài hòa
Vớ vớ cùng bé nhỏ mà thôi!

Điều khiến người đọc rung mình khiếp sợ tự hỏi, thế những người vợ, những đứa con, người ta đi công tác vài ba năm, có khi dăm bảy năm mới được phép về thăm nhà một lần/ để lại/ đâu/ không thấy nhà thơ nhắc đến nhỉ?

Tổ quốc, quê hương, ý nghĩa cuộc đời là những điều to lớn đã chiếm hết tâm trí người ta hay sự thực là người ta phải quên những điều nhỏ bé kia đi mới sống nổi?

Tổ quốc ư?

Đây là những lời Phùng Cung nói với tổ quốc:

Tổ quốc kính yêu ơi
Văn hiến - thuần phong - mỹ tục
Phút chốc bàn tay cộng sản dập vùi
Định nghĩa - tên người
Tôi không nói được
Nếu bị dồn hỏi
Tôi chỉ có thể trả lời
Bằng hai hàng nước mắt
Tổ quốc kính yêu ơi!
Quê hương ư?

Đây là những điều Phùng Cung nói với quê hương:

Quê hương ơi!

Đường quan lầy nước mắt
Điệu sáo hết du dương
Mây chìm, gió ngủ
Chiều nắng da bò
Vấn nhảm biên giới ưu tư
Rầu rầu đổ bộ
Sông sâu bật tiếng gọi đò
Chim hãy giùm ta
Gọi cành xanh góc dậu
Quê hương thấy lại quê hương

Ý nghĩa cuộc đời ư?
Còn có gì quan trọng hơn sống, chết?

Phùng Cung nói về sống chết như sau:
Sống quá khó khăn
Chết chẳng dễ dàng
Ta phải sống
Vì ta còn phải chết
Ơi! Những cánh buồm xanh biếc
Ngược dòng ngân - lộng gió
Có phải đang đưa những oan hồn
Về bên Thượng Đế chí nhân?

Thơ Phùng Cung là những gì được vắt ra từ trí não và tàn lực của một người, bị treo giữa đời sống và cái chết, hay nói như chính ông: “Sống quá khó khăn, chết chẳng dễ dàng”. Nó là những tiếng kêu thất thanh nhưng lại chỉ thốt ra trong yên lặng, bằng chữ viết. Những câu thơ người ta có thể phải trả giá bằng mạng sống. Và, quả thật ông đã trả giá bằng chính mạng sống của mình. Những câu thơ như vậy, chúng ta phải đọc thế nào cho phải đây?

30 Tháng Tư đọc lại tập thơ *Đất Khách* của Thanh Nam

Trong tập thơ “Đất Khách” của Thanh Nam, Thái Thủy cho mượn để đọc, còn có thêm một lá thư viết tay của Tử Vi Lang được chụp lại, một trang rời in ba bài thơ tứ tuyệt của Thanh Nam, một đề tặng Vũ Quang Ninh, một đề tặng Trần Cao Lĩnh, và một chỉ thấy ghi ở bên dưới Tháng Sáu 1984.

Bài thơ đề tặng Vũ Quang Ninh có tên là “Mười Năm”:

*Chớp mắt mười năm gặp lại nhau
Ngậm ngùi tóc bạc góc lòng đau
Nụ cười như muốn tan thành lệ
Trong mắt ân tình rộn biển dâu*

Bài “gởi” Trần Cao Lĩnh là “Lời Xa”:

*Rượu tiễn chưa trao lời giã biệt
Tháng giêng theo tuyết bạn xa rồi*

*Gió đưa khăn gói thành ly khách
Có gặp hồn quê giữa xứ người?*

Và bài “Phố Cũ” như sau:

*Nhận thư bè bạn từ quê nhà
Dò đọc tên đường thấy xót xa
Ôi, đã nghìn thu vào tịch mịch
Những anh hùng cũ, mỹ nhân xưa!*

Những trang viết của Tử Vi Lang, không thấy ghi tên người nhận, nên không biết gửi cho ai, nhưng đọc tưởng chừng thấy thời gian ngừng lại:

Nhà văn Thanh Nam trú hơi thở cuối cùng tại Seattle, tiểu bang Washington, lúc 07 giờ tối ngày 02 Tháng Sáu năm 1985, thì qua hôm sau, tôi tiếp cú điện thoại của anh Vũ Đức Vinh gọi xuống Los Angeles, báo tin buồn ấy, và hỏi rằng:

- Hội Văn Hóa Việt Nam tiểu bang Washington chúng tôi muốn đăng một ai-cáo lên các báo, để cho các văn nghệ sĩ, ký giả và bằng hữu tại hải ngoại cũng như ở nước nhà biết tin. Vậy, chữ ‘Cáo Phó’ chỉ dành riêng cho gia đình anh Thanh Nam dùng, thì Hội Văn Hóa chúng tôi dùng chữ ‘Khấp Báo’ có được chăng?

Trong phút xúc động, tôi trả lời ngay:

- Được lắm chứ! Chữ ‘khấp’ không có nghĩa là khóc thành tiếng, mà ‘khấp’ chỉ là ‘ứa lệ’ khóc thầm. Anh thử nghĩ xem: Tại sao trời đất lại sinh chúng ta vào cái thế kỷ mà quốc gia dân tộc phải chịu nhiều đau thương tang tóc nhất lịch sử này? Có thể nói: Đa số chúng ta, chỉ vì quốc nạn mà trở thành kẻ cầm bút viết báo, viết văn. Thế rồi cuộc bể dâu hồng thủy đã khiến chúng ta phiêu dạt khỏi quê hương yêu dấu! Và trong khi các anh đang họp mặt, nắm tay nhau ở Seattle, cảm thán hiện cảnh, thắc mắc tương lai... thì Thanh Nam nằm xuống, vĩnh viễn ra đi! Như thế, các anh - và cả tôi ở đây nữa - không ‘ứa lệ’ sao được?

Dứt cuộc điện đàm với anh Vũ Đức Vinh, tôi cầm bút thảo ngay bài thơ cảm thán này để đăng báo, gọi là ghi chút tình đồng nghiệp với Thanh Nam...

VĂN THANH NAM THỆ THẾ

*Vô đoan thiên địa ngẫu sinh ngộ
Dữ nhĩ đồng kham khứ-quốc-sầu
Dị địa khả lân vô nhất kiến
Hoa-bang hàn vũ tống cô chu*

Tử Vi Lang tự dịch bài thơ của mình như sau:

*Nghĩa gì, trời đất sinh ta?
Chung sầu khứ quốc, chốc đờ mờì xuân
Tha hương chẳng gặp một lần
Bang Hoa mưa lạnh đưa hồn hoài hương*

Tập thơ “Đất Khách” của Thanh Nam đã được in ra cách đây đã hơn hai chục năm.

Thanh Nam đã qua đời chỉ hai năm sau khi “Đất Khách” được xuất bản. Sách in khổ lớn, bìa và phụ bản bên trong là tranh và ảnh rất đẹp của Duy Thanh, Ngọc Dũng, Trần Cao Lĩnh.

Thanh Nam sang Hoa Kỳ năm 1975, tổng cộng cho đến nay đã gần ba chục năm.

Ba chục năm nơi đất khách dài hay ngắn?

Rất nhiều chuyện đã rơi vào lãng quên.

Nhưng cũng có rất nhiều chuyện người ta không thể nào quên được trong khoảng thời gian ấy, chuyện kể ở người đi, kể còn người mất, tang thương biến đổi, xa nhau khi tóc còn xanh, gặp lại mái đầu đã trắng cả... Lại còn những người một lần chia tay cũng là vĩnh biệt, chẳng còn bao giờ nhìn lại thấy nhau nữa!

Đối với một số bằng hữu, một số độc giả của ông, Thanh Nam ở trong trường hợp như vậy. Những người đến muện trên miền đất Thanh Nam gọi là “tạm dung” này, cầm cuốn sách trong tay, chợt cảm nhận một nỗi buồn mênh mang.

Cuốn sách có thật.

Những dòng chữ trên giấy trắng, mực đen là có thật.

Nhưng cầm nó trong tay, người ta tưởng chừng chỉ đang cầm giữ một cái ảo. Ba mươi năm tóa tang, lụt lội nước mắt, hay dùng chữ của chính Thanh Nam “phí bao nhiêu tóc xanh đợi chờ”, rút cục cũng chẳng biết đợi chờ cái gì, quên hay nhớ thì tất cả mọi chuyện cũng đã tan vào hư không rồi, không níu lại được gì nữa, không sửa chữa gì được nữa.

Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng

Nghĩ đất vô cùng giá tự do

Thanh Nam đã ghi lên trang đầu tập thơ của mình hai câu thơ ấy.

Lấy lòng của người ở lại để hiểu lấy nỗi đau của người đi được chăng?

Hiểu được hay không hiểu được, rồi sao?

“Đất Khách” của Thanh Nam tràn ngập một nỗi ngậm ngùi của thân lữ thứ, nhớ nước, nhớ người.

Ơi hỡi quê hương bè bạn cũ

Những ai còn mắt giữa sa mù

Mất nhau từ buổi tàn xuân đó

Không một tin nhà, một cánh thư

Biên biệt thời gian mòn mỏi đợi

Rối bời tâm sự tuyết đặng tờ

Một năm người có mười hai tháng

Ta tròn năm dài Một Tháng Tư!

Trước 1954, ở Hà Nội, người ta đọc “Cuộc Đời Một Thiếu Nữ” của Thanh Nam, “Nhìn Xuống” của Sao Mai, “Cánh Hoa Trước Gió” của Nguyễn Minh Lang, “Mẹ Tôi Sớm Biệt Một Chiều Thu” của Hoàng Công Khanh... Năm đó Thanh Nam còn rất trẻ, mới chỉ trên dưới hai mươi.

Ông nổi tiếng rất sớm.

Thanh Nam bỏ Hà Nội vào Nam trước khi xảy ra hiệp định Geneve, nên ông có dịp làm quen và chơi thân với hầu hết các nhà văn, miền Nam, nhất là những người làm việc trực tiếp tại các tòa báo.

Khi được tin Lê Xuyên mất mới đây, hầu hết những người quen biết Thanh Nam đều liên tưởng tới ông và những ngày Sài Gòn cũ là vì vậy.

Cuộc lưu vong 30 Tháng Tư 1975 Thanh Nam coi như là:

*Chấp nhận hai đời trong một kiếp
Đành cho giông bão phũ phàng đưa
Đầu thai lần nữa trên trần thế
Kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ
Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt
Tập làm con trẻ nói ngu ngơ*

Có thể lấy cái buồn của người ở lại để hiểu nỗi khắc khoải của người ra đi và ngược lại chăng?
Giả thử rằng được, giả thử rằng không, rồi sao?
Mọi sự có gì khác với những gì đã xảy ra?
Hai mươi chín năm rồi ba mươi năm.
Những ai, còn ai mất?

“Đất nước” người ta có trở về được cũng vẫn chỉ là những cuộc viếng thăm.
Những người “cùng một lửa bên trời lặn đặng” còn lại bao nhiêu ngày à còn có thể làm được gì nữa đây?

Ngoài trên một chục cuốn tiểu thuyết, Thanh Nam còn viết kịch thơ, làm rất nhiều thơ, viết lời ca cho nhiều ca khúc của các nhạc sĩ bằng hữu, từng phụ trách biên tập nhiều tuần san văn nghệ, biên tập cho nhiều chương trình phát thanh.

Ông sống đồn hậu với tất cả bạn bè và được mọi người yêu mến.

Ở Hoa Kỳ mới vào Xuân. Tết Việt Nam qua đã khá lâu rồi, có còn cũng chỉ còn cái rét Tháng Ba. Liệu có đủ lạnh để ta cùng nghe lại “Thơ Xuân Đất Khách” của Thanh Nam không nhỉ:

*Canh bạc chưa chơi mà hết vốn
Cờ còn đánh phải đàn thua
Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng
Nghĩ đất vô cùng giá Tự Do!
Bằng hữu qua đây dẫm bẫy kẻ
Đứa nuôi thù hận, đứa phong ba
Đứa nằm yên phận vui êm ấm
Đứa nhục nhằn lê kiếp sống thừa
Mây nước có phen còn hội ngộ
Thâm tình viễn xứ lại như xa
Xuân này đón tuổi gần năm chục
Đối bóng mình ta say với ta*

Đọc thơ mới giật mình: Thanh Nam mới ở tuổi năm mươi. Còn quá trẻ!
Thế nhưng, có biết bao người như ông, có thể coi như đời đã mất từ nhiều năm trước đó, đứt ngang trước đó.

Bao giờ Tháng Tư sẽ không còn là vết thương của lịch sử chúng ta nữa nhỉ?

Nguyễn Đình Toàn và nỗi buồn trước mặt

Tạ Ty

Thấm thoát đã 17 năm rồi đó. 17 năm đi qua trong lòng con người "thiên lý tương tư" như một khoảng thời gian đầy dẫy buồn phiền. Từng năm, từng tháng nào có nghĩa gì so với nhịp luân hành vũ trụ, mà sao trong đáy sâu tiềm thức, trong hồ thăm nhớ thương, vẫn hiện lên bao nỗi giày vò gần như thê thảm. 17 mùa Xuân đất Bắc đã qua đi. 17 mùa Hạ cũng tàn phai theo từng trận gió Lào hầm hập. 17 mùa Thu chết rụi theo xác lá rơi ngổn ngang trên khắp nẻo đường Hà Nội và 17 mùa Đông với mưa phùn gió bắc thổi buốt ruột gan cũng phai nhòa trong tâm tưởng qua 17 mùa mưa nắng. Lòng người miền Bắc chợt úa héo mỗi lần nghĩ tới.

Nguyễn Đình Toàn sinh ra và lớn lên bên kia bờ Hồng Hà, huyện Gia Lâm nối liền với Hà Nội bằng nhịp cầu Long Biên vươn dài ngang dòng nước đỏ máu phù sa. Chỉ cách một cây cầu mà nếp sinh hoạt khác hẳn. Huyện Gia Lâm, có phi trường dân sự, có thôn xóm, luỹ tre bụi chuối, có bờ đê cao ngất xanh om cầu kỳ, mỗi năm một lần mở hội vào tháng Tám Âm lịch và một thị trấn chạy dài từ dốc cầu tới gần lối rẽ vào phi trường là hết. Đứng bên bờ đê Gia Lâm, có thể nhìn thấy lễ Hà Nội với chiếc cột đồng hồ, Bảo tàng viện và cửa ô Yên Phụ.

Nhưng khi nhớ về miền Bắc, Nguyễn Đình Toàn chỉ nói tới Hà Nội, với tất cả mê đắm qua lớp lớp nhớ thương. Hà Nội là trung tâm miền Bắc, ở đó, mọi sinh hoạt được nâng lên hay hạ xuống đều có giá trị quyết định. Toàn, nhớ phố hàng Ngang, hàng Đào, nhớ con đường tàu điện với tiếng chuông leng keng buồn bã, nhớ chợ Đồng Xuân, nhớ nhà Thủy Tạ, nhớ cầu Thê Húc, nhớ đền Ngọc Sơn, nhớ tháp Rùa, nhớ cả hàng dương liễu xòa tóc xuống hồ Gươm soi bóng! Nguyễn Đình Toàn nhớ, nhớ nhiều lắm, nào thành phố, nào người tình bé bỏng, nhưng cái nhớ ở đây thuộc về ký ức, nên nó được phác họa qua tâm tưởng bằng những hình dung mê cảm nhất.

Người làm văn nghệ bao giờ cũng đa sự, họ có biết chăng, nỗi nhớ thương một khi đã bày tỏ được, coi như hết, không còn thuộc về mình nữa. Một món nợ đã trả xong, một chia lìa vừa dứt khoát! Cái đau ở chỗ đó. Nhưng may mắn thay, sự nghiệp văn học của Nguyễn Đình Toàn không nằm ở môi trường ấy. Nó được hình thành trong vùng trời khác, nơi mà định mệnh và tình yêu đang chụp bắt, đang bủa vây, đang khép những bất ngờ và khổ não cho mỗi tuổi trẻ.

Tuổi trẻ, tình yêu, hai vấn đề lớn nhất đối với Nguyễn Đình Toàn. Nhà văn luôn luôn vì nó, nhân danh chúng để tỏ bày thái độ trước cuộc sống. Nguyễn Đình Toàn mở đầu nghiệp văn của mình bằng tác phẩm *Chị em Hải*, đăng từng kỳ trong nhật báo Tự Do và cũng do cơ sở này xuất bản. Tác phẩm ra đời, đưa ngay nhà văn vô hẳn khung trời văn nghệ và được dư luận liệt vào thể hệ *đợt sóng mới* của văn chương Việt Nam. Điều này, đúng hay sai, thiết tưởng, không phải điều hệ trọng, vì giá trị của nhà văn và chiều hướng sáng tác của họ không nằm trong chu vi một tác phẩm, nhất là tác phẩm đầu tay. Nếu bây giờ đọc lại, tác giả chắc đã nhận thấy rõ hơn ai hết điều đó!

Nguyễn Đình Toàn, nhà văn buồn bã và bệnh hoạn. Cái cuộc đời này, ngay cả trái đất nữa, tự cổ, vẫn chứa chấp trọn vẹn những vấn đề thông thường, trong nếp sinh hoạt chung, chỉ có khác, hình thức luôn luôn đổi thay theo tiến hoá, nhưng nội dung vẫn tóm gọn trong một số từ ngữ: sống chết, ăn ở, chủ quyền, thịnh vượng, tự do, công bằng, bác ái, tín ngưỡng, tôn giáo, v.v. Mọi quy luật đấu tranh đều xoay quanh mấy chữ trên, nhưng nó biến hoá khôn lường, làm cho mỗi từ ngữ biến chất và lý-tưởng-hoá nó tùy theo cứu cánh. Cũng như bốn chữ: Sinh, Bệnh, Lão, Tử, ấn định chu kỳ cho mỗi kiếp sống tạm bợ này.

Nguyễn Đình Toàn mang tuổi trẻ đi vào tình yêu, như kẻ hành hương gian nan đi tìm thánh địa trong tâm tưởng. Mỗi nhân vật được nhà văn dùng tới hình như đã mang sẵn một bản án, một

quyết định nên mọi diễn trình của nhân vật đều ôm theo nỗi bi đát của định mệnh. Hình ảnh cô liêu làm băng hoại suy nghĩ. Mỗi nhân vật dưới nét mực Nguyễn Đình Toàn được đẩy vào con đường không định sẵn hướng đi. Mỗi số phận cứ lần từng bước trong vũng tối của tâm linh và trở thành mù loà trước ám ảnh, dục vọng! Từng bước của nhân vật như đi vào miền lưu đày vĩnh viễn. Nó nguy hiểm như trò chơi đu bay và ghê rợn như bước trên sợi dây tử thần treo chênh vênh ngang miệng vực thẳm. Người đọc nhìn rõ chúng qua toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Đình Toàn. Nó liêm kết ở mỗi dòng, mỗi chữ. Nó vương nghẹn giữa vượt thoát và cản ngăn, như một dòng nước chỉ dâng cao đến mép bờ mà không cách nào tràn qua, đành phải xuôi theo chiều nghiêng để quăng mình vào nơi thấp nhất.

Tác phẩm *Con đường*, ghi nhận lại nỗi u uất và đờn đau của thân phận đàn bà. Nội dung cuốn sách nêu lên những dữ kiện phi lý (không phải cái phi lý của Camus) do cuộc sống đẩy tới và con người chấp nhận một cách vô ý thức. Vóc dáng người con gái không may mang vết chàm trên mặt lại còn bị bủa vây bởi một hoàn cảnh khốn khó, nên tự giải toả bằng liều lĩnh của bản năng. Niềm tin đã chết rồi! Cuộc sống và hạnh phúc là hai điều thất bại ở tận đáy thẳm của lương tri, còn gì để đấn đo, trả giá? Nhân vật xưng tôi trong tác phẩm, phải chăng là niềm ăn năn của một tín đồ ngoan đạo giữa khung trời thánh thiện mà nhà văn hằng mơ ước? Cuộc đời đối với nhà văn, không phải là khoảnh khắc, là giai đoạn sống của một nhân vật ở trong kịch thước của nó, nhưng đích thực, nó lê thê, ẩm ướt trong mỗi ô vuông hiện diện. Thân phận đứa con gái mồ côi cha, mẹ bỏ đi lấy chồng đã là điều bất hạnh, trời còn bắt tội mang tật, hỏi làm sao đủ can đảm để sống? Bởi vậy, người con gái đó có quyền thi hành những gì mình muốn, hoặc do định mệnh an bài. Nguyễn Đình Toàn, nhà văn tình cảm, bởi thế, những sự tình nêu ra hay được giải quyết đều thuộc tình cảm. Nếu đôi khi có sự tham dự của lý trí, cũng rất mờ nhạt, nó chỉ được dùng khi thực sự cần thiết. Chính vì muốn dùng cảm nghĩ để chuyên chở hành động nên phần độc thoại nội tâm bao giờ cũng lẩn lớt, nhà văn coi nó như động lực căn bản để dàn trải, mờ, thất sự tình,

... Từ ngày tự biết mình là một kẻ tật nguyên thì thế giới của tôi thu hẹp trên cái bao lon này. Không phải tôi không còn tiếp xúc với ai trong nhà hay người ngoài, cũng không phải tôi không còn bước chân xuống phố nữa, những lúc ấy tôi cử động, sinh hoạt như sắm một vai kịch tôi không phải là tôi. Chỉ có những lúc ngồi đây, trên cái bao lon này, với bóng tối vây quanh, tôi mới thật là tôi, được tự do dự phóng. Và từ đó phải chịu nhận một khoảng cách với mọi người.

Làm thế nào khi mình là kẻ tật nguyên, bất bình thường? Bước ra khỏi thế giới của tôi, tôi bị quan sát chứ không được nhìn ngắm. Có lẽ tôi quá bi quan về sự bất thường của mình, nhưng làm thế nào được, tôi không đề nén cũng không giấu được sự ấy...

Đoạn văn trên là những dòng đầu của tác phẩm *Con đường* (1967) mở ra trước mắt người đọc một phần số đã bị định đoạt. Người con gái trời bắt xấu là sự cực nhọc ghê gớm, là một hình phạt chung thân, là một huỷ hoại vô bờ bến, do đó, những sự tình nào xảy đến, dù đến bằng vòng tay ân ái của kẻ tình nhân, hay đến bằng đờn đau cũng chỉ là để thực thi một hình phạt! Con người ở hoàn cảnh này quả là tai họa của chính mình.

Người con gái ở với gia đình bên nội. Trong chuyến đi thăm mẹ dưới tỉnh để tìm về cho lòng mình chút tình thương. Biết rằng không phải là khách của mẹ, nhưng căn nhà của mẹ ở bây giờ, không phải nhà mình vì ngoài mẹ còn có cha dượng và các em khác bố. Đã mười năm qua rồi, hình ảnh mẹ còn in đậm trong thân thể, trong vóc dáng, trong ngôn ngữ cô gái, mọi người đều nói thế. Mẹ là biểu tượng cho ô nhục, mẹ đã ngoại tình lúc bố còn sống, mẹ đi lấy chồng khi bố vừa chết! Mẹ đã cách xa từ năm lên 7, bây giờ cô gái 17 rồi đó! Người con gái ở với mẹ 3 ngày rồi trở về. Bà mẹ đưa con ra bến xe, lúc xe sắp khởi hành, bà đứng bên này đường vậy

con và khóc. Đưa con gái chột nhận ra, 10 năm trước, mẹ cũng đã đi xe xuống miệt này, bây giờ, 10 năm sau con cũng xuống đây, nhưng con về, mẹ ở lại,

... Đòi con từ lúc ba chết, mẹ bỏ đi có lúc nào là lúc nên cười? Con gọi mẹ là hạnh phúc của con. Mẹ đứng bên kia đường, mẹ cách con một con đường...

Ý nghĩ như một vết chém. Nó làm rã rời hy vọng và từ đó, mỗi con người thuộc về một phía, dù cho là mẹ con. Cái con đường mỗi số phận phải kinh qua, nhiều khi là con đường quen thuộc. Nó chẳng xa lạ gì đối với mỗi người, nhưng mỗi người lại có cảm tưởng như nó khác biệt hẳn với ý hướng của đời mình. Chính vì nó đã quá cũ và nhàm chán nên làm mọi người quên, nhưng đích thực *con-đường-cuộc-sống* là một-cái-gì-không-hàn-gắn-nối, không-vượt-qua-nổi, cũng không-cải-tạo-nổi, nó là định mệnh.

Trên con đường trở về, chẳng may cô gái bị cảm, ngẫu nhiên gặp "chàng" trên chuyến xe, "chàng" đã sẵn sóc, giúp đỡ! Xe kẹt phà, chàng mời cô gái vào quán uống nước. Cô gái bị cảm nặng muốn ngất xỉu. Trong lúc choáng váng cô gái cảm thấy được nâng đỡ rồi thiếp đi... Đêm hôm đó, cô gái ngủ ở căn nhà xa lạ với "chàng". Sáng hôm sau tỉnh dậy, cô gái biết mình đã trở thành đàn bà sau một giấc ngủ. "Chàng", một quân nhân hào hoa, đến thăm em gái có chồng vừa chết vì trận công đồn, đã cho cô gái sự khoái cảm thứ nhất của tình dục, mãi mãi chỉ là gã đàn ông vô danh!...

Bi kịch ở chỗ đó. Nghịch cảnh trần gian đã dồn cô gái vào con đường không lối thoát. Con đau, nỗi buồn như bám chặt lấy một số phận bi đát rồi đẩy sau vào cuộc sống cũng bi đát không kém. Nguyễn Đình Toàn viết như kể lể, như thăm thì nói chuyện. Người đọc có cảm giác "ghe" chứ không đọc, do đó, văn Nguyễn Đình Toàn thấm vào lòng người như mưa phùn rỉ rả thấm dần vào lòng đất. Nhân vật trong truyện có vẻ chấp nhận những gì do cuộc sống đẩy tới, không phản kháng hoặc phản nộ, chỉ nhỏ nhẹ trình bày.

Thời gian qua mau, nhưng những gì xảy ra trong đêm ngủ lại dọc đường vẫn làm nàng bàng hoàng, sung sướng,

... Nhưng tự phần sâu kín nhất của đứa con gái là tôi, tôi vẫn nuôi dưỡng những cảm giác bàng hoàng, đau đớn, sung sướng đó như kỷ niệm quý báu... khắp người tôi mọc lên sự tủi nhục, quán quít tựa chìm trong một mớ rong, dưới mặt nước của sự khoái cảm lần đầu trong đời. Tôi không còn là tôi nữa. Chỉ còn là một sự ân hận tình nguyện vỡ ra cùng với nước mắt ùa chảy khi cơn lửa đã thổi ngọn cuối cùng...

... Tôi hư hỏng đến độ yêu quý cái kỷ niệm xấu xa đó như một vật báu chẳng? Đó là niềm ăn năn hạnh phúc của tôi? Một thứ hạnh phúc bất hạnh, giống như mẹ phải không?...

(*Con đường*, trang 26)

Chao ôi! Thứ hạnh phúc bất hạnh mà Kafka đã kê lên, đã gào thét trong tác phẩm của ông làm lay động cả lương tri thế giới, ai ngờ nó lại vẫn có mặt trong kịch thước Nguyễn Đình Toàn hôm nay. Con người giống như một hình nhân giữa cuộc sống. Nó được cuộc sống sơn phết và nguy trang rồi dẫn lộ vào đấu trường, để mặc cho may rủi định đoạt. Sự bất lực trong mọi đối kháng, mọi hoàn cảnh đôi khi làm con người trở nên ngu xuẩn. Cô gái vì không chịu nổi hoàn cảnh với ám cảnh ô nhục của người mẹ nên cố tìm cho mình con đường để vượt thoát. Con gái xin đi làm xa. Chỉ có ông nội còn chút thương xót nàng, nhưng ông nội già rồi, nên phải

chiều theo ý muốn của những người đang phụng dưỡng những ngày tàn của đời ông. Dù nhớ, dù thương, dù đau khổ mà vẫn phải dứt bỏ nơi mình đã có mặt 21 năm trời, vì nó đã ung thối và bị bủa vây bởi thù hằn, ghét bỏ!

Chiếc xe đưa nàng lên Cao nguyên. Trong chuyến xe, một gã đàn ông đứng tuổi lại hiện ra dưới nhãn hiệu nghệ sĩ,

... Đầu người đàn ông nghiêng qua một bên, hình như nhìn thấy hết mặt tôi và qua một mái tóc ông ta, tôi nhìn thấy một nửa mặt mang dấu vết tàn tật của tôi. Tôi có cảm tưởng bị cháy nốt nửa mặt còn lại bởi sự hiện hình đột ngột đó. Và tôi không biết làm sao hơn là nhắm mắt lại trong một cử chỉ chịu thua hoàn toàn...

(Con đường, trang 31)

Nhà văn hình như đã ước tính từng bước đi cho nhân vật do mình cấu tạo, nên mỗi sự tình đều được mở sẵn để đón chờ diễn tiến. Khuôn mặt người đàn ông đến với cô gái vẫn là khuôn mặt vô danh. Nó không mang tên riêng, chỉ được dùng như biểu tượng để ấn định mức độ hành động của nhân vật trong kỹ thuật viết mới. Thực ra, "ông viết kịch" có tên, cô gái biết vì đã đọc kịch do ông sáng tác, nhưng không nói ra. Nhà văn cố tình giấu để đồng hoá nó với những vô danh khác,

... Tôi cười nói với ông:

"Thì ra tôi vẫn đọc kịch của ông mà không ngờ lại gặp ông lúc này".

Ông ta nói:

"Cô nhớ được tên tôi sao?"

Tôi bảo:

"Không những thế, tôi còn có thể nói đúng một lời như nhân vật của ông nữa".

Ông cười nhìn tôi:

"Tôi không nhớ gì về họ".

"Ông muốn làm thế để họ phải phục tùng ông sao?"

Ông ngồi xuống bên cạnh tôi. Mùi thuốc lá thơm đầy trên áo ông...

(Con đường, trang 37)

Tám màn đã kéo sang hai bên để lộ khoảng đất trình diễn. Nhà văn đã sử dụng thị xã Đà Lạt với phong cảnh và bài trí thiên nhiên miền Cao nguyên ở đằng sau và đằng trước làm điểm tựa cho các nhân vật. Lên Đà Lạt làm việc, cô gái ở chung nhà với một bà cùng sở đã bỏ đến hai đời chồng nên bị gia đình từ. Người đàn bà đó sống nhiều, đã trải qua bao cơn sóng gió, đã già dặn. Còn cô gái, ngoài một đêm ân ái ngẫu nhiên, vẫn nhìn đời qua tấm lăng kính tình yêu đơn hậu.

Rồi tất cả họ quen nhau, ông viết kịch, bà ở chung nhà và cô gái. Mỗi người, mang tâm sự riêng. Họ chờ dịp để thực thi ý định. Ông viết kịch là cáo già, bà ở chung là sói cái, còn cô gái là con chồn đèn ngơ ngác đứng nhìn trời đất với vui thú hồn nhiên.

Ông viết kịch dựng cái bẫy lớn. Ông muốn một lúc đánh ngã cả hai con mồi, nên ông rất khôn ngoan về vấn đề giao tế và tế nhị trong ngôn ngữ đối với mỗi người. Ông nói với cô gái: "*Người ta sống để chia đều may mắn và bất hạnh cũng như bất hạnh và may mắn có ngay cùng với thân thể người ta rồi*", với ngụ ý sâu xa. Tiếc thay, cô gái chưa đến tuổi để hiểu ẩn dụ của ngôn từ! Ông cũng dùng ẩn ngữ để nói với bà ở chung, khi bà này kể chuyện về người chồng cũ: "*Anh ấy là một đứa trẻ tuyệt diệu!*" Ông viết kịch bảo: "*Một đứa trẻ thì dùng được việc gì?*" Câu chuyện xoay quanh những lời đối thoại xa xôi, bóng bẩy. Mỗi lời nói như một nút thắt, như một bước chân tiến gần đến mục tiêu. Trong khi đó, cô gái đã nhìn thấy cái gì mình mới-khám-phá-ra sắp vượt khỏi tầm tay,

... Tôi muốn, nhưng sợ, nhưng muốn hết sức, chạy theo ông giữ ông lại. Để làm gì? Tôi không biết và vì không biết nên tôi càng hoảng hốt. Có một cái gì đã hỏng, đã mất giữa chúng tôi? Không, đó là mây tưởng tượng ra đó, nhỏ. Bà bạn mở cửa vào nhà, bật đèn sáng. Tôi còn đứng ở ngoài nhìn theo bóng ông khách đi mãi về phía xa, qua một chiếc cột đèn và sắp qua một chiếc cột đèn khác...

(*Con đường*, trang 65)

Cái nhìn đây là cái nhìn thất bại, cái nhìn muộn màng trong tâm thức nhà văn. Cái nhìn không phiêu phiêu bay bổng mà nó cắm mốc im sững trong trí não như một mũi nhọn lút sâu vào xương tủy. Nhà văn còn đưa ra vấn đề phi luân, khi bà ở chung nói về luyến ái và muốn được tự do giải quyết sinh lý với giống đực, trước cô gái. Cái sự tình này như lời lảng nhục vào xã hội nhưng nhiều khi, nó là sự thực! Còn ông viết kịch lẽ dĩ nhiên, phải quan niệm cuộc đời theo đúng ý muốn của ông, vì có lợi,

... Cuộc đời như một vở kịch người ta cố dàn xếp để cho nó phải xảy ra như thế, nhưng người ta cũng có thể dàn xếp cho nó xảy ra khác hẳn thế, hay không liên quan gì đến thế cũng được...

(*Con đường*, trang 17)

Cô gái không là kịch sĩ, nhưng vô tình vẫn phải tham dự vào màn-kịch-cuộc-đời, nghĩa là nàng phải ra vào, đi đứng, nói cười theo tâm trạng vai trò thực của nàng. Ông viết kịch và bà ở chung đã "đóng" trọn vẹn cái vai trò của họ trên bề mặt chiếc giường, còn cô gái bất hạnh kia vẫn giữ một vai nạn nhân, phải chứng kiến những gì không-thuộc-về-mình, nhưng vẫn-bất-mình-đau-khổ. Nàng cảm thấy, như bị ai đánh vào tự ái. Nàng run rẩy đi tìm cho mình một sức lực để chiến thắng. Tiếng nước xối trong phòng tắm của bà ở chung đi khuya về, làm tâm hồn cô gái nhức buốt. Lòng dục phát động cùng với hờn ghen số phận. Cơn tuyệt vọng đã làm nàng choáng váng. Sự bầu vịu vào tình yêu tinh thần chỉ là ngơ ngàng và ngu ngốc! Cô gái chột nghĩ đến mẹ, đến sự thôi thúc của tình dục. Có lẽ, trong cơn bối rối như thế này, ngày trước mẹ mình đã ngoại tình chẳng? Những sợi thần kinh chùng xuống. Một vùng tủi nhục vừa mở ra trước mặt,

... Những người lớn tuổi như bà thường tự cho mình cái quyền nói đến những cái gì mà những người còn trẻ không muốn nói, và tự cho đó là những kinh nghiệm khôn ngoan của mình, thật ra thì đó chỉ là sự dạn dày.

Bà tiếp:

"Bây giờ nếu tôi nói, tôi đã ngủ với ông ấy, điều đó có liên quan gì đến em không?" Đó là câu hỏi quả thật tôi không ngờ bà cũng dám nói ra. Tôi như bị một nhát búa vào giữa đỉnh đầu... Câu nói đó chọc vỡ sự tức giận đang mưng mủ trong lòng tôi, cũng là một thứ tiếng nói từ bé tôi không tưởng tượng sẽ có lúc mình phải nghe và tham dự vào câu chuyện...

(Con đường, trang 85-86)

Thế rồi vì tự ái (chao ôi! Tự ái) của tuổi trẻ đưa cô gái đến quyết định, phải giành về phần mình những thứ gì mình có quyền hưởng. Ông viết kịch, kiếm đạo diễn tài ba, đã nắm gọn con mồi và nhai nuốt ngon lành! Một con vì dạn dày nên coi thường nguy hiểm, một con ngây thơ nhưng mang nhiều dục vọng,

... Ôi đêm như một thứ lửa đen đốt trên da thịt tôi một niềm đau đớn, kiêu hãnh, mù loà. Vâng, tôi sung sướng, kiêu hãnh vì tôi đã được sống như những người khác, dù sự sống ấy được giấu trong bóng đen của tấm tối. Da thịt tôi đã được sống đời sống của nó, mà tự bao giờ, tự thuở tôi lớn lên, tôi đã bắt lực đối với nó. Tôi muốn chiều chuộng nó cho đầy một lần. Khuôn mặt tàn tật nào hãy cứ để cho nước mắt chảy tuôn.

Tôi thả mình cho cơn sóng mềm bò từ đầu ngón chân lên những sợi tóc rũ...

(Con đường, trang 99)

Người con gái mất trinh tiết, đã liều lĩnh vì mặc cảm và coi sự chung hưởng xác thịt với gã đàn ông đáng tuổi cha chú mình là một vinh dự! Đã thú thật sự vui sướng của mình không còn che đậy. Cái thân xác kia và nguồn đam mê nhục thể có phải chẳng là ý muốn cuối cùng của đời con gái? Không. Nhất định nó không phải là mẫu số chung cho xã hội, cho những người trẻ tuổi hôm nay. Alberto Moravia, nhà văn Ý, thường viết về dục tính với những đoạn văn thật sống sượng, kích động, nhưng đích thực ở chiều sâu của những đoạn văn đó, nó hàm chứa kín đáo với ngụ ý khuyến dụ: tất cả những thứ ấy chẳng có giá trị gì đâu, nó chỉ là sự bộc phát quá độ, trong cuộc sống quá độ, hưởng thụ quá độ, rồi sẽ chẳng còn gì khi nó đã bị lột truồng! Tình dục, vấn đề có sẵn, hà tất con người phải vì nó mà khổ đau! Vô ích, mọi suy nghĩ đều vô ích vì trước sau gì nó cũng đến và phải đến, như sự sống, sự chết là một dàn xếp gọn gàng.

Sự trở về thăm gia đình của cô gái trong dịp Tết, nhà văn viết ra, có lẽ chỉ nhằm đưa sự tình vào môi trường khác, nó là màn hai của buổi kịch dở dang, luôn luôn dở dang vì mỗi số phận có đây, còn đây, họ vẫn phải chụp bắt, vẫn phải khốn đốn trong tâm thức Nguyễn Đình Toàn. Người ta đặt câu hỏi: Nhà văn đã sáng tác để làm đẹp hay dùng sáng tác để nguyên rửa cuộc đời? Thân phận cô gái phải chăng là biểu tượng cố định cho mỗi số kiếp? Nó là hạnh phúc hay sự lường gạt? Nó là sung sướng hay khổ đau? Và con-đường-cuộc-đời có phải chỉ dẫn đến thâm? Tất cả những bản thảo đó nằm trong cõi siêu hình, chắc chắn nhà văn cũng chỉ là kẻ tìm đường. Khi viết, có lẽ tác giả đã nghĩ quá nhiều đến sự bất lực của con người, vì con người, kẻ thất bại trong cố gắng qua vóc dáng *Lão ông và biển cả (The Old Man and the Sea)*

của Hemingway chăng? Sự đưa cô gái lên kích thước hí viện ngày mồng một Tết để độc diễn cũng chỉ đủ chứng minh cho sự mất thăng bằng trí não,

... Ánh đèn làm lóa mắt, tôi cảm thấy mệt thật sự, cái mệt của thân xác sau cơn dục tình, tôi nhìn xuống sàn gỗ dưới chân, hai mũi giày của mình lấm bụi, ánh sáng vẽ một vòng tròn gầy một nửa trên cánh gà bằng vải xám, một nửa dưới sân khấu, tôi muốn ngồi xuống, muốn nằm xuống đấy, như nằm xuống chiều sâu của một lỗ huyết...

(Con đường, trang 173)

Rồi cô gái nằm xuống thực, nằm xuống trong khoái cảm tê mê với ông viết kịch, trong khi có bốn phận đi tìm lối thoát cho số phận khác: hỏi chỗ phá thai cho ba cô chữa hoang!

Sự trở lại con đường cũ, con đường đã đưa mẹ mình vĩnh viễn xa mình, đã ngẫu nhiên cho mình giây phút rung động thứ nhất của đời con gái, lúc này hình như xa lạ ngay cả với mình. Điều này phải chăng là một hồi tưởng thâm thúy, phải chăng là con-đường-định-mệnh mà mỗi số kiếp phải lần theo cho hết gian truân?...

Nguyễn Đình Toàn thường đưa ra trong tác phẩm những nghịch cảnh. Đi từ nghịch cảnh đó, con người chỉ tìm thấy thất bại! Cái con-đường-cuộc-sống không ai có thể định sẵn được lộ trình, nhưng vẫn phải di hành trên đó với hai mắt mù loà, đôi tay quờ quạng và đôi chân dò dẫm. Cái bi thảm của thân phận là chỗ đó! Nguyễn Đình Toàn, nhà văn luôn luôn khao khát hạnh phúc, nhưng tâm hồn lại trôi giạt vào vùng trời bất hạnh, ở đấy, hạnh phúc chỉ là phiền muộn! Con người đã biến thành trò chơi của Tạo hóa, nó bị lưu đày vào tầng hố thẳm của ưu tư và bất lợi cho số mệnh an bài. Không một tác phẩm nào của Nguyễn Đình Toàn mở ra với ánh sáng, hầu như bao giờ nó cũng khóa lấp vào u tối của oan trái, khắc nghiệt! Trong *Con đường*, Nguyễn Đình Toàn bắt mỗi nhân vật phải chấp nhận định mệnh và nỗi bi đát của nó. Trong *Ngày tháng* nhà văn cũng đưa người đọc vào chung chủ đề: *Sự an bài của Thượng đế và sự bất lực của con người trước bạo cảnh trần gian*.

Đối với Nguyễn Đình Toàn, hình như mỗi con người đều mang sự chán mỗi thường trực giữa cuộc sống. Từng trạng huống xảy ra, con người chỉ đứng ngó, muốn kinh qua lại sợ vấp ngã, đành liềm nhắm mắt mặc cho dòng sông đẩy đưa. Mỗi nhân vật như được treo lơ lửng giữa vòm trời u tối rồi run rẩy, trôi lên, trượt xuống theo ý muốn nhà văn.

Người đàn bà trong *Ngày tháng* như một búng nhùng, một hy vọng bắt đầu tàn lụi và người đàn ông đối với nàng cũng chỉ có giá trị như một kèm hãm, một "cho phép" trong lề lối sinh hoạt thường nhật kể cả chuyện làm ái tình. Vinh, được tượng trưng bằng cây đèn xanh đỏ ở mỗi ngã tư đường. Vì thân phận người đàn bà 30 tuổi, goá chồng, sống một mình thắm lấm! Nó ngắc ngoải, chiều không ra chiều, đêm không ra đêm và tự sờ mó thân thể mình là điều nhục nhã, tự làm ung thối mình,

... Khi Vinh hôn tôi cái hôn đầu tiên, tôi nghĩ, cuộc hòa hoãn đã được dập tắt, tôi bắt đầu phải thở hết thán khí ra khỏi ngực. Mấy ngón tay Vinh thơm mùi vỏ chanh. Mùi thơm ấy báo hiệu rằng tôi phải làm người làm vườn trở lại. Phải trồng trọt lại những tình cảm của mình. Trên mảnh đất tôi không nhìn rõ mặt. Trên mảnh đất đã khóc than và đã chôn chặt quãng đời của mình...

(Ngày tháng, trang 11)

Thú nhận để chứng minh sự sòng phẳng. Hà, người đàn bà đam mê trong khốn khổ, là tai hoạ của chính mình trong mỗi suy nghĩ cũng như hành động. Mỗi ám ảnh vóc dáng người chồng cũ vẫn làm khổ nàng không ít. Một bộ đồ bay nhiều túi, một dáng dấp mền yêu, một phi trường với những tiếng động và một chuyến bay không bao giờ trở lại! Một thành phố miền biển với cát trắng và màu nước xanh trong nhìn suốt đáy. Những phiến mây giang hồ nổi trôi xung quanh thân tàu bây giờ chỉ còn là kỷ niệm! Cái vùng trời kỷ niệm đó như những chứng tích khổ đau. Nàng không muốn nhìn, không muốn nghĩ tới nữa.

Hà gặp Vinh, chàng phóng viên chiến tranh làm việc cho một hãng thông tấn ngoại quốc qua sự giới thiệu của người bạn. Thế là vùng mơ ước mở ra xoá nhoà dĩ vãng. Nàng cần một người đàn ông bên cạnh là đủ. Cô đơn là cái gì tủi nhục cho số kiếp đàn bà,

... Tôi không thể chịu nổi nữa cái cảnh nói không ai nghe tiếng mình, có lẽ tất cả những người đàn bà không có ai yêu, hay người yêu đã chết đều hiểu rõ điều này dù tôi biết, tôi hiểu rằng, những điều tôi nói ra không có gì đáng nói, nhưng ý nghĩa của nó là được nói với người khác không phải nói một mình...

(Ngày tháng, trang 24-25)

Con người sợ cô đơn, luôn luôn lẩn tránh cô đơn bằng cách dấn thân vào cuộc-đời-kẻ-khác. Cũng vì quá sợ hãi cô đơn, nên cô đơn lúc nào cũng ngập ghé, chập chờn để gây bao ấn tượng hãi hùng. Cái chiều sâu thăm thẳm, hun hút của không gian, cái chiều dài lê thê của thời gian và cái mỏng manh của kiếp người đã tạo nên chua chát và làm chùng giản nghị lực chống đỡ trước áp lực nặng nề của tâm cảm. Con người chưa hẳn đã chết vì phiền muộn nhưng cái bi thảm là phải kéo lê một dòng sống không thuộc về mình!... Miếng cơm nào, manh áo nào và mảnh hồng nhan nữa có phải đâu chỉ để mình tự ngắm? Bao Tự có đẹp nhờ U Vương, Dương Quý Phi có đẹp nhờ Đường Minh Hoàng và thơ Lý Bạch tán tụng, Điêu Thuyền có đẹp nhờ mắt xanh Lã Bố, Tây Thi có đẹp cũng nhờ Phạm Lãi hào hoa, nên sự tủi thân của Hà đã biến thành tù ngục! Còn gì khổ hơn, bữa ăn chẳng ra bữa ăn, nhà chẳng ra nhà, chồng chẳng ra chồng, đời chẳng ra đời!... Ngay cả cái cao ốc, Hà đang góp mặt, nó cũng chứa chấp trọn vẹn những dơ dáy, ti tiện và mỗi số phận như bị giam hãm trong một chu vi hạn chế. Hà tự giam, mọi người tự giam với bi kịch tiếp diễn liên hồi. Hà như bị lôi cuốn vào cơn hôn mê của dục vọng. Ảo tưởng đã lấn át thực tế và chỉ để cho nàng một kẻ hồ nhỏ le lói tia sáng mờ nhạt bên ngoài. Dục tình đã đẩy nàng vào một vùng sương khói đam mê. Vui và buồn là hai dấu hiệu duy nhất thay nhau chiếm cứ đỉnh cao suy nghĩ, đến nỗi Hà không phân biệt phần nào của mình, phần nào do ảo tưởng đời sống đưa lại,

... Mọi xúc cảm, ý nghĩ trong tôi bây giờ cũng đã tắt cùng ngọn đèn mơ tưởng nào. Tôi nhìn xuống da thịt mình trắng rợn trong đêm, ánh sáng đã thoát ra, hay đó chính là cái ánh sáng gọi là đời sống? Đời sống có từ thân thể của chính mình hay là những người ngồi lê trong mấy cái quán cóc...

... Tưởng tượng mạnh và rõ ràng đến nỗi có nhiều khi đã làm tôi hoảng sợ. Những lúc đó tôi muốn chết, cái chết nhẹ nhàng như tiếng chết tôi muốn la lên một mình, nhưng nó nhỏ lí nhí, lúng búng trong cổ họng, tôi trở dậy đóng cửa sổ hay mở ra làm một cửa chỉ gì đó, kiếm một viên thuốc uống, đi lại trong phòng và chính lúc đó, tôi lại nhìn thấy tôi nằm trần trọc trên giường. Dĩ nhiên đó chỉ là ảo tưởng...

(Ngày tháng, trang 46-47)

Ảo tưởng đã du con người vượt thoát thực tại, đồng thời đẩy con người vào thất vọng khi vụt tỉnh. Vinh đó, nhưng chàng không thể nào gần Hà, vì tình yêu chỉ là một phần của đời sống. Ngoài tình yêu, mỗi người đều có nhiệm vụ riêng, trách nhiệm riêng về đời mình. Đi vào tình yêu là đi vào miền lưu đầy không giới hạn. Biết thế mà Hà vẫn trầm lặng cam chịu bằng cách chối bỏ lời xin của người bạn Mỹ, tuy khác nòi giống, nhưng yêu nàng tha thiết. Nàng là người đàn bà chung thủy chăng? Chưa chắc! Nàng là người Việt Nam nhiều tinh thần dân tộc chăng? Chưa chắc! Chỉ có điều không thể hồ nghi: Hà, kẻ bệnh hoạn! Nỗi buồn đã trở thành chứng bệnh, dù nhà văn đã tạo cho Hà một bức tường đạo lý tượng trưng. Nỗi buồn gặm nhấm làm mỗi mòn cuộc sống và bệnh nhân chỉ còn biết giao phó tính mệnh cho viên thầy thuốc. Vinh là viên thầy thuốc đó. Thay vì cho người yêu uống thuốc bệnh, chàng lại cho nàng uống toàn độc dược có đặc tính kích thích thần kinh,

... Sự vuốt ve nhẹ nhàng nuôi từng chút cảm giác cho lớn dần, rồi thoát ra như mạch nước, tôi giữ cứng thân thể không cho chuyển động, và trong một giây mặt mũi tôi bỗng tối sầm, trí óc và cảm giác tan lẫn vào hư không nhòa nhạt làm run rẩy hết chân tay nâng thân thể lên rất cao, rồi thả xuống, lắng chìm từng cơn, giữa ý thức bắt đầu thấy lại.

Vinh ngủ thiếp ngay trên người tôi, tôi phải dùng sức đẩy anh xuống bên cạnh, sự mệt nhọc và cái kính làm tôi muốn la lên thành tiếng, nhưng tôi đã nằm im, lững lờ nằm như con vật chịu thua...

(Ngày tháng, trang 67-68)

Sự đam mê quá độ làm con người mất sáng suốt, hầu hết các nhân vật dưới ngòi bút Nguyễn Đình Toàn đều ở trạng thái bình thường do tình dục cấu tạo. Sự hốt hoảng và xa lạ ngay cả với mình không còn là điều vô lý nữa. Nó quay cuồng, chìm đắm trong cái vực thăm thẳm thể hầu như không cách gì vượt thoát. Cái hành lang thời gian của một kiếp người in đậm nỗi thăng thốt của những cơn mắt lơ dờ mỗi mện, những ngất ngây nghiêng ngả, những rã rời câm tiếng! Khuôn mặt người con gái trốn nhà theo trai cùng sống trong vòng đai cao ốc này, đã vẽ vào cuộc đời một dấu than đậm nét. Hà cứ lẫn lộn với ảo tưởng và chập chờn giữa tình yêu như bóng ma thơ thẩn dưới ánh trăng suông. Thêm một đau khổ nữa, Hà biết mình sẽ chẳng bao giờ có con vì một chứng bệnh thời con gái. Người đàn bà không sinh đẻ không phải đàn bà, dù Hà có biện minh cách nào đi nữa. Những hoàn cảnh bủa vây xung quanh Hà toàn thù nghịch. Nếu có phút giây nào thoả đáng, nó cũng mong manh quá đổi. Tình yêu thì cay đắng như chất độc còn kiếp người thì buồn thảm, bơ vơ,

... Tôi nhìn xuống giường, nhìn xuống mặt vải trắng bên cạnh mình vừa bị xê đi, tôi có cảm tưởng như là tôi vừa xích người cho một người nào nằm xuống đó, cái chỗ vẫn còn đấy, và cảm tưởng này làm tôi ghê gai khắp cả người, tôi đã nằm chung giường với cái chết, có lẽ như thế, tôi đã nhìn thấy sự sống của tôi lìa khỏi mình, tôi đã nhìn thấy sự trống trải của đời mình, tôi đã nhìn thấy một dấu tích không còn dấu tích nào, tôi đã nằm với sự mất tâm của mình, một lần như thế, đôi ba lần như thế, là hết cuộc đời...

(Ngày tháng, trang 99-100)

Trong lúc thất vọng nhất, tự nhiên dĩ vãng quay về để, vừa an ủi vừa tách rời ảo tưởng và thực tế. Những lời nói ân tình, những dấu vết in hằn trong trí nhớ, những đam mê nguyên vẹn mùi

hương và còn gì nữa đây? Có lẽ một vùng sa mù, một giọt sương mắc trên đầu lá!... Tường tượng là hình thức vừa thừa nhận vừa phủ nhận đời sống, cũng như chữ nghĩa là biểu thị đời sống đồng thời nó từ chối điều nó biểu thị. Văn Nguyễn Đình Toàn như độc dược, nó tàn phá mãnh liệt chẳng những trên chu vi cơ thể, còn làm mòn mỗi suy tư. Hà, con bệnh bị giày vò tàn nhẫn dưới uy quyền nhà văn. Chồng chết, vợ trong ám ảnh, người tình luôn ở xa lại còn bị bắt vì đã chui xuống hầm tàu toan trốn đi ngoại quốc. Hà phải lo, phải khóc, phải vất vả trong việc nuôi kẻ ở tù. Sau cùng, vì may mắn, Hà vẫn được Vinh trong một thời gian ngắn nữa. Đây là một ân huệ chót nhà văn dành cho nhân vật,

... Vinh không nói gì, anh siết chặt tôi trên người, sự say đắm của Vinh làm tôi cảm động, anh hôn trên đó và anh đã cho tôi cảm tưởng nó là bông hoa của đời tôi, của đời chúng ta. Vinh muốn tôi tắm với anh, tôi gọi đầu kỳ cọ cho anh, nước làm cho đục vọng được tưới mát, ướt đẫm, trời trong xanh nhìn thấy sau ô cửa nhỏ, những cành lá đan buồn với nhau...

... Mỗi tối chúng tôi đều uống, rượu làm cho tình ái trở nên gay gắt hơn và cũng vì thế quyến rũ hơn, một tuần lễ gần như tôi đã sống thường trực trong sự bàng hoàng, cơn bàng hoàng đã được chìm sâu trong cơ thể, khắp người tựa có hàng ngàn con sâu đất âm u thấp lên chất sáng, chúng mất ngủ đã được những cơn mệt mỏi làm cho thiếp đi, tôi đã ngủ những giấc ngủ của người chết, ý thức mỗi ngày một tan loãng, đôi lúc trở nên mù mịt...

(Ngày tháng, trang 119-120)

Ý thức về đời sống là một ý hướng được phát hiện trong lúc tỉnh táo nhất. Nó có mặt như lời cảnh cáo, như một dạn dò, khuyến nhủ. Nhưng ý thức là trừu tượng, nó nghĩ về đời sống chứ không phải đời sống nên nó cũng dễ dàng tan biến trong tâm trí một con người cố tình buông trôi thân phận. Cả da thịt cũng vậy, có khi là sông núi cản ngăn, có khi là giao thoa mù mịt!...

Nằm trong tay người tình vẫn ngửi thấy mùi thân thể với ngày tháng bụi ngùi có bóng đêm vây quanh và những giờ lẻ loi, cô độc. Đây đó, lập lờ hình ảnh của cái chết treo lửng lơ giữa hy vọng và tuyệt vọng, để cuối cùng vẫn là xa cách, vì Vinh bị gọi nhập ngũ. Hà sửa soạn tiễn người tình vào trại với ý tưởng khổ não. Nhưng nàng đâu có biết, trò chơi nào rồi cũng tàn và cuộc đời không biết cảm động!

Ở hai tác phẩm *Con đường* và *Ngày tháng*, Nguyễn Đình Toàn đều dùng nhân vật phái nữ giữ vai chính, và cả hai thân phận ấy, chẳng người nào được chút may mắn, có chăng chỉ là những khoảnh khắc đam mê tình dục rồi tắt lịm trong mỗi mệt rã rời. Trần gian sự thực có nhiều lạc thú nhưng sao, nhà văn chỉ chọn toàn những đắng cay, bi phẫn để bắt nhân vật do mình cấu tạo - xuyên qua cuộc đời - phải đắm chìm giữa cơn lốc nội tâm cuồng nộ? Và con đường ấy, ngày tháng ấy, sẽ dẫn con người đến đâu trong một xã hội đã băng hoại cả luân lý lẫn đạo đức? Có lẽ, vấn đề đó ở ngoài cương vị nhà văn.

Tác phẩm *Không một ai* (1971), nhân vật chính, một thanh niên đau yếu vì đã bị thương trong thời gian hành quân, về thành phố làm công việc mới. Sự hiện hữu của vết thương, chẳng những làm suy yếu thể chất, còn làm cho nghĩa sống giảm mất phần tốt đẹp của nó. Nhân vật xưng tôi, muốn thay đổi, muốn vứt bỏ hiện tại đón đau, đó là ý nghĩ tốt, nhưng chỉ là ý nghĩ thôi, vì làm sao chàng ta có thể cải tạo được cuộc sống có đó, trong khi mình chỉ là cá nhân mang thương tích tàn phế? Không những thế, trong tâm sự, đang bị hành hạ bởi cuộc tình dang dở và một nhen nhúm bắt đầu. Nội dung tác phẩm tiết ra nỗi buồn thương lãng đãng với những sự kiện được nói tới qua bốn nhân vật: Chàng thanh niên bệnh hoạn, Ph., người đàn bà tình nhân, Trang đang khốn khổ và Kế, người đàn ông đứng tuổi còn nhiều đam mê. Cái trục xoay quanh

vấn đề tình ái và cuối cùng chẳng còn lại gì ngoài sự đổ vỡ toàn diện. Lối dựng truyện của Nguyễn Đình Toàn bao giờ cũng vậy, rất ít nhân vật, và điều quan trọng lúc nào cũng nằm trong phần độc thoại nội tâm. Do đó, đọc văn Nguyễn Đình Toàn, không thể đọc mau, đọc lướt, mà phải đọc trong lúc tâm hồn thật thanh thản và có khoảng thời gian rộng trước mặt, người đọc mới thấu triệt được hết cái hay của văn chương. Văn của Toàn không mang theo dòng gió hay bão táp, nó trầm lắng như những đợt sóng ngầm miên tục vỗ vào lòng người làm say say, ngất ngất. Có người nói, văn Nguyễn Đình Toàn nặng vì chuyên chở quá nhiều ý nghĩ, nó không sống động, lồi cuồn. May mắn thay, đó là điều nhà văn hằng mong muốn vì nó là cá tính đặc thù của Nguyễn Đình Toàn.

Chàng thanh niên ốm yếu, bệnh hoạn không chịu nổi tiết trời thay đổi, mưa hay nắng bất chợt đến có thể làm cho thân xác lả xuống, do đó, nếu trong tác phẩm, nhân vật có ý tưởng bi quan nào, cũng không có gì đáng ngạc nhiên,

... Giấc ngủ cũng trở nên ẩm ướt, đôi khi tôi không phân biệt được những gì mình đang nhìn và nghe thấy là trong lúc thức hay mê ngủ. Những tiếng động như gõ mãi vào tiềm thức, đôi khi chợt tỉnh dậy trong đêm khuya, nghe cùng một lúc tiếng mưa gió bên ngoài và những tư tưởng, thân thể ngỡ trôi trong cõi mù mịt nào, ngỡ như mình đã chết. Mưa trong cõi trong và cõi ngoài chìm tâm trí hẳn vào cơn ảo giác. Thân thể cùng một lúc nhẹ tênh như chiếc bong bóng trôi trên mặt nước hắt hiu những lau sậy, ao ước được thay đổi, thay đổi cái bầu không khí đang thở, thay đổi những nỗi mờ ám đang bám trên các vật dụng nhìn thấy hằng ngày, thay đổi cách sống, thay đổi cái nhìn...

(Không một ai, trang 9)

Đau thay! Mơ ước chỉ là mơ ước vì ý nghĩa cuộc sống không nằm trong ý nghĩ của một người, vì cuộc sống không phải chỉ có con người đơn thuần, nó còn được hình dung qua địa lý và lịch sử. Sự hiện diện của Trang, người bạn gái cùng sở, dưới cơn mưa giữa một khung cảnh mang nhiều phiền não, phải chăng là nguyên cớ để hy vọng có sự đổi thay? Người tình đã bỏ đi, cơn buồn còn giăng ngang tầm mắt, nào có gì đáng mơ ước đối với một thân phận èo uột, với thể xác chết sững một nửa vì chứng tích chiến tranh, một nửa vì chán chường tình ái. Niềm u tối như bủa vây khắp ngả đến nỗi chàng trai chẳng dám nhìn cả khuôn mặt người đàn bà vì đã yêu hay thương mà diu mình qua khỏi cơn ngất xỉu giữa đường. Trang, là chiếc bóng, mãi mãi là chiếc bóng vừa dịu hiền vừa đáng mến. Nàng cũng lặn đục, gian truân trong vấn đề tình ái. Hiện nàng ở với mẹ và hai đứa con. Nhưng tình thương yêu này cũng không đuổi được ra khỏi hồn nàng niềm cô đơn và đói khát đàn ông.

Chàng trai đã xuyên qua Trang để thấy người tình, người tình phụ rẫy,

... Tôi nói với Trang, nói với Trang ngồi trước mặt, nhưng tôi vẫn còn như muốn nói với nàng, bởi trong chiếc ghế đó nàng đã ngồi, chính trong chiếc ghế đó nàng đã chia sẻ với tôi những hơi thở ngọt ngào của nàng những lần trò chuyện âu yếm...

... Nàng bỏ đi vì tôi đã không biết yêu nàng, chỉ có thể như vậy, yêu cũng có một cung cách ư? Đó là điều tôi không nghĩ tới, không tưởng tượng, không muốn thử tìm hiểu làm gì.

Có thể có một cách bày tỏ tình yêu chung cho nhiều người hay cho một người chẳng? Hạnh phúc cũng như thăm kịch, có lẽ đó là điều chúng ta không thể lựa chọn...

(Không một ai, trang 25)

Mọi người sinh ra đều không có quyền lựa chọn gì cả, nhưng cũng không phải để cúi đầu chấp nhận mọi sự tình, mặc số phận đẩy đưa, mà phải thu xếp những mâu thuẫn, nguyên có chính đáng để có thể vì nó mà yên tâm bước lần theo con đường số kiếp với chút hàng hái nơi lòng.

Tình yêu trong tác phẩm của Nguyễn Đình Toàn không bao giờ nguyên vẹn. Nó đứng chênh vênh trên bờ vực hay lơ phơ phát trong từng ý nghĩ mong manh. Nó cuồng nộ một cách giả tạo. Nó vượt quá xa mức độ một cách giả tạo. Nó vượt quá xa mức độ thực của nó. Nó chỉ được phác họa mà không bao giờ cụ-thể-hóa được giữa cuộc đời. Những ý nghĩ táo bạo về dục tình cũng chỉ để nói với mình, để lừa dối mình, để chiến thắng mặc cảm, thứ mặc cảm bất lực về thể chất vũ bão ở nội tâm.

Buổi sáng Chủ nhật của thành phố, trong quán nước vô tình, người yêu cũ chợt tới. Sự gặp gỡ này như một khẳng định, một ý muốn rõ ràng để chứng minh quá khứ, chứ không phải hiện tại,

... Những tiếng nói làm náo động sự yên tĩnh trong tâm hồn, sự yên tĩnh đang bị vây hãm bởi những tiếng động dồn nén bên ngoài.

"Em yêu anh. Nhưng có lẽ anh sẽ sung sướng hơn với một người đàn bà khác".

"Vấn đề không phải là chúng ta sung sướng hay khổ hơn. Nhưng..."

"Anh muốn trở lại từ đâu?"

"Anh yêu em..."

Tôi nói và nhớ lại những buổi sáng trong bệnh viện trời còn âm u...

... Tiếng người ho, kêu la trong các dãy nhà thấp. Vẫn cái mùi hôi ẩm mốc, của cái chết, những vết thương tấy sưng, của những cuộn băng đầy máu mủ, của những thứ thuốc sát trùng formol, đờm rãi, cặn bã, những cống rãnh, chuột bọ. Những nệm giường cáu ghét loang lổ, bao nhiêu người đã nằm, đã chết, bao nhiêu người còn sống...

... Em đã đến với anh những ngày buồn thảm đó, bây giờ em bỏ đi làm thế nào anh không xót xa...

(Không một ai, trang 74-75)

Nhắc nhở đến quá khứ, với những ân tình đầm thắm, như một tiếc nuối để chụp bắt lại những gì đã vượt khỏi tầm tay. Nhưng vô ích, mỗi ngày qua đi, mỗi buổi xa nhau có thể làm sai lệch những ý tốt đẹp nhất, có thể làm rã rời cả suy nghĩ về nhau. Tình yêu có những lúc thật buồn thảm mà kẻ yêu nhau bao giờ cũng là tội nhân ở bên này hay bên kia ước muốn! Một người đã quyết tâm rời bỏ thì người kia còn chờ mong gì ở cuối đường hồi tiếc? Sự gặp lại chỉ còn là kỷ niệm, mà kỷ niệm y như sợi tơ nhện bị gió bão làm đứt nát từng khoảng,

... Tôi muốn thả xuôi theo ngày tháng, đời sống và cái chết đã có giá trị ngang nhau, giống như nhau. Tôi đã được cứu sống nhưng tôi không biết dùng đời sống tôi để làm gì ngoài cái việc giản dị là tiếp tục sống nốt cái quãng đã được cứu thoát, đã được trở lại đó...

... Trở lại cùng với ánh sáng, với những tiếng nói cười, những bữa ăn, những quán nước, những lúc đốt thân thể trong những cơn thiết tha muốn sống, muốn yêu, muốn khóc, muốn được bình thản như cỏ cây, muốn hung bạo như thú dữ, muốn bay muốn hát như chim, ngày mỗi mệt trong giấc ngủ trưa, đêm thánh thót trong tiếng mưa giục giã, những cánh tay quần quít, những môi hôn ân huệ, tham lam những mắt nhìn âu yếu, những cơn trở giấc lắng nghe than thở, những vuốt ve triu mến vu vơ, mơ trốn, chiều chuộng một ngày như một ngày sống lại, một đêm như một đêm đã chết đi...

... Tình ái như cơn nước vừa tầm mắt, vừa đầy đũa, vừa dim sâu, chìm đắm. Trong đáy sâu của cõi chết, của đời sống thấp lửa mỗi ngày đó, tôi đã dần dần lấy lại được sự bình an. Nàng như con cá muốn trườn khỏi dòng nước, vượt lên một mình...

(Không một ai, trang 88-90)

Ngọn lửa yêu đương do nhà văn thấp sáng, sự thực, cũng chẳng soi tỏ được bao nhiêu. Nó le lói trong tiềm thức và chao động trước bão táp cuộc đời. Thứ hạnh phúc tạm bợ, chấp nối, kéo dài bao nhiêu chỉ làm khổ nhau bấy nhiêu. Rồi hối tiếc và chán nản như cơn mọt đục sâu lòng gỗ, nó a tòng với thời gian làm mục nát tất cả. Nó như bóng mây bay ngang mặt đất, vẫn buồn bã trong mỗi đắn đo, kể cả đắn đo về hạnh phúc. Hương thơm tình ái chỉ như cơn gió nhẹ lướt quá trí tưởng tượng, như tia nắng chợt lóe lên rồi tắt lịm trong cơn giông đổ tới. Sự trở về của Ph. vẫn chẳng làm nguôi ngoai tiếc hận với những búng máu ứa ra từ cổ họng và những cơn ho bệnh hoạn phát động trầm trọng trong cơ thể yếu đuối của chàng trai.

Với tình yêu, sức khoẻ cũng là yếu tố quan trọng, vì không ai có thể yêu nhau bằng tinh thần suốt đời nếu có hoàn cảnh chung sống. Ngoài nguyên nhân thuộc tình cảm hoặc cung số, thường ra, chuyện ngoại tình đều do sự bất lực thuộc phía đàn ông hay bởi sự lãnh cảm ở phía đàn bà.

Nhân vật trong truyện chạy trốn vào thú đam mê khác mong khoả lấp thực tại. Chàng trai đã thử thời vận hay tìm lãng quên trong việc đánh cá ngựa. Cơn đỏ đen của cuộc chơi này tuy chẳng phải điều thích thú nhưng cũng cho chàng ta biết thêm một khía cạnh khác của đời sống, ngoài ái tình. Trò đánh cá ngựa, dĩ nhiên không hào hứng bằng cuộc chơi tình ái, nên sự được thua không tạo nên ảnh hưởng. Dù ở đâu, trong hoàn cảnh nào, nhân vật cũng chẳng có cách gì ra thoát khỏi vùng sương khói của thất vọng bủa vây trùng lớp để chìm sâu ý nghĩ vào hờn giận, khổ đau. Tiếng hát nào, thân hình đàn bà gợi dục nào, với những ly rượu cay nồng dung tích phòng trà cũng chỉ là chuyện tìm quên chốc lát. Nhân vật như chìm đắm, bị cuốn hút xuống vực thăm, ở đáy, không còn gì ngoài cái thể xác bệnh hoạn và tình yêu xa vắng. Cái ô vuông do nhà văn ấn định cho nhân vật di chuyển và suy nghĩ, thực quả nó quá nhỏ hẹp, bị dồn nén với bức bối để nảy sinh ra ý tưởng bi đát,

... Những đêm khuya chợt nghe tiếng ve kêu rộn từ một nơi xa tít nào dội lại như một sợi dây, lão đảo trong cõi mịt mùng nào của khu xóm mà mọi tiếng động đã ngừng hẳn, anh bị vây bọc bởi sự im lặng hắt hiu phủ lấy anh bây giờ như một niềm thân mật độc nhất mà anh có thể hoà hợp, không còn một tiếng động nào, nhưng dường như sự nặng nề của muôn ngàn tiếng động dồn nén trong suốt một ngày, (trong nhiều ngày) không thể thoát đi quanh quần đầu đó và vẫn còn đủ sức làm cho hơi thở trở nên khó khăn...

(Không một ai, trang 123)

Sự chờ đợi Ph. trở lại mỗi chiều đi làm về với tiếng mưa rơi bên ngoài mồn mõi. Những bước

chân quá khứ đi nhẹ nhàng vào hồn với viên gạch có dấu sơn loang. Viên gạch còn đó, nhưng lối cũ em chẳng trở về, trong lúc ấy, hình ảnh Trang dập dềnh ẩn hiện tuy gần mà xa vì cuộc tình không phải và không thể được cấu tạo do sự nhút nhát với đề phòng của mỗi bên.

Kế, người đàn ông đứng tuổi, cùng phục vụ chung một cơ quan, đã vẽ đường cho chàng trai chơi cá ngựa bây giờ lại rủ đi hút thuốc phiện. Việc đến tiệm hút là một bất ngờ nhưng, lỡ rồi, mặc kệ! Cái trò chơi này chàng trai đã thử đôi ba lần mà chưa tìm thấy thú vị, nhưng nể bạn, cũng cố kéo hai điếu, thấy ngây ngất, lơ mơ! Chàng trai hút để biết mùi đời, còn Kế hút vì có lý do,

... Kế cười:

"Tại vì anh chưa già, cũng tại vì anh chưa có vợ, nhất là anh không có hai vợ, trong đó một người chỉ bằng nửa tuổi anh, anh chưa biết cái thứ này nó effect như thế nào".

Tôi cũng cười bảo Kế:

"Kinh nghiệm nào của anh nghe cũng rùng rợn cả".

Kế nói:

"Đàn bà là thứ kỳ lạ lắm. Suốt đời tôi chỉ mong hòa với họ mà không được".

Anh làm tôi bật cười. Tôi tưởng lại những ngày chung sống với Ph., hạnh phúc chúng tôi tạo ra với nhau là một thứ hạnh phúc êm đềm, nó không có vẻ gay gắt như Kế nói. Có lẽ điều đó cũng tùy người, tùy trường hợp.

Kế nói tiếp:

"Cảm bằng như tất cả mọi sự rồi cũng tan thành mây khói cả, cảm bằng như cuộc đời được xếp đặt đúng như ý anh, cảm bằng như kẻ trước người sau ta đều không gặp mặt, và đời chỉ ngắn ngủi như một hơi thở, tại sao mình lại không tìm cách kéo dài những cái phút tạm gọi là hạnh phúc cụ thể đó..."

(Không một ai, trang 155)

Sau những giờ dài trong trường đua và tiệm hút, nhân vật, con-người-bệnh-hoạn, đã thoáng thấy một cái gì tàn tạ, một cái gì lặng lẽ, bơ vơ như cái chết gần kề.

Chàng trai trước mắt Trang, người-đàn-bà-không-may, lúc nào và bao giờ cũng gọi đến cho nàng cái cảm giác: hấn sẽ gục xuống, hấn sắp ngất đi, nên những phút gặp mặt là mở đầu cho thương hại, tuy có ẩn ý mến yêu. Lời đối thoại trong truyện thật ít, chả nhẽ tác giả bắt các nhân vật cảm cả, vì cái trục của tác phẩm nằm ở phần độc thoại nội tâm của nhân vật xưng "tôi". Vì phần độc thoại hơi nhiều, nên những trang sách thiếu linh hoạt, đôi lúc nó làm người đọc mệt mỏi bởi quanh quẩn mãi với một thứ tiếng, một tâm trạng, một cảnh huống đã như vậy, mãi mãi như vậy! Chính thực, nhà văn muốn đi sâu vào ý thức, muốn dùng văn chương để chuyên chở ý tưởng, nhưng sự chuyên chở nào cũng vậy, nó đòi hỏi một kỹ thuật tuyệt luân, một biến hoá vô cùng và một tài hoa xuất chúng, mới mong đạt được kết quả.

Bất ngờ đã xảy ra, Ph. trở lại căn phòng xưa làm chàng trai bồi hồi cảm động gần như bờ ngõ.

Sự trở về này cũng tựa tựa như sự trở về nơi đũa con hư hỏng trong tác phẩm của Gide. Cái mùi hương quen thuộc trên da thịt đàn bà lại chìm tuột trở vào thú vui nhục thể. Sự trở về, có thể là một trở trên, nhưng nó vẫn có tác dụng làm sống lại trong tiềm thức mỗi kẻ yêu nhau, những quá khứ vội vàng,

... Mỗi lúc được gần gũi nhau như thế, tôi thường có cảm tưởng ngầy ngất dường như nhắm một chút rượu say, tôi nhớ tới những ngày lẻ loi đã sống, tôi sợ cái lúc sẽ chẳng còn được sống với nàng nữa, hình như mỗi lúc ở bên nàng, tôi đã biến thành một người khác, và tôi sợ sự khốn khổ này có thể lây sang nàng nữa, tôi trở nên bối rối và bất thường trong trạng thái đó...

... Sau mỗi cơn ân ái tôi có cảm tưởng chúng tôi mỗi kẻ chìm sâu thêm xuống cái vực ngăn cách của mình, giống như một chiếc quan tài trong suốt, nhìn ngó nhau qua mặt trong của lớp vỏ sần thắm đó, sức lực, sự âu yếm, xót thương, tập trung trong cuộc hòa hợp dốc hết ra trong cuộc hoà hợp đó, thân xác trở nên khô héo, tình ái giống như một cuộc ép xác, cuối cùng chỉ còn trơ nổi quạnh hiu ngày tháng phủ trên tàn lửa quạnh hiu đó một lớp tro than chờ giờ nguội lạnh...

(*Không một ai*, trang 194-198)

Những ly nước đã hắt đi rồi muốn vớt cũng không được, nên cuộc tình có trở lại cũng chỉ là niềm băn khoăn vì không có tương lai, quá khứ thì bùng bùng, nhào nhoẹt. Đời sống của mỗi người là một chân lý, cái chân lý đó ít ai nhìn thấy cứ chạy quanh đi tìm ở mãi đâu. Tình yêu cũng vậy, nó chính ở trong lòng mỗi người, khôn khéo thay, con người vì chọn lựa, đánh giá, so sánh làm cho mỗi cuộc tình trở nên bi thảm! Tình yêu trong tác phẩm Nguyễn Đình Toàn luôn luôn bị du vào thế kẹt để nhà văn phải vì nó mà tổn hao bao nhiêu suy nghĩ. Sự tình đó không xa lìa đời sống, nó là đời sống có đấy, nhưng hình như nó cũng chẳng phải vì đời sống mà hình thành sự thể. Nhân vật trong truyện không nhìn nhau trực diện, nó mập mờ vóc dáng và nặng nề hoạt động. Trong tác phẩm *The Sound and the Fury* (*Âm thanh và cuồng nộ*) Faulkner đã đưa ra những mẫu người có nhiệm vụ phải thực thi những gì đã ấn định trong tâm thức, đồng thời xuyên qua các hoạt động và ngôn ngữ của từng nhân vật, ở đây nhà văn trình bày ý niệm u uẩn: cuộc đời là bi đát, con người là nạn nhân, còn thời gian là ám ảnh. Ba thứ đó lút mỗi suy nghĩ để tạo nên đổ vỡ.

Nguyễn Đình Toàn dẫn dắt nhân vật của mình đi vào sự tàn phá nội tâm, như con bệnh trầm kha luôn luôn than van về thuốc men, và đau đớn. Vì quá sợ nên liều, nó phó mặc cho định mệnh: *Một sự tàn phá im lặng và êm đềm, một bề ngoài êm đềm giống như trái cây còn nguyên vẹn nhưng thực ra lõi sâu đã đục nát bên trong, một tiếng chuông tự bùng kín tiếng kêu, tự dội lại trong vũ trụ của mình những cơn chấn động!* Nguyễn Đình Toàn đẩy nhân vật đi vào tình yêu nhưng ít khi cho nó có được giây phút đầy đủ trọn vẹn. Nó bị đình dập, đè nén bởi những ý nghĩ u tối làm tan rã mọi niềm vui. Nó như mưa chiều, nắng sớm. Nó hợp rồi tan. Nó là sự đùa giỡn quá trớn. Nó quá khứ vội vã, đồng thời nó cũng chia lìa bất chợt.

Trang đã làm ái tình với Kế, người đàn ông biết hưởng thụ nhưng ít suy nghĩ. Trái lại, chàng trai yêu Ph. như yêu một cái gì cao đẹp, chỉ riêng mình mới thấy. Sự đi, ở của Ph. dùng dằng như nửa cho, nửa tiếc,

... Đôi khi tôi có cảm tưởng thời hạn cuộc tình của chúng tôi đã hết, ngày đã qua, bây giờ là thời khắc của đêm đáng nhẽ nó phải giải thoát tôi khỏi nàng... nhưng không phải, chúng tôi đã chung sống, đã yêu nhau, nhưng hai kẻ vẫn có một kẻ muốn tách ra khỏi người kia, tình muốn bỏ tình chứ không phải người muốn bỏ người...

(Không một ai, trang 256)

Những trang sách nhiều lúc bải hoải, lê thê, liễm kết vào bên trong tâm trạng của nhân vật với giằng co, níu kéo, lúc vứt đi, lúc nhặt về, với từng cơn lốc nhục thể.

Giữa lúc đó, Kế được thăng chức cùng với cái chết của con ông. Cái chết của một sĩ quan Quân y ngoài mặt trận. Chiến tranh, đối với Nguyễn Đình Toàn là điều xa lạ, rất ít được nói tới trong tác phẩm, nếu có đề cập chẳng qua cũng như một điểm trang thời thượng. Kế, chẳng biết vì buồn hay do duyên cớ nào khác, lại rủ chàng trai đi hút. Cái không khí dơ dáy của tiệm hút được mô tả với những dòng thật thô nhưng đúng. Mọi người tới đây để hút chứ không để nhìn và khi cơn say đã tới thì cả vũ trụ đều là hư ảnh,

... Tôi hút hai cặp và bắt đầu cũng thấy lơ mơ, dường như khói bỏ đi khắp xương tuỷ không có một cảm giác nào rõ ràng cả, nhưng khắp người là tất cả những cảm giác mơ hồ đó hội tụ lại, nó làm cho muốn loay hoay tìm kiếm cái này cái khác châm vào ngọn đèn đốt...

(Không một ai, trang 274)

Lúc trở về, cơn say đã thắm, chàng trai nôn ọe trong phòng tắm. Say thuốc phiện khổ lắm, nghiện ngập thật xấu xa, nhưng Phù Dung tiên nữ có vạn phép màu làm cho ai đã trót mê nàng khó lòng dứt bỏ. Một trong những phép màu đó là nàng trợ sức cho công việc làm ái tình. Ph. ngạc nhiên trước sự dai dẳng của một thể xác vốn yếu đuối lại ham mê sinh lý.

Kế, còn môi giới cho chàng trai gặp Lan, cô gái bụi đời thường có mặt tại trường đua. Chàng đóng vai gã phiêu lãng để thay đổi không khí và để có ảo tưởng đã xa được Ph., một người tình đã trở nên bận bịu. Sau trận tình, chàng trai trở về ngủ thiếp, Ph. chong đèn ngồi khóc! Rồi nàng bỏ đi... Nằm một mình, chàng trai chợt nghĩ đến những tên tuổi đàn bà đã lướt qua đời cùng những thân hình mờ nhạt thiếu sinh khí, thiếu linh động.

Thế rồi chàng lại tìm đến tiệm hút, có Lan đi cùng,

... Tôi bảo Lan:

"Em ngồi xuống cạnh anh chơi".

Tôi để ý cũng chẳng thấy Lan có phản ứng gì khác lạ.

Người chủ tiệm nhòm dậy thắp đèn đi lấy thuốc. Lan ngồi sát bên tôi, nàng kéo cao gấu váy cho dễ cử động hơn. Tôi gối đầu trên hai đùi nàng duỗi thẳng, Lan vuốt ve tóc tôi đùa nghịch.

Tôi thở trên nàng cái mùi vị thơm tho của vải và đàn bà. Chiếc mini jupe kéo lên chỉ còn lại trên háng nàng một quần lót mỏng. Hai đùi Lan mềm, nàng lặng lẽ như một mặt nước. Người chủ tiệm mang thuốc lại tiêm cho tôi hút như một khách hàng quen thuộc...

... Lan quàng tay ôm ngang bụng tôi, tôi đã say mềm người, tôi nhắm mắt và hai mắt lúc đó như hai cánh cửa đóng lại, nốt cái ánh sáng của ngọn đèn dầu trong đầu cái ánh sáng không lối thoát mỗi lúc chói thêm lên trên óc.

Tôi nghe tiếng Lan ghé sát tai bảo nhỏ:

"Trông anh vậy mà không ngờ anh nghiện".

Cả cái thứ bụi đời như vậy mà cũng còn chê cái trò chơi này quả là một thứ không ra gì thật...

(Không một ai, trang 323-324)

Cuộc sống như thế, cứ như thế, ngày đi làm, tối ăn chơi. Nhưng đột nhiên nút thắt tác phẩm siết chặt ở những trang cuối. Trang đã mang bầu với Kế, nằng tìm cách phá. Trang báo tin cho chàng trai biết sự việc và chỉ mong gặp mặt, coi như an ủi sự không may của nàng. Ph. vẫn hiện diện trong không gian này như nổi giày vò. Một quyết định nhân đạo chợt đến, Chúa muốn cứu vớt Trang ra khỏi vực thẳm của tội lỗi mà lương tri cho là cần. Chàng trai không muốn Trang phá thai. Chàng muốn được đùm bọc Trang và cái thai trong bụng. Họ sẽ thành hôn khi nào nàng khoẻ mạnh. Chàng đưa Trang ra khỏi nhà thương vì Ph. đã đi khỏi.

Khi trở về nhà, nhìn vào, thấy ánh đèn. Ph. vẫn còn đó. Có lẽ bị xúc động mạnh trước thực tại, Trang lên cơn đau dữ dội. Chàng và Ph. lại phải đưa Trang vô bệnh viện. Sau khi thăm bệnh, Trang được đem vào phòng mổ. Lát sau, nàng chết. Một cái chết âm thầm, lặng lẽ nhưng đã gây ra những thống thiết trong lòng ba người đang sống: chàng trai, Ph. và Kế. Mỗi lương tâm hình như có trách nhiệm một phần.

Chẳng biết làm gì để giải toả tâm linh, chàng trai lại đi hút. Đang nằm bên khay đèn. Cảnh sát xét nhà, chàng bị bắt. Ở nơi tạm giam, chàng nhờ người báo tin cho Kế và nhờ chức vị, ông ta đã lãnh chàng ra khỏi bót. Sau đó, chàng trai lại tìm cách tự trốn khỏi mình bằng cuộc đen đỏ ở trường đua. Chàng đã thua, đã mất hết, và cánh cửa định mệnh bây giờ do mình mở lấy. Cô đơn lại trở về cô đơn! Tác phẩm *Không một ai*, đã trình bày những khía cạnh thật u uất, thật khắc khoải ở nội tâm từng nhân vật. Mỗi số phận hầu như do định mệnh dẫn dắt họ đến gần nhau để làm khổ nhau một cách vô ích, trong những ý tưởng chán chường về tình ái cũng như đời sống. Cái chủ đề của câu chuyện nằm ở đó. Nó vô lý như vậy, mà thân phận mỗi người trong thực tế, nhiều khi âm u hơn! Nguyễn Đình Toàn viết như cắm sâu vào lòng giáy những cái mốc nhọn và chắc, nó có đủ sức chống chọi với thời gian và thay đổi.

Nguyễn Đình Toàn đi vào văn chương không với tư thế kẻ nhàn du. Mỗi bước chân như in đậm vào mặt đất sự khó nhọc, vất vả của kẻ tìm đường - con-đường-số-mệnh - mà nhà văn luôn luôn cúi đầu chấp hành mệnh lệnh. Nguyễn Đình Toàn không phải nhà văn phản kháng, phần nộ nhưng cũng không chấp nhận trần gian này là điều mong ước. Con người và thời gian như hai kẻ thù chạy đua giữa cõi sống và chết. Một bên sợ mất, một bên bắt phải mất, dĩ nhiên con người luôn luôn là kẻ bại trận.

Ngoài những truyện dài, Nguyễn Đình Toàn viết rất nhiều truyện ngắn. Mỗi truyện gói trọn một vấn đề thuộc đời sống tâm linh với đấng cay tình ái. Tuổi già, đối với nhà văn như một thất bại lớn, thất bại hoàn toàn. Con người không ai tránh được nó, trừ phi chết trẻ. Tuổi già như sự nhục nhã. Nó hiện hữu hết sức vô ích, dù ở chiều kích nào. Truyện *Đêm lãng quên* tuy ngắn nhưng cũng đủ nói lên tất cả những nhục nhằn mà tuổi già phải gánh chịu. Cuộc sống vật chất dù thiếu thốn, vẫn có thể kham được, chứ sự bất lực về thể chất nó tạo nên mặc cảm chua xót,

... Tôi đã nghe thấy tất cả cái hắt hiu tàn lạnh của một đời người, của những đêm mãi mê trong các cuộc truy hoan, đổ đên tích lại trong máu huyết, bây giờ đang muốn tắt đi cái dư vị cuối cùng, tắt đi cái chút lửa còn sót mỗi khi cơn bệnh bắt hành hạ, cho cái cảm tưởng, ta vẫn còn

chân tay vẫn còn đời sống... Những buổi xế chiều, những sớm âm u, những giờ phút đời sống đã tự giấu mặt, đã lẫn khuất, đã lẫn lộn, tuổi già như một cơn nước lụt đã dâng lên tới ngang ngực, hơi thở đã khó khăn, những thú vui đã bị chìm cả xuống vực thẳm phiền muộn, những nỗi phiền muộn không tên...

(*Đêm lãng quên*, trang 10-11)

Tuổi già quả là hình phạt của Thượng đế đối với mọi người, dù sống trong sung túc hay cùng khổ. Mỗi lần thời tiết đổi thay bất chợt là người già bị ảnh hưởng ngay. Cơn đau tê thấp và sự nhúc nhích mỗi gân cốt kéo lê làm rũ liệt cả ước muốn. Những chiếc răng đã mất. Đôi mắt thiếu tinh tường đi đâu cũng loay hoay tìm kính. Những sợi cước thay cho màu tóc và sự chậm chạp của bước chân như đeo nặng cả khối chì. Tình dục nếu được nghĩ tới cũng chỉ là ước mơ xa lạ! Nhân vật trong truyện *Đêm lãng quên* hiện diện như bức tượng để nhà văn nhìn vào nó, như nhìn vào cuộc đời mình mai hậu, trong bối cảnh không kém thể lượng bằng thế. Sự hồi tưởng chỉ là xót xa. Còn gì đau khổ hơn, kẻ đã muốn nhìn rõ vai trò của mình trong những giờ cuối của vở kịch, nên mọi hành động trở nên kỳ cục,

... Mùa hè thúc giục trong những đêm khuya trở dậy mò mẫm trong căn phòng, nhìn thấy đôi vợ chồng trẻ ở căn phòng đối diện, cách một khoảng sân, cặm cụi vào công việc đó sau khung cửa mở rộng. Đêm quá nóng nực, và họ không thể tưởng ta là con ma có thể thức vào lúc đó để rình mò và nhìn thấy họ... Không, không phải chỉ là cái ham muốn thông thường của dục vọng, nhưng hình như nó đã làm rung rinh cả nỗi bi thương bùng bít trong lòng ta cùng với cái chết...

(*Đêm lãng quên*, trang 14)

Mặc cảm đã làm tuổi già chết cứng trong cái vỏ của nó. Nó tàn rạn như mũi lao ném đi từ bóng tối đến mục tiêu ngoài ánh sáng. Nó hận thù xen lẫn hờn tủi như con vật già vô dụng đứng ngơ ngác giữa đường phố trong buổi chiều tà. Nó âm ảm, tiêu điều trước cái chết treo chênh vênh trước mặt. Thú vui, kỷ niệm và tưởng tượng xáo trộn tạo thành mối bùng nhùng không dứt khoát. Đêm và ngày chỉ là những thời khắc chắc sẽ đến và sẽ qua rồi không tìm thấy vĩnh viễn. Tuổi già, một thất bại hoàn toàn,

... Khi con nhỏ gõ cửa, ta không thể đoán ra nó... Trong cái bóng đêm đen kịt của một cơn giông nín nghẹn, trận mưa đã không thể nào đổ xuống, đưa con gái hiện lên giữa khung cửa như một khối đen đặc... Có một chút gì đó đã tẩm lẫn vào không khí, cái không khí lạnh nhạt ta thở hít mỗi ngày, làm cho nó trở nên cay sè, mùi phấn, mùi nước hoa rẻ tiền. Một thứ mùi vị đã xa cách hẳn ta như một tấm áo cũ lâu ngày mới được gỡ ra, hương vị phai nhạt đó lại trở nên gay gắt...

(*Đêm lãng quên*, trang 17-18)

Hình ảnh đứa con gái chơi bời sang phòng lão già xin lửa trong đêm tối làm xao động hẳn tâm tư căn cõi, đánh thức lại tinh xuân đã tàn lụi với tuổi già như nắm tro tàn. Ấc thay, nó lại là tuổi trẻ. Nó có đầy đủ những gì thèm muốn. Nó làm cho lão nhớ đến thời niên thiếu. Cái mùi con gái gọi lên bao hình ảnh! Cái tuổi sáu mươi, cái tuổi khắc nghiệt, không thuốc gì chữa được. Dưới ánh sáng của ngọn đèn âm u, bệnh hoạn, lão nhìn rõ hết thân phận mình và đứa con gái chơi bời vẫn coi lão như cha, với cái nhìn tuyệt vọng,

... Đã từ lâu ta ngắm đời sống, và đời sống diễn ra trước mắt ta trong sự ngó nhìn im lặng đó, diễn ra lặng lẽ như ở bên kia một tấm kính trong, không còn một hoạt động nào bên trong nữa, ta muốn nói phía bên này tấm kính. Đưa con gái đã lạc vào cái chỗ kín bưng của ta bên này và khua động lên, làm ta không còn kịp nhận ra phương hướng của mình nữa...

... Không có lẽ con không hiểu được, không bao giờ có thể hiểu được nỗi cay đắng trong lòng ta, không phải chỉ là sự nặng nề trong một cái thân thể đã tàn tạ nhưng chưa thoả, nhưng mà vì ta còn muốn hút lấy cái đời sống còn đầy nơi con, cái đời sống mà ta đã kiệt quệ, cái đời sống chỉ có thể lấy từ một người khác, cái đời sống không còn thể truyền tiếp nữa, như con ong hút lấy mật của một bông hoa, điều đó chắc con không biết được, đời sống ta hiện giờ như ngọn đèn cháy trong không...

(Đêm lãng quên, trang 23-35)

Tuổi già chỉ biết nhận chứ không còn cho được, vấn đề đó là định luật của tạo hoá. Những điều nhà văn viết ra, không ở ngoài cái định luật đó.

Nguyễn Đình Toàn có cái nhìn không mấy thiện cảm với đời sống, vì đời sống không phải là quê hương mà nhà văn thường mơ ước. Do vậy, khi cần phải tỏ bày thái độ trước nó, luôn luôn nhà văn đi vào cơn sóng thác loạn, dùng nó như khí giới để chống đỡ thực tại. Nhưng cuộc đời trước mặt không phải một khối có thể sờ mó được, có thể di chuyển được, mà nó tan loãng, phiêu phiêu bay bằng bạc trong tâm trí mỗi người rồi buộc chặt vào nhau bằng ước lệ và nhu cầu. Người nghệ sĩ bao giờ cũng đòi hỏi về phần mình cái chủ quan tuyệt đối trong cung cách sống ngay cả ở sáng tạo, nhưng đích thực, họ bị lưu đày vĩnh viễn trong cái lồng kính trí tuệ mà họ không hề hay biết.

Vì muốn đi sâu vào ý thức, dùng ý thức để nhận định, soi sáng chính sách nên văn Nguyễn Đình Toàn không thể tránh được sự nặng nề, mệt mỏi, đôi khi chìm lắng và băng khuâng trong mỗi trang đọc thoại nội tâm, nhưng chính nó lại là điểm đặc biệt của Toàn vậy.

Nguyễn Mạnh Trinh Nguyễn Đình Toàn

Cơ sở Báo Chí & Xuất Bản Người Việt vừa cho ấn hành tập Tạp Ghi Văn Nghệ của Nguyễn Mạnh Trinh, dày trên 600 trang. Sách trình bày trang nhã nhưng “co” chữ hơi nhỏ đối với những người cao tuổi.

Như cái nhan của cuốn sách, Nguyễn Mạnh Trinh viết về gần 70 tác giả, cả trong và ngoài nước, các nhà văn, nhà thơ và cả nhạc sĩ, những cảm nghĩ của mình khi đọc/nghe các tác giả ấy, đôi khi chỉ là những xúc động bất chợt của tâm hồn đầy ứ văn chương, kỷ niệm của ông, tuôn tràn thành chữ.

Cũng phải nói thêm cho rõ ở đây, mặc dầu Nguyễn Mạnh Trinh đã xác nhận rằng mình “tuyệt đối không có ý định phê bình”, chỉ là người “đứng bên bờ biển văn chương ngắm nhìn thường thức từ góc cạnh riêng”, nhưng cái phần “phê” và “bình” vẫn chiếm một phần không nhỏ đối với hầu hết các tác giả ông đề cập đến trong cuốn sách.

Tạp ghi hình như đang là một loại hình văn học đang được các người viết xử dụng rất nhiều.

Và (hình như) mỗi người có thể hiểu hai từ ấy một cách. Chính Nguyễn Mạnh Trinh, người đã dùng hai từ ấy để ghi chú cuốn sách của mình cũng phân vân:

“Viết tạp ghi có phải là công việc làm văn chương? Câu hỏi ấy thỉnh thoảng lại lờn vờn trong óc tôi mỗi khi nghĩ tới bài viết sắp đến. Thực tình, tôi muốn làm một người tìm tòi trong sách vở, trong đời sống một chút mơ mộng, một chút gì khác với đời thường, của mỗi ngày làm việc, của mỗi tuần bắt đầu từ thứ hai cho tới thứ sáu. Thâm tâm, tôi muốn tìm người chia sẻ. Viết ra, cũng là một cách làm vui cho chính mình.”

Những ai để tâm theo dõi sinh hoạt văn học nghệ thuật của chúng ta ở hải ngoại, những năm gần đây, hẳn cái tên Nguyễn Mạnh Trinh đã trở nên quen thuộc. Trang Văn Học Nghệ Thuật của Nhật Báo Người Việt chủ nhật hàng tuần gần như không bữa nào thiếu bài của ông. Điều đó chứng tỏ ông làm việc cần cù, đều đặn và nhất là say mê công việc.

Nói cách khác, qua các bài viết của Nguyễn Mạnh Trinh, độc giả, dù đồng ý hay không với các ý kiến và nhận định của ông, đều có thể dễ dàng nhận ra một điều: ông là người yêu văn chương. Ông viết như một cách tỏ tình với sách vở, với văn chương, chính xác hơn : tỏ tình với thơ.

Người yêu thơ là người có khuynh hướng yêu cái đẹp tuyệt đối. Nên đối với ngay cả những thi sĩ mà ông yêu mến nhất, nói một điều gì đó, làm một điều gì đó “không thơ” hoặc chỉ “thiếu chất thơ” thôi cũng khiến ông có vẻ “tiếc rẻ” thậm chí “nổi giận” nữa.

Trường hợp Xuân Diệu là một thí dụ. Nói về thơ Xuân Diệu thời kỳ Cộng sản Vương Trí Nhàn viết: “Xuân Diệu đã trở thành một người lao động đơn giản theo nghĩa đen của từ này”

Còn Đặng Tiến thì cho rằng: “Xuân Diệu đã cướp một mâm tiệc Bồng Lai đem về làm một bữa cơm trần thế cho những người ăn vì cần ăn chứ không phải ăn cho vui miệng. Thơ Xuân Diệu ngày xưa là áo gấm, thơ Xuân Diệu ngày nay là manh áo nâu sứt chỉ đường tà” Nguyễn Mạnh Trinh dùng hai tiếng “kinh khủng” để nói về thơ Xuân Diệu khi Xuân Diệu tự coi mình là con gà mái mắn để dễ đẻ trứng phục vụ Đảng :

Cục tác.. Cục tác

Hết trứng này tôi còn trứng khác

(Xuân Diệu/Buổi trưa ở Thịnh Lang)

Ngắn gọn thôi, nhưng đau đớn. Nỗi đau đớn ấy, ở một mặt khác, nói lên cái tình của Nguyễn Mạnh Trinh đối với văn chương, đối với thơ.

Khi yêu, thực sự yêu, người ta dễ bị xúc phạm lắm. Càng hiền lành, người ta càng dễ bị xúc phạm. Chỉ một lời nói vô tình, một hành động tình cờ nhỏ không đẹp, đủ làm vỡ những kỷ niệm, vì yêu nên đã trở thành trân quý, tạo thành những vết thương âm thầm, nhưng nhiều khi mãnh liệt, đủ làm cho tâm hồn người ta khánh kiệt, nói chi đến sự phản bội trắng trợn đến như thế.

Nguyễn Mạnh Trinh có vẻ là một người hiền lành. Văn ông chứng tỏ điều đó. Cung Giũ Nguyễn đã có lần nhận rằng ông có những câu văn thâm độc, phản ứng của người sống hưởng nội, bị ức chế.

Phê bình “Mái Tây” của Vương Thực Phủ, Thánh Thán đã viết đại khái rằng: “Kẻ nào đọc cuốn sách mà không thấy được cái hay thì cứ việc nọc ra mà quát cho mấy roi. Nhưng nghĩ cho cùng đánh như thế cũng oan cho hắn. Vì hắn có biết đâu mà đánh”

Câu văn không ác sao?

Mà cũng không “hay” sao?

Cái ác trong văn chương như vậy đó. Nó không làm đau người, không làm chết người. Nó xóa bỏ cái ác. Nguyễn Mạnh Trinh viết về những cái bất mãn của mình chỉ như những điều đáng tiếc. Nhẹ nhàng thôi. Ông cũng không quanh quẩn với những cái bất như ý đó lâu.

Lật trang trước, trang sau người ta lại có thể được đọc những dòng văn dịu dàng như một dòng suối nhỏ, dù ông có đang viết về ai đi nữa.

Phần Nguyễn Mạnh Trinh viết về Vũ Bằng, có những đoạn rất đẹp. Dường như ông nhập vào cái dòng tùy bút của Vũ Bằng, đầy ắp những hoài niệm, có điểm gì đó tương đồng giữa hai tâm hồn nên ông đã viết một cách dễ dàng (có vẻ như thế) và trích dẫn Vũ Bằng theo cái cách người đọc có cảm tưởng (hình như) ông còn muốn trích dẫn nhiều hơn nữa:

“Nhớ quá, bất cứ cái gì của Hà Nội cũng nhớ, bất cứ cái gì của Bắc Việt cũng nhớ, nhớ từ cánh đồng lúa con gái mơn mớn nhớ đi, nhớ từ tiếng hát của người mẹ ru con buổi trưa hè nhớ lại, nhớ hoa sấu rụng đầu đường Hàng Trống, nhớ quả bàng ở Hải Hậu rụng xuống bờ sông đào, nhớ sen Linh Đường thơm ngào ngạt cả bầu trời mà nhớ lên, nhớ nhãn Hưng Yên, nhớ vải Vụ Bản, cá anh vũ Việt Trì, na Láng, bưởi Vạn Phúc, cam Bồ Hạ, đào Chapa mà nhớ xuống. Nhớ không biết bao nhiêu, nhớ bát canh rau sắng Chùa Hương, nhớ khóm tiến xuân la trồng ở bên dậu trúc, nhớ mưa bụi vợ chồng nửa đêm thức giấc đi uống một ly rượu ấm ở cao lầu, nhớ những buổi trưa hè có ve kêu rền rền, nhớ luôn cả những cô gái Thổ cưới ngựa thò đi trong rừng có những cánh hoa đào rơi lả tả nơi vai áo..”